NGUYỄN THỊ ĐÔNG (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN HẢI KIÊN (Chủ biên)
PHẠM ĐÌNH BÌNH – NGUYỄN THỊ HUYỀN

Mĩ thuật

2

SÁCH GIÁO VIÊN

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NGUYỄN THỊ ĐÔNG (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN HẢI KIÊN (Chủ biên)
PHẠM ĐÌNH BÌNH – NGUYỄN THỊ HUYỀN

Mĩ thuật 2

SÁCH GIÁO VIÊN

Cánh Diều

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: Tầng 6, Toà nhà số 128 đường Xuân Thuỷ, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.37547735 | **Email:** nxb@hnue.edu.vn | **Website:** www.nxbdhsp.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập: ĐỖ VIỆT HÙNG

Chịu trách nhiệm tổ chức bản thảo và bản quyền nội dung:

CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: NGƯT NGÔ TRẦN ÁI

Biên tập:

NGUYỄN ĐỨC HUY – NGUYỄN THUỲ LINH

Thiết kế sách:

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG YÊN

Trình bày bìa:

TRẦN TIỂU LÂM

Sửa bản in:

BÙI THỊ BÍCH HƯỜNG

Cánh Diều

MĨ THUẬT 2 – SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số:

Mã ISBN:

In ..... cuốn, khổ 17 x 24cm, tại.....

Địa chỉ: .....

Số xác nhận đăng kí xuất bản:

Quyết định xuất bản số:

In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 26/12/2018, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã kí Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm Chương trình tổng thể và 27 chương trình môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có Chương trình môn Mĩ thuật. Đây là căn cứ để các cơ sở giáo dục, quản lí và tổ chức dạy học, đánh giá kết quả giáo dục trong nhà trường phổ thông theo định hướng giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đồng thời, các chương trình này cũng là cơ sở để các Nhà xuất bản biên soạn sách giáo khoa và các tài liệu thiết yếu.

Bộ sách giáo khoa lớp 2 mang tên "Cánh Diều" gồm 8 môn học, được Nhà xuất bản Đại học Sư phạm và Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cùng Công ty Đầu tư Xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam tổ chức biên soạn đã được Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 709/QĐ-BGDĐT ngày 09/02/2021.

Để tạo thuận lợi cho giáo viên trong tổ chức dạy học nội dung sách giáo khoa môn Mĩ thuật lớp 2 thuộc bộ sách Cánh Diều, chúng tôi biên soạn sách giáo viên môn Mĩ thuật lớp 2.

Cấu trúc nội dung cuốn sách gồm hai phần:

Phần một: *Một số vấn đề chung về chương trình và phương pháp dạy học môn Mĩ thuật lớp 2*

I. Mục tiêu và yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực môn Mĩ thuật

II. Yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học môn Mĩ thuật lớp 2

III. Phương pháp dạy học môn Mĩ thuật lớp 2

IV. Thiết bị dạy học môn Mĩ thuật lớp 2

V. Đánh giá kết quả học tập môn Mĩ thuật lớp 2

Phần hai: *Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên và tổ chức dạy học sách giáo khoa Mĩ thuật 2*

A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN

I. Thời lượng dạy học

II. Nội dung chủ đề, bài học trong sách giáo khoa Mĩ thuật 2

III. Yêu cầu chung về soạn giáo án/kế hoạch bài học và tổ chức dạy học sách giáo khoa Mĩ thuật 2

B. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 2

Chủ đề 1. Học vui cùng màu sắc

Chủ đề 2. Sáng tạo với nét

Chủ đề 3. Trang trí bằng chấm, nét lặp lại

Chủ đề 4. Vui học với tranh in

Chủ đề 5. Những hình, khối lặp lại

Chủ đề 6. Nhịp điệu vui

Chủ đề 7. Cuộc sống vui nhộn

Trong quá trình biên soạn không thể tránh khỏi thiếu sót, nhóm tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các giáo viên, cán bộ quản lí, các nhà chuyên môn và bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản.

Xin trân trọng cảm ơn!

Các tác giả

Cánh Diều

Phần một

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT LỚP 2

I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC MÔN MĨ THUẬT

1. Mục tiêu môn Mĩ thuật cấp tiểu học

Trong chương trình giáo dục phổ thông, môn Mĩ thuật được phân chia theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp. Giai đoạn giáo dục cơ bản gồm: cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở; giai đoạn giáo dục định hướng định hướng nghề nghiệp thuộc về cấp trung học phổ thông.

Đối với cấp tiểu học, mĩ thuật là môn học bắt buộc, được dạy học (DH) từ lớp 1 đến lớp 5. Chương trình môn Mĩ thuật tiểu học có mục tiêu giúp học sinh (HS) bước đầu hình thành, phát triển năng lực mĩ thuật thông qua các hoạt động trải nghiệm; biết thể hiện cảm xúc, trí tưởng tượng về thế giới xung quanh, từ đó hình thành năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; bước đầu làm quen, tìm hiểu và cảm nhận vẻ đẹp của sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật, hình thành năng lực tự chủ và tự học; góp phần hình thành các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực đối với học sinh cấp tiểu học

2.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực chung trong dạy học mĩ thuật tiểu học

DH mĩ thuật tiểu học góp phần hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo). Các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực chung phù hợp với lứa tuổi HS ở từng cấp học

được quy định trong Chương trình tổng thể 2018. Theo đó, trong DH mĩ thuật lớp 2, giáo viên (GV) cần căn cứ vào các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực chung đối với cấp tiểu học[1] để đặt ra mục tiêu DH phù hợp với nội dung các chủ đề, bài học cụ thể trong sách giáo khoa (SGK) Mĩ thuật 2 và đặc thù của môn học. Qua đó, đóng góp vào hình thành, phát triển ở HS các năng lực đặc thù khác (ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thể chất) trong DH mĩ thuật.

2.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật đối với học sinh cấp tiểu học

Môn học Mĩ thuật trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 thống nhất yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật ở ba cấp học (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) với ba thành phần: Quan sát và nhận thức thẩm mĩ; Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ; Phân tích và đánh giá thẩm mĩ. Các thành phần năng lực này là những biểu hiện của năng lực thẩm mĩ trong lĩnh vực mĩ thuật.

Đối với cấp tiểu học, yêu cầu cần đạt về các thành phần năng lực mĩ thuật cụ thể như sau:

THÀNH PHẦN NĂNG LỰC MĨ THUẬT	**YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
Quan sát và nhận thức thẩm mĩ	
Quan sát thẩm mĩ	– Nhận biết được một số yếu tố thẩm mĩ cơ bản trong đời sống và ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. – Nhận biết được một số yếu tố tạo hình ở đối tượng thẩm mĩ. – Nhận biết được dấu hiệu của một số nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.
Nhận thức thẩm mĩ	– Bước đầu cảm nhận được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mĩ. – Nhận biết được chủ đề của sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. – Bước đầu nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật trong đời sống. – Biết liên tưởng được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mĩ với thực hành sáng tạo.

[1] Xem mô tả biểu hiện của các phẩm chất, năng lực ở phần Phụ lục của sách.

THÀNH PHẦN NĂNG LỰC MĨ THUẬT	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ	
Sáng tạo thẩm mĩ	– Nêu được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mĩ ở mức độ đơn giản. – Vận dụng được một số hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện ý tưởng thẩm mĩ. – Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lí tạo hình trong thực hành sáng tạo ở mức độ đơn giản. – Sử dụng được một số công cụ, thiết bị trong thực hành sáng tạo.
Ứng dụng thẩm mĩ	– Biết thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo. – Biết trưng bày, giới thiệu sản phẩm mĩ thuật của cá nhân và nhóm học tập. – Biết vận dụng sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.
Phân tích và đánh giá thẩm mĩ	
Phân tích thẩm mĩ	– Chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mĩ ở mức độ đơn giản. – Biết tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. – Mô tả được một số yếu tố, dấu hiệu của nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn.
Đánh giá thẩm mĩ	– Bước đầu đánh giá được đối tượng thẩm mĩ thông qua một số yếu tố và nguyên lí tạo hình. – Bước đầu học hỏi được kinh nghiệm thực hành sáng tạo thông qua đánh giá đối tượng thẩm mĩ.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ NỘI DUNG DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT LỚP 2

Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn Mĩ thuật trong chương trình lớp 2 tập trung vào một số thể loại mĩ thuật thuộc hai mạch nội dung *Mĩ thuật tạo hình* và *Mĩ thuật ứng dụng*, trong đó nền tảng kiến thức cơ bản dựa trên yếu tố và nguyên lí tạo hình, thông qua kết hợp các hoạt động thực hành, thảo luận dựa trên tiếp cận

các chủ đề gắn với đời sống thực tiễn. Theo đó, các yêu cầu cần đạt và nội dung môn Mĩ thuật lớp 2 cụ thể như sau:

YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
Quan sát và nhận thức thẩm mĩ: – Nhận biết và đọc được tên các màu cơ bản. – Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt. – Biết xác định nội dung chủ đề và lựa chọn công cụ, vật liệu để thực hành. ***Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:*** – Sử dụng được công cụ phù hợp với vật liệu sẵn có trong thực hành, sáng tạo. – Tạo được nét bằng các hình thức khác nhau, sử dụng nét mô phỏng đối tượng và trang trí sản phẩm. – Sử dụng được các màu cơ bản; màu đậm, màu nhạt trong thực hành, sáng tạo. – Tạo được sản phẩm có dạng hình, khối cơ bản. – Biết vận dụng tính chất lặp lại, nhịp điệu của chấm, nét hoặc hình, màu trong thực hành, sáng tạo. – Thể hiện được sự hiểu biết ban đầu về bản in trong thực hành, sáng tạo. – Biết giữ vệ sinh trường, lớp đồ dùng học tập,... trong thực, hành sáng tạo. ***Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:*** – Trưng bày, giới thiệu, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm. – Nhận ra được cùng một chủ đề có thể sử dụng chất liệu hoặc hình thức tạo hình khác nhau.	***Yếu tố và nguyên lí tạo hình:*** Lựa chọn, kết hợp: *Yếu tố tạo hình* – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. *Nguyên lí tạo hình* – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. ***Thể loại:*** Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mĩ thuật. – Hội hoạ. – Đồ hoạ (tranh in). – Điêu khắc. ***Hoạt động thực hành và thảo luận:*** *Thực hành* – Thực hành sáng tạo sản phẩm mĩ thuật 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm mĩ thuật 3D. *Thảo luận* Lựa chọn, kết hợp: – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của HS. ***Định hướng chủ đề:*** Lựa chọn, kết hợp: – Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
Quan sát và nhận thức thẩm mĩ: – Nhận biết được đặc điểm của một số sản phẩm thủ công. – Lựa chọn được đối tượng làm hình mẫu để thực hành sáng tạo. ***Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:*** – Biết kết hợp vẽ, cắt, xé dán,... trong thực hành, sáng tạo. – Tạo được sản phẩm có sự lặp lại của hình, khối dạng cơ bản. – Thể hiện được màu đậm, màu nhạt ở sản phẩm. – Biết vận dụng tính chất lặp lại, nhịp điệu của chấm, nét hoặc hình, màu trong thực hành, sáng tạo. – Biết cách bảo quản sản phẩm và công cụ thực hành. ***Phân tích và đánh giá thẩm mĩ*** – Biết trưng bày sản phẩm ở trong hoặc ngoài lớp học. – Trả lời được các câu hỏi: Sản phẩm dùng để làm gì? Dùng như thế nào?	***Yếu tố và nguyên lí tạo hình:*** Lựa chọn, kết hợp: *Yếu tố tạo hình* – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. *Nguyên lí tạo hình* – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. ***Thể loại:*** ***Thủ công:*** Lựa chọn, kết hợp: – Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên. – Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo. – Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng. ***Hoạt động thực hành và thảo luận:*** *Thực hành* – Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 3D. *Thảo luận* Lựa chọn, kết hợp: – Sản phẩm thủ công. – Sản phẩm thực hành của HS. ***Định hướng chủ đề:*** Lựa chọn, kết hợp: – Đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân.

Lưu ý: *Nội dung lí luận và lịch sử mĩ thuật được tích hợp, lồng ghép trong thực hành, thảo luận.*

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT LỚP 2

1. Định hướng chung

Trong lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động DH môn Mĩ thuật lớp 2, GV cần chú trọng lồng ghép, tích hợp nội dung lí thuyết trong thực hành, thảo luận; kết hợp kiến thức, kĩ năng của môn Mĩ thuật với kiến thức, kĩ năng của một số môn học, hoạt động giáo dục khác (Ví dụ: môn Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Toán, Âm nhạc,...) một cách phù hợp và thiết thực. Chú trọng DH trải nghiệm, DH tích hợp, DH mở và vận dụng DH phân hoá; phối hợp, sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật DH và các hình thức tổ chức hoạt động học tập phù hợp với nội dung, điều kiện DH cụ thể (đối tượng HS, địa điểm, không gian DH...), nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm và kích thích HS: *Sáng tạo từ quan sát*; *Sáng tạo từ trí nhớ*; *Sáng tạo từ tưởng tượng.*

Mặt khác, quá trình học của HS chính là sự tiếp nhận, tích luỹ thông tin từ nhiều kênh khác nhau, cũng như vận dụng những cách thức hoạt động khác nhau để xử lí thông tin và giải quyết vấn đề. Do vậy, trong việc lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động DH hình thành, phát triển năng lực HS, GV có thể tham khảo, vận dụng một số phong cách học của HS, kênh học tập đa giác quan và phát triển trí thông minh của con người. Cụ thể như sau[(1)]:

Phong cách học của từng HS

– *Phong cách học toàn diện:* HS thường chú ý đến cái chung, tổng thể và sự khái quát trước khi đi vào chi tiết. Những HS này thường thích làm việc theo nhóm, trong một không gian mở, hấp dẫn và không khí vui vẻ.

– *Phong cách học theo thứ tự:* HS thích tìm hiểu thông tin theo từng bước, từ chi tiết để hiểu được tổng thể thống nhất; muốn những thông tin được trình bày theo một chuỗi trình tự và thích thứ tự trước sau rõ ràng cũng như mức độ ưu tiên có sự xác định. Những HS này thường muốn làm việc một mình, trong một không gian yên tĩnh.

– *Phong cách học linh hoạt:* HS thường biết điều chỉnh cách học của mình thích ứng với hoàn cảnh. HS có khả năng kết hợp, xen kẽ giữa hai phong cách với nhau:

---

(1) Theo *Lí thuyết giáo dục về giảng dạy Mĩ thuật* của tác giả Kirsten Fugl, Đại học Zealand – Đan Mạch, 2009; *Tài liệu dạy học Mĩ thuật dành cho giáo viên tiểu học*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án SAEPS, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016.

phong cách học toàn diện và học theo chuỗi tiến trình để thích ứng với môi trường và thích ứng với những con người trong tình huống học.

Kết hợp vận dụng các giác quan

– *Giác quan thính giác:* HS học tốt hơn bằng cách lắng nghe và thảo luận.

– *Giác quan thị giác:* HS học tốt hơn thông qua nhìn/quan sát đối tượng.

– *Giác quan xúc giác:* HS học tốt hơn khi làm việc bằng đôi tay của mình trong các hoạt động thực hành.

– *Giác quan vận động:* Cơ thể là một phần của quá trình học. HS học tốt hơn khi vận động cơ thể trong những tình huống cụ thể.

Phát triển trí thông minh cho HS

– *Trí thông minh về ngôn ngữ:* HS có khả năng ghi nhớ từ ngữ, nhịp điệu của âm từ và nhớ mặt chữ nhanh hơn. Người học có trí thông minh này thường thích thú với việc thuyết trình, kể chuyện, viết, đọc sách, tranh luận,... và sử dụng lời nói trong giao tiếp.

– *Trí thông minh về logic – toán học:* HS có khả năng làm việc với các con số, mô hình trừu tượng và suy luận, giải thích,... Người học có trí thông minh này sẽ có khả năng tính toán nhanh và giải quyết vấn đề bằng việc xác định nguyên nhân, chuỗi các sự kiện, tìm quy tắc dựa trên các khái niệm và tính logic.

– *Trí thông minh về âm nhạc:* HS có khả năng cảm nhận, thưởng thức và tạo ra các tiết tấu, nhịp điệu. Người học có trí thông minh này sẽ thích hoạt động với âm nhạc và tiếp thu bài học tốt hơn khi đọc thành lời hoặc biến thành giai điệu dễ nhớ.

– *Trí thông minh về hình ảnh không gian:* HS có khả năng suy nghĩ, cảm nhận, lĩnh hội thông tin bằng hình ảnh và sử dụng hình ảnh để mô tả sự vật, hiện tượng,... Người học có trí thông minh này thường thích hoạt động với mĩ thuật và các lĩnh vực khác liên quan như: kiến trúc, nhiếp ảnh, thủ công,...

– *Trí thông minh về vận động thể chất:* HS có khả năng vận động và điều khiển hoạt động cơ thể một cách khéo léo. Người học có trí thông minh này thường năng động và có xu hướng khoẻ mạnh hơn các bạn khác, thích đóng kịch, khiêu vũ, chơi thể thao và thể hiện bản thân, truyền đạt thông điệp bằng ngôn ngữ cơ thể.

– *Trí thông minh về tương tác cá nhân:* HS có khả năng hiểu và giao tiếp được với người khác. Người học có trí thông minh này thường thích nói trước đám đông, dễ kết bạn, thích làm việc theo nhóm,... và dễ đạt được thành công trong cuộc sống.

– *Trí thông minh về nội tâm:* HS có năng lực tự nhận thức về bản thân. Người học có trí thông minh này sẽ hướng nội, thích suy nghĩ và làm việc một mình, dễ hiểu rõ cảm xúc và biết yêu thương bản thân; có tính tự lập và tự giác tốt; muốn được tôn trọng, cần có không gian riêng và biết tự xác định mục tiêu cho riêng mình.

– *Trí thông minh về thiên nhiên:* HS có khả năng nhận dạng và phân loại động vật, thực vật trong môi trường. Người học có trí thông minh này thường thể hiện sự quan tâm đến động vật, thực vật và cuộc sống thiên nhiên; thích tìm hiểu các hiện tượng tự nhiên, các loài động vật, thích trồng và chăm sóc cây cối.

2. Một số phương pháp dạy học

Dưới đây là một số phương pháp, hình thức tổ chức, kĩ thuật DH vừa đặc trưng trong giáo dục mĩ thuật, vừa phổ biến trong giáo dục nói chung, có tác dụng phát huy tính tích cực học tập, chủ động; kích thích hứng thú, thúc đẩy nhận thức và phát triển khả năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo ở HS; giúp HS hình thành, phát triển năng lực mĩ thuật; cũng như góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất, năng lực chung và đóng góp vào hình thành các năng lực đặc thù khác quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2.1. Phương pháp quan sát

2.1.1. Bản chất

Phương pháp quan sát là phương pháp trong đó GV tổ chức HS sử dụng các giác quan để quan sát đối tượng, giúp HS thu thập thông tin và hình thành hiểu biết cần thiết về đối tượng.

Đối với DH mĩ thuật, quan sát đối tượng thẩm mĩ là hoạt động được diễn ra thường xuyên trong quá trình học tập (quan sát, thực hành sáng tạo, thảo luận, trưng bày, nhận xét,...); do vậy, quan sát là một trong các thành tố góp phần phát triển nhận thức, bồi dưỡng khả năng cảm thụ thẩm mĩ ở HS; cũng như kích thích HS hình thành ý tưởng thẩm mĩ cho thực hành sáng tạo và ứng dụng thực tiễn.

2.1.2. Đặc điểm của hoạt động quan sát trong dạy học mĩ thuật

Trong DH mĩ thuật, HS thực hiện hoạt động quan sát khi GV giới thiệu đồ dùng trực quan, sử dụng phương tiện DH trong tổ chức các hoạt động: nhận thức, thực hành, thảo luận, nhận xét, chia sẻ cảm nhận và đánh giá kết quả học tập.

Quan sát trong DH mĩ thuật cần tiến hành từ bao quát đến cụ thể, từ tổng quát đến chi tiết, từ cái chung đến cái riêng và nhận xét, so sánh, đối chiếu, rút ra kết luận.

Quan sát gắn với tư duy, quan sát vừa là điều kiện, vừa là kết quả của quá trình học – thực hành, sáng tạo, cảm nhận/thưởng thức và đánh giá thẩm mĩ. Tuy nhiên, trong DH môn Mĩ thuật lớp 2, GV cần căn cứ vào yêu cầu cần đạt và nội dung DH cụ thể, để tổ chức hoạt động quan sát và đưa ra yêu cầu, nhiệm vụ quan sát phù hợp với tâm lí lứa tuổi, khả năng tiếp nhận thông tin của HS và đối tượng quan sát.

2.1.3. Quy trình thực hiện

– Lựa chọn đối tượng quan sát:

GV cần căn cứ vào yêu cầu cần đạt, nội dung DH và khả năng tổ chức lớp học của bản thân, để lựa chọn đối tượng quan sát phù hợp với mức độ nhận thức của HS và điều kiện DH thực tiễn. Đối tượng quan sát trong DH mĩ thuật thường sử dụng là các hình ảnh trong tự nhiên, trong đời sống và các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, cũng như các cách/bước thực hành tạo sản phẩm.

– Xác định mục đích quan sát:

Trong quá trình quan sát, không phải lúc nào HS cũng thu nhận được thông tin về đối tượng. Vì vậy, với mỗi đối tượng thẩm mĩ, GV cần xác định rõ ràng, cụ thể mục đích của việc quan sát để đưa ra nhiệm vụ cho HS.

– Tổ chức và hướng dẫn HS quan sát:

Tuỳ vào nội dung, mục đích quan sát và điều kiện DH thực tiễn, GV có thể tổ chức HS độc lập quan sát hoặc quan sát cùng bạn. Kết hợp hướng dẫn, gợi mở HS huy động các giác quan trong quan sát, cảm nhận về đối tượng; tạo điều kiện và khuyến khích HS quan sát các hoạt động thực tiễn trong nhà trường, đời sống xung quanh. Đồng thời, cần phối hợp, sử dụng các phương pháp, hình thức DH khác như: vấn đáp, thảo luận, liên hệ thực tế, sử dụng tình huống có vấn đề,... một cách phù hợp và hiệu quả ở những thời điểm, nội dung DH cụ thể trong tiến trình giáo dục. Ví dụ: Quan sát để viết nhận xét, bày tỏ cảm nhận về đối tượng,...

– Tổ chức HS chia sẻ thông tin thu nhận được về đối tượng quan sát:

GV có thể tổ chức HS trình bày thông tin, chia sẻ cảm nhận của mình hoặc của nhóm,... dựa trên nội dung và cách mà GV tổ chức quan sát.

2.1.4. Một số lưu ý

DH mĩ thuật cần bồi dưỡng cho HS cách nhìn/cách quan sát làm cơ sở để HS phát triển nhận thức, vận dụng vào thực hành sáng tạo và đánh giá thẩm mĩ dựa trên những đặc thù của môn học, hướng đến những giá trị chuẩn mực chung của đời sống, xã hội.

Cánh Diều

2.2. Phương pháp trực quan

2.2.1. Bản chất

Phương pháp trực quan là phương pháp GV sử dụng những đồ dùng trực quan, phương tiện kĩ thuật hỗ trợ trong quá trình DH.

Sử dụng phương pháp trực quan, giúp HS huy động được sự tham gia của nhiều giác quan vào quá trình nhận thức; đồng thời, kích thích hứng thú, sự tập trung và khơi gợi trí tò mò, thích tìm hiểu, khám phá của HS vào hoạt động học tập; nhờ đó giúp HS phát triển tư duy, trí tưởng tượng hình ảnh, khả năng phát hiện vấn đề, phát triển nhận thức, hình thành ý tưởng thẩm mĩ.

2.2.2. Đặc điểm của đồ dùng trực quan trong DH mĩ thuật

Tổ chức DH thông qua đồ dùng trực quan là một trong những đặc trưng cơ bản của dạy học mĩ thuật nói chung, đặc biệt là DH mĩ thuật tiểu học.

Trong DH mĩ thuật, đồ dùng trực quan thường là những hình ảnh, tranh, đồ dùng, vật mẫu, hình minh hoạ, video clip,... do GV, HS, phụ huynh HS (nếu có thể) tự làm hoặc sưu tầm, xuất bản sẵn có. Phương tiện kĩ thuật là hệ thống thiết bị hỗ trợ DH như: máy chiếu, máy tính, máy ảnh,... dùng để chuyển tải, lưu giữ,... các hình ảnh trực quan, minh hoạ nội dung DH,...; làm tăng sự chú ý của HS và tăng hiệu quả trong DH.

Mỗi đồ dùng trực quan như hình ảnh trong tự nhiên, trong đời sống,... được sử dụng trong DH mĩ thuật đều chứa đựng lượng kiến thức nhất định về mĩ thuật, cũng như chứa đựng những thông tin, những tri thức về đời sống, văn hoá, xã hội.

2.2.3. Quy trình thực hiện

GV có thể vận dụng linh hoạt các hoạt động sau:

– Lựa chọn đồ dùng trực quan, phương tiện kĩ thuật:

Đây là khâu chuẩn bị của GV (có thể hướng dẫn HS cùng chuẩn bị) trước khi lên lớp, tiến hành tổ chức các hoạt động dạy – học. Việc chuẩn bị này cần lưu ý một số vấn đề sau:

+ Căn cứ vào nội dung, kiến thức bài học để lựa chọn, phân loại đồ dùng trực quan. Ví dụ: đồ dùng trực quan để minh hoạ, củng cố, giải thích hay dùng để khai thác, cung cấp kiến thức mới, rèn luyện kĩ năng, bồi dưỡng phẩm chất,...

+ Các đồ dùng trực quan được lựa chọn cần bảo đảm tính khoa học, tính thẩm mĩ và an toàn trong tổ chức DH; đồng thời mang tính đặc trưng, điển hình và phù hợp với phương pháp, hình thức tổ chức DH, điều kiện DH thực tiễn.

+ Đối với môn Mĩ thuật lớp 2, GV cần lựa chọn những đồ dùng trực quan có hình khối, đường nét, màu sắc,... đơn giản, gần gũi trong đời sống và môi trường xung quanh; bảo đảm minh hoạ rõ ràng cho nội dung DH và phù hợp với yêu cầu cần đạt trong bài học cụ thể. Ví dụ: Nhận biết và thực hành, sáng tạo với màu cơ bản; Cách tạo nét bằng hình thức khác nhau; Tính chất lặp lại, nhịp điệu; Hình, khối dạng cơ bản lặp lại;...

– Tổ chức DH:

+ Giới thiệu đồ dùng trực quan và tổ chức HS quan sát, giao nhiệm vụ học tập: Tuỳ vào loại đồ dùng trực quan (tranh, ảnh, vật thật, mô hình,...) và nội dung, mục đích DH để lựa chọn cách giới thiệu phù hợp với không gian lớp học (treo, dán trên bảng; trình chiếu thông qua phương tiện công nghệ; đặt trên bục hoặc tại vị trí các nhóm học tập;...); bảo đảm mọi HS đều quan sát, thực hiện được nhiệm vụ dựa trên đồ dùng trực quan. Đồng thời, kết hợp sử dụng các phương pháp, hình thức DH như: vấn đáp, thảo luận, trò chơi, sử dụng tình huống có vấn đề,... giúp HS chủ động thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề và hình thành nhận thức.

+ Tổ chức HS chia sẻ thông tin thu nhận được thông qua đồ dùng trực quan: GV có thể tổ chức cá nhân HS hoặc đại diện nhóm trình bày, chia sẻ thông tin thu nhận được dựa trên nhiệm vụ học tập và đồ dùng trực quan. Nhờ đó, GV có thể nắm bắt được mức độ nhận thức ở HS, để có thể điều chỉnh hoặc phát huy ưu điểm của hình thức tổ chức/phương pháp DH để quá trình DH hiệu quả hơn.

+ Tóm lược thông tin, có thể bổ sung hoặc giải thích, rút ra kết luận: Dựa trên những trình bày, chia sẻ của HS, GV tóm lược, gợi mở, nêu vấn đề, giảng giải, thị phạm minh hoạ,... giúp HS nắm được vấn đề học tập (kiến thức, kĩ năng,...) một cách rõ ràng, cụ thể.

2.2.4. Ví dụ

Nội dung SGK Mĩ thuật lớp 2 ưu tiên sử dụng kênh hình làm trọng tâm như: hình ảnh trong tự nhiên, trong đời sống, trong nghệ thuật; hình minh hoạ cách thực hành, gợi mở ý tưởng sáng tạo và ứng dụng mĩ thuật vào đời sống;... *Các hình ảnh trực quan có ở tất cả các hoạt động học tập trong mỗi bài học.*

2.2.5. Một số lưu ý

Trong tổ chức DH, để tạo sự phong phú, đa dạng về đồ dùng trực quan, ngoài các hình ảnh minh hoạ giới thiệu trong SGK, GV cần chủ động sưu tầm hoặc tự làm và chuẩn bị; đồng thời, GV nên khuyến khích, động viên, có thể giao nhiệm vụ cụ thể

cho HS/nhóm HS cùng chuẩn bị, sưu tầm dựa trên điều kiện thực tiễn; cũng như tăng cường khai thác các nguồn lực sẵn có ở địa phương như: tư liệu (tranh, ảnh, di sản văn hoá nghệ thuật,...) và vật liệu, chất liệu,... làm đồ dùng trực quan; kết hợp tư vấn, tham mưu với nhà trường, địa phương để bổ sung đồ dùng trực quan phục vụ DH hiệu quả.

Trong sử dụng đồ dùng trực quan, GV không nên xem đó là những khuôn mẫu và yêu cầu HS tuân thủ thực hiện hoặc làm theo; nên giúp HS nhận ra vẻ đẹp/giá trị của đối tượng, khích lệ HS sáng tạo phù hợp với năng lực của bản thân. Đồng thời, cần đảm bảo các nguyên tắc sử dụng đồ dùng trực quan trong DH như: sử dụng đúng mục đích; sử dụng đúng lúc, đúng chỗ; sử dụng đúng tốc độ và cường độ;...; cũng như cần kết hợp vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học (PPDH) như: quan sát, vấn đáp, gợi mở, thảo luận, giảng giải, phân tích,... để phát triển nhận thức ở HS, thúc đẩy sự tương tác giữa HS với GV và HS với HS trong tiến trình DH.

2.3. Dạy học kết hợp thảo luận nghệ thuật và thực hành nghệ thuật

2.3.1. Bản chất

DH kết hợp lồng ghép hoạt động thực hành và hoạt động thảo luận trong DH hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực HS là một trong những điểm nhấn trong đổi mới phương pháp giáo dục của Chương trình môn Mĩ thuật 2018.

DH kết hợp lồng ghép hoạt động thực hành với thảo luận là hình thức tổ chức cho HS kết hợp học tập cá nhân với học tập hợp tác trong luyện tập, thực hành sáng tạo và trao đổi, thảo luận. Quá trình học tập này bổ sung cho nhau để làm sâu sắc hơn việc học mĩ thuật của HS.

Theo đó, tham gia vào hoạt động thực hành kết hợp hoạt động thảo luận, HS đồng thời vừa làm quen với sáng tạo nghệ thuật, vừa thưởng thức nghệ thuật; góp phần phát triển khả năng cảm thụ thẩm mĩ và khả năng sáng tạo ở HS, cũng như giúp HS nuôi dưỡng tình yêu nghệ thuật và cuộc sống.

2.3.2. Đặc trưng của hoạt động thảo luận kết hợp hoạt động thực hành sáng tạo

* *Thảo luận nghệ thuật*

Tham gia thảo luận nghệ thuật là hình thức học tập hợp tác giúp HS:

– Có thể quan sát, suy nghĩ và nói chuyện về sản phẩm của chính các em và quá trình thực hành.

– Có cơ hội được tiếp cận và trao đổi về các tác phẩm của nghệ sĩ và sự sáng tạo của họ.

– Có thể khám phá, phát triển nhận thức, kĩ năng và tạo ra các ý tưởng cho sáng tạo nghệ thuật.

– Học cách mô tả, phân tích, giải thích và đánh giá hình ảnh trong các hình thức khác nhau.

– Phát triển nhận thức về vai trò của nghệ thuật trong đời sống xã hội; phát triển khả năng phản biện thẩm mĩ và giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề.

** Sáng tạo nghệ thuật*

Tham gia vào quá trình sáng tạo sản phẩm mĩ thuật giúp HS:

– Tạo ra được các sản phẩm mĩ thuật biểu đạt suy nghĩ, cảm xúc, thể hiện sự hiểu biết và ý tưởng của mình theo các hình thức thực hành khác nhau.

– Có cơ hội tìm tòi, thử nghiệm nhiều hình thức, chất liệu, phương pháp thực hành khác nhau.

– Có thể học hỏi kinh nghiệm, học tập những ý tưởng từ bạn và người khác.

– Phát triển hiểu biết về nghệ thuật, khả năng thu nhận thông tin, giải quyết vấn đề và quyết định làm thế nào để thể hiện hình ảnh, ý tưởng thông qua các sản phẩm của mình/của nhóm.

2.3.3. Quy trình thực hiện

Trong tổ chức HS thảo luận kết hợp thực hành sáng tạo, GV linh hoạt vận dụng cách thức tổ chức DH như sau:

– Bố trí HS theo nhóm học tập, tuỳ vào nội dung và yêu cầu cần đạt để tổ chức HS thực hành tạo sản phẩm cá nhân hoặc phối hợp tạo sản phẩm nhóm.

– Giao nhiệm vụ thực hành cho cá nhân/nhóm; gợi mở nội dung trao đổi, thảo luận, chia sẻ, nêu vấn đề,... giữa các thành viên ở mỗi nhóm trong thực hành.

– Đánh giá mức độ làm việc của các thành viên trong mỗi nhóm hoặc toàn nhóm và giữa các nhóm, dựa trên nhiệm vụ học tập và yêu cầu cần đạt của từng hoạt động và nội dung bài học.

2.3.4. Ví dụ

Bài 1: Vui chơi với màu

Nội dung bài học tập trung cụ thể hoá yêu cầu cần đạt: Nhận biết và đọc được tên các màu cơ bản; sử dụng màu cơ bản trong thực hành, sáng tạo.

Trong hoạt động thực hành, sáng tạo, vận dụng tổ chức DH kết hợp lồng ghép thảo luận được thực hiện như sau:

– Tổ chức HS thực hành tạo sản phẩm cá nhân.

– Hướng dẫn HS làm quen với thảo luận trong thực hành bằng cách gợi nhắc HS quan sát các bạn thực hành, có thể học hỏi bạn cách sử dụng màu dạ hoặc màu sáp, màu goát (gouache colour) để vận dụng thực hành hiệu quả hơn. Đồng thời, gợi mở HS một số nội dung trao đổi bằng các câu hỏi như: Bạn sẽ vẽ hình ảnh gì ở bức tranh? Bức tranh của bạn sẽ vẽ màu cơ bản nào nhiều, màu cơ bản nào ít? Bạn có thích bức tranh của mình/tôi/tớ không? Tên bức tranh của bạn là gì?... Thông qua nội dung các câu hỏi, GV vừa giúp HS liên hệ với sản phẩm đang thực hành của mình, vừa có thể tìm hiểu ý tưởng thể hiện và hiểu hơn về sản phẩm của bạn; cũng như tạo thêm sự tương tác giữa các HS trong thực hành, góp phần phát triển khả năng giao tiếp, bồi dưỡng ở HS ý thức quan tâm đến bạn trong học tập và những người xung quanh trong cuộc sống.

2.3.5. Một số lưu ý

– Trong tổ chức DH mĩ thuật, cần coi trọng tổ chức HS thảo luận, trao đổi, chia sẻ trong quá trình học tập, nhằm tích cực hoá hoạt động học của HS. Tuy nhiên, đối với HS lớp 2, khả năng chủ động tham gia thảo luận, trao đổi, chia sẻ trong học – thực hành chưa trở thành thói quen. Do vậy, GV cần gợi mở, khích lệ HS tham gia thảo luận, khuyến khích HS nêu ý kiến/vấn đề và lắng nghe chia sẻ của bạn. Các nội dung gợi mở, định hướng cho HS thảo luận, chia sẻ cần gắn với mục tiêu, yêu cầu cần đạt trong mỗi hoạt động cụ thể (quan sát, nhận biết, thực hành, sáng tạo, nhận xét, cảm nhận,...); cũng như góp phần bồi dưỡng HS các phẩm chất chủ yếu có thể được hình thành thông qua bài học và sản phẩm thực tế của HS.

– GV cần nắm được mức độ tham gia thảo luận, trao đổi, chia sẻ thông tin, học hỏi kinh nghiệm,... và khả năng hợp tác của HS, để kịp thời động viên, khích lệ và hướng dẫn, hỗ trợ HS hoặc dựa trên mức độ thực hiện nhiệm vụ của HS để đưa ra tình huống thử thách HS vượt qua; giúp HS từng bước phát triển học tập và đáp ứng được mục tiêu/yêu cầu cần đạt trong DH.

Đặc trưng của tổ chức DH kết hợp thảo luận và thực hành là thông qua hoạt động nhóm học tập. Do vậy GV cần khai thác, vận dụng hiệu quả phương pháp tổ chức nhóm học tập (phương pháp DH hợp tác) phù hợp với những thời điểm khác nhau trong tiến trình dạy học. Đồng thời, cần kết hợp, vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức và các kĩ thuật DH như: phương pháp quan sát, trực quan, vấn đáp, gợi mở, nêu vấn đề, sử dụng tình huống có vấn đề, liên hệ thực tiễn; tổ chức trò chơi, vận dụng DH trải nghiệm,... và các kĩ thuật DH như: động não; khăn phủ bàn;

sơ đồ tư duy; tia chớp; bể cá;...; cũng như có thể vận dụng một số hình thức tổ chức hoạt động như: vẽ cùng nhau và sáng tạo câu chuyện, xây dựng cốt truyện,...

2.4. Phương pháp tổ chức trò chơi trong học tập

2.4.1. Bản chất

Trò chơi học tập là hoạt động kết hợp hoạt động học và hoạt động chơi của HS được diễn ra theo trình tự. Nội dung và cách thức chơi gắn với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của bài học/hoạt động DH cụ thể. Trò chơi học tập thường diễn ra trong thời gian, không gian nhất định của một giờ học và mọi HS đều thu nhận được những nội dung học tập chứa đựng trong trò chơi phù hợp với nhận thức và tâm lí lứa tuổi.

Tổ chức trò chơi học tập giúp HS thay đổi trạng thái, cách thức học tập; tạo không khí học tập vui vẻ, thân thiện, thúc đẩy hứng thú và phát triển tâm lí học tập thoải mái ở HS; giúp HS mạnh dạn, tự tin, thể hiện tinh thần đoàn kết, hợp tác, ý thức trách nhiệm, tôn trọng kỉ luật trong hoạt động chơi và học; nhờ đó làm tăng hiệu quả học tập ở HS.

2.4.2. Đặc trưng tổ chức trò chơi trong dạy học mĩ thuật

Nội dung học mĩ thuật luôn gắn lí thuyết với thực hành, sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ. Do vậy, trò chơi học tập có thể kết hợp, đan xen trong toàn bộ quá trình DH. Ví dụ:

– Tổ chức trò chơi khởi động, giới thiệu bài học.

– Tổ chức trò chơi khám phá *Những điều mới mẻ* (theo từng nội dung/ hoạt động học tập).

– Tổ chức trò chơi củng cố bài học, ôn tập,...

– Trò chơi khám phá nội dung *Vận dụng* (nếu thực hiện nội dung này trên lớp).

2.4.3. Quy trình thực hiện

– GV giới thiệu trò chơi: tên trò chơi, cách chơi, luật chơi, thời gian, địa điểm chơi và một số yêu cầu cụ thể khác (nếu có).

– Tổ chức cho HS chơi thử (nếu cần thiết).

– Tổ chức cho HS tiến hành chơi thật.

– Sau khi trò chơi kết thúc, GV cùng HS tổng kết, đánh giá kết quả dựa trên nhiệm vụ học tập và động viên, khích lệ HS.

Cánh Diều

– Tổ chức HS chia sẻ cảm nhận về trò chơi, liên hệ nội dung chơi với nội dung học tập và mục tiêu đặt ra.

2.4.4. Ví dụ

Bài 3: Cùng học vui với nét

Mục tiêu của bài học tập trung cụ thể hoá yêu cầu cần đạt: Tạo được nét bằng các hình thức khác nhau, sử dụng nét mô phỏng đối tượng.

Trong tổ chức hoạt động khởi động, giới thiệu bài học, GV vận dụng tổ chức trò chơi như sau:

Tên trò chơi: "Thử tài của bạn".

– Chuẩn bị:

+ Ba sản phẩm mĩ thuật (nguyên bản hoặc ảnh), trên mỗi sản phẩm thể hiện hình ảnh (đơn giản) được tạo bởi các nét: nét bằng bút màu, nét bằng giấy, nét bằng đất nặn. Trước khi trò chơi bắt đầu, GV trưng bày trên bảng các sản phẩm này.

+ Hai bộ thẻ học tập (tương ứng với hai nhóm tham gia chơi), mỗi bộ có ba thẻ (tương ứng với ba thành viên tham gia chơi). Các thẻ này cần sử dụng màu sắc (hoặc biểu tượng) để đánh dấu nhóm 1, nhóm 2 cho một mặt thẻ; mặt thẻ còn lại, theo cặp đôi viết cùng tên một chất liệu (màu vẽ, giấy, đất nặn).

+ Mỗi đội chơi nhận ba thẻ cùng màu (hoặc biểu tượng) tương ứng với ba thành viên chơi và ba chất liệu khác nhau tương ứng với chất liệu ở mỗi sản phẩm đã chuẩn bị và được trưng bày trên bảng.

– Nhiệm vụ của nhóm HS: Gắn thẻ học tập phù hợp với mỗi sản phẩm.

– Thời gian: 2 phút.

– Cách chơi: Khi có hiệu lệnh, lần lượt từng thành viên cầm thẻ gắn úp mặt thẻ có ghi tên chất liệu vào bên cạnh sản phẩm mà em cho là phù hợp. Kết thúc thời gian chơi, người quản trò lật các thẻ ở mỗi nhóm.

– Đánh giá kết quả: Căn cứ thời gian hoàn thành, yêu cầu của nhiệm vụ và số lượng thẻ gắn đúng với sản phẩm, từ đó, GV liên hệ giới thiệu nội dung bài học.

2.4.5. Một số lưu ý

– Trò chơi phải dễ tổ chức và thực hiện, phù hợp với nội dung bài học và đặc điểm, khả năng thực hiện của HS lớp 2 cũng như phù hợp với thời gian và điều kiện thực tế của lớp học đồng thời phải bảo đảm an toàn, vệ sinh cho HS.

– Tổ chức trò chơi học tập cần phải có mục đích rõ ràng; nội dung trò chơi phải gắn với hình thành, phát triển năng lực mĩ thuật và góp phần bồi dưỡng phẩm chất, hình thành phát triển các năng lực chung và năng lực đặc thù phù hợp với bài học, môn học.

– GV cần tạo điều kiện và khích lệ HS tham gia tổ chức, điều khiển tất cả các khâu (hoặc một số khâu của trò chơi) như: chuẩn bị, tiến hành trò chơi, đánh giá sau khi chơi.

– Trò chơi phải được luân phiên, thay đổi một cách hợp lí để không gây nhàm chán cho HS.

– Không đặt vấn đề thắng/thua giữa các đội/nhóm.

– Tổ chức trò chơi cho HS cần quan tâm tới các yếu tố phong tục, tập quán của địa phương; từ đó làm cho hoạt động chơi giàu ý nghĩa hơn trong nhận thức và thể hiện tình cảm, thái độ của HS với quê hương, đất nước.

– Tổ chức trò chơi học tập cần kết hợp vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức DH như: quan sát, trực quan, làm việc nhóm, kể chuyện, đóng vai, biểu đạt ngôn ngữ cơ thể,... Một số kĩ thuật DH như: kĩ thuật học tập hợp tác, tia chớp, sơ đồ tư duy,... Ngoài ra, GV cũng như HS có thể vận dụng một số hình thức hoạt động thực hành sáng tạo như: xây dựng cốt truyện, vẽ cùng nhau,...

2. Một số kĩ thuật dạy học

2.1. Kĩ thuật động não (công não)

Kĩ thuật động não nhằm huy động những ý tưởng mới mẻ, độc đáo của các thành viên trong thảo luận nhóm về một chủ đề, nội dung học tập hoặc tìm phương án giải quyết, thu thập ý tưởng khác nhau.

Trong tổ chức DH vận dụng kĩ thuật động não, GV cần xác định nội dung học tập cụ thể cho các nhóm/mỗi nhóm. Sau khi mỗi thành viên nêu ý kiến/ý tưởng, các thành viên trong nhóm cùng thảo luận, thống nhất và trình bày hoặc thực hiện.

Lưu ý:

– Không đánh giá, phê phán khi HS trình bày ý tưởng.

– Cho phép sự tưởng tượng và liên tưởng.

– Khuyến khích số lượng các ý tưởng.

– Trong tổ chức, nếu GV thiếu sự bao quát và đưa ra chủ đề thảo luận không rõ ràng, dễ dẫn đến các ý kiến tản mạn, thiếu tập trung và đôi khi có thể lạc đề.

2.2. Kĩ thuật khăn phủ bàn (khăn trải bàn)

Kĩ thuật khăn phủ bàn là kĩ thuật tổ chức hoạt động học tập mang tính hợp tác, kết hợp giữa hoạt động cá nhân và nhóm, nhằm:

– Thúc đẩy sự tham gia tích cực.

– Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của mỗi cá nhân HS.

– Phát triển mô hình học tập có sự tương tác giữa HS với HS, giữa cá nhân với nhóm; tăng cường sự hợp tác, giao tiếp của HS.

– Thúc đẩy HS suy nghĩ, quyết định và giải quyết vấn đề.

– HS đạt được mục đích học tập cá nhân cũng như hợp tác; giúp HS học cách chia sẻ kinh nghiệm và tôn trọng lẫn nhau, góp phần nâng cao hiệu quả học tập.

Tuỳ theo số lượng các thành viên trong nhóm và nhiệm vụ học tập, GV có thể tổ chức cho HS cùng chia sẻ thông tin và thống nhất trên một khuôn khổ giấy (khăn phủ bàn). Hoặc, GV có thể phát cho HS những mảnh giấy nhỏ (mảnh khăn phủ bàn nhỏ) để ghi ý kiến của cá nhân. Sau đó, các thành viên trong nhóm cùng thảo luận, thống nhất và có thể ghi chép lại trên những công cụ, vật liệu thích hợp (bảng, giấy, sổ,...). Trong đó, GV cần lưu ý: Nội dung thảo luận/câu hỏi thảo luận cần đưa ra nội dung/câu hỏi mở.

Ví dụ: Hai hình thức sử dụng kĩ thuật khăn phủ bàn khi GV cho HS thảo luận nội dung *Bài 14: Con vật nuôi quen thuộc*.

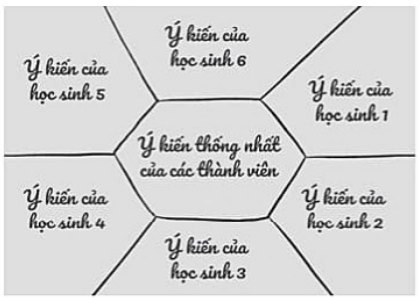	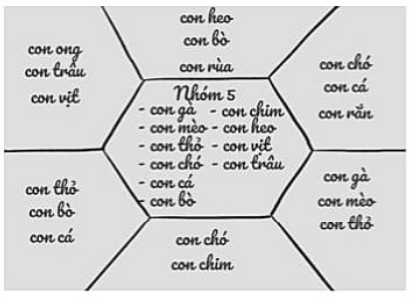	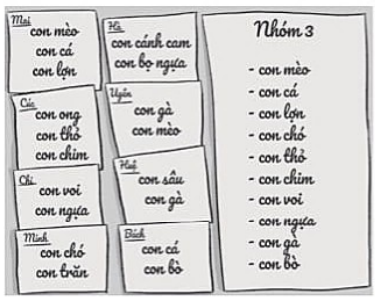
Sử dụng kĩ thuật khăn phủ bàn cho các thành viên cùng làm việc trên khổ giấy (khăn) có kích thước tương đương A4 hoặc A3.		Sử dụng các mảnh khăn phủ bàn nhỏ.

2.3. Kĩ thuật tia chớp

Kĩ thuật tia chớp là một kĩ thuật huy động sự tham gia của các thành viên đối với một câu hỏi/vấn đề nào đó (vấn đề nhận thức, rèn luyện kĩ năng, bồi dưỡng phẩm chất,...) hoặc thu nhận thông tin phản hồi nhằm cải thiện tình trạng giao tiếp và không khí học tập trong lớp học, thông qua việc các thành viên lần lượt nêu ngắn gọn và nhanh chóng (như chớp) ý kiến của mình về câu hỏi hoặc/vấn đề,...

Kĩ thuật tia chớp thường vận dụng trong hoạt động nhóm hoặc toàn lớp, có thể áp dụng ở bất kì thời điểm nào của bài học với các mục đích khác nhau như: khởi động bài học, tổ chức trò chơi, phát hiện vấn đề, củng cố bài học,...

Tổ chức DH thông qua kĩ thuật tia chớp thường thực hiện như sau:

– GV hoặc HS: Nêu nhiệm vụ học tập, cách thực hiện và đánh giá.

– GV hoặc HS: Giới thiệu nội dung học tập (hình ảnh trực quan, vật mẫu, mô hình,...).

– GV hoặc HS: Tổ chức nhóm/lớp quan sát, thảo luận và nêu ý kiến nhanh (trả lời câu hỏi hoặc giải thích,...).

– GV hoặc HS: Tóm lược nội dung học tập (chốt kiến thức, kĩ năng,...) thông qua hoạt động.

Để đạt được hiệu quả mong đợi trong vận dụng kĩ thuật này, nội dung học tập đưa ra để HS tham gia thảo luận, phát hiện,... cần rõ ràng, cô đọng, giúp HS dễ nhận biết và có thể trả lời nhanh. Tuy nhiên, nếu GV kéo dài thời gian sử dụng sẽ làm hạn chế hứng thú ở HS.

2.4. Kĩ thuật sơ đồ tư duy

Sơ đồ tư duy là kĩ thuật DH nhằm tổ chức và phát triển tư duy; đồng thời là phương tiện ghi chép sáng tạo và hiệu quả, giúp HS sắp xếp ý nghĩ. Kĩ thuật này giúp các em mở rộng, đào sâu và kết nối, bao quát được các ý tưởng trên một phạm vi về một vấn đề/một nhiệm vụ hay một nội dung chủ đề/bài học cụ thể.

Kĩ thuật sơ đồ tư duy có thể có cách gọi khác như: lược đồ tư duy, bản đồ tư duy, bản đồ khái niệm.

Sơ đồ tư duy có thể được trình bày trên giấy, trên bảng,... hay thực hiện trên máy tính trong hoạt động học tập cá nhân hoặc hoạt động học tập. Thông qua hoạt động này, HS có thể:

– Phát triển tư duy logic và khả năng phân tích tổng hợp.

– Dễ thực hiện, dễ hiểu, nắm rõ nội dung và nhớ lâu.

Sơ đồ tư duy có thể ứng dụng trong nhiều nội dung DH khác nhau như: tóm tắt, ôn tập, trình bày tổng quan một chủ đề, xây dựng kế hoạch học tập,...

Lập sơ đồ tư duy thường được xuất phát từ một chủ đề/nội dung khái quát/rộng (từ khoá cấp 1); từ đó tìm/xác định các nội dung cụ thể/hẹp của chủ đề/bài học (từ khoá cấp 2) và có thể tiếp tục xác định các nội dung khác/chi tiết liên quan đến chủ đề/bài học (từ khoá cấp 3, cấp 4,...). Sự sắp xếp này sẽ tạo ra một "bức tranh tổng quát" mô tả một cách đầy đủ, rõ ràng về nội dung bài học/chủ đề; làm cơ sở để HS thực hiện chủ đề/bài học, lựa chọn một vấn đề/một nội dung trong mỗi từ khoá (cấp 1, cấp 2, cấp 3,...) để tìm hiểu, giải quyết.

Lưu ý: Khả năng tự xác lập sơ đồ tư duy về một nội dung/vấn đề học tập của HS lớp 2 là hạn chế; do vậy GV cần khai thác ưu điểm của kĩ thuật này để minh hoạ cho nội dung/vấn đề học tập phù hợp, giúp HS dễ thu nhận thông tin theo dạng sơ đồ hoá; từ đó, từng bước giúp HS biết phát triển nội dung/vấn đề học tập thông qua sơ đồ tư duy.

Ví dụ: Bài 9: Cùng nhau ôn tập học kì 1

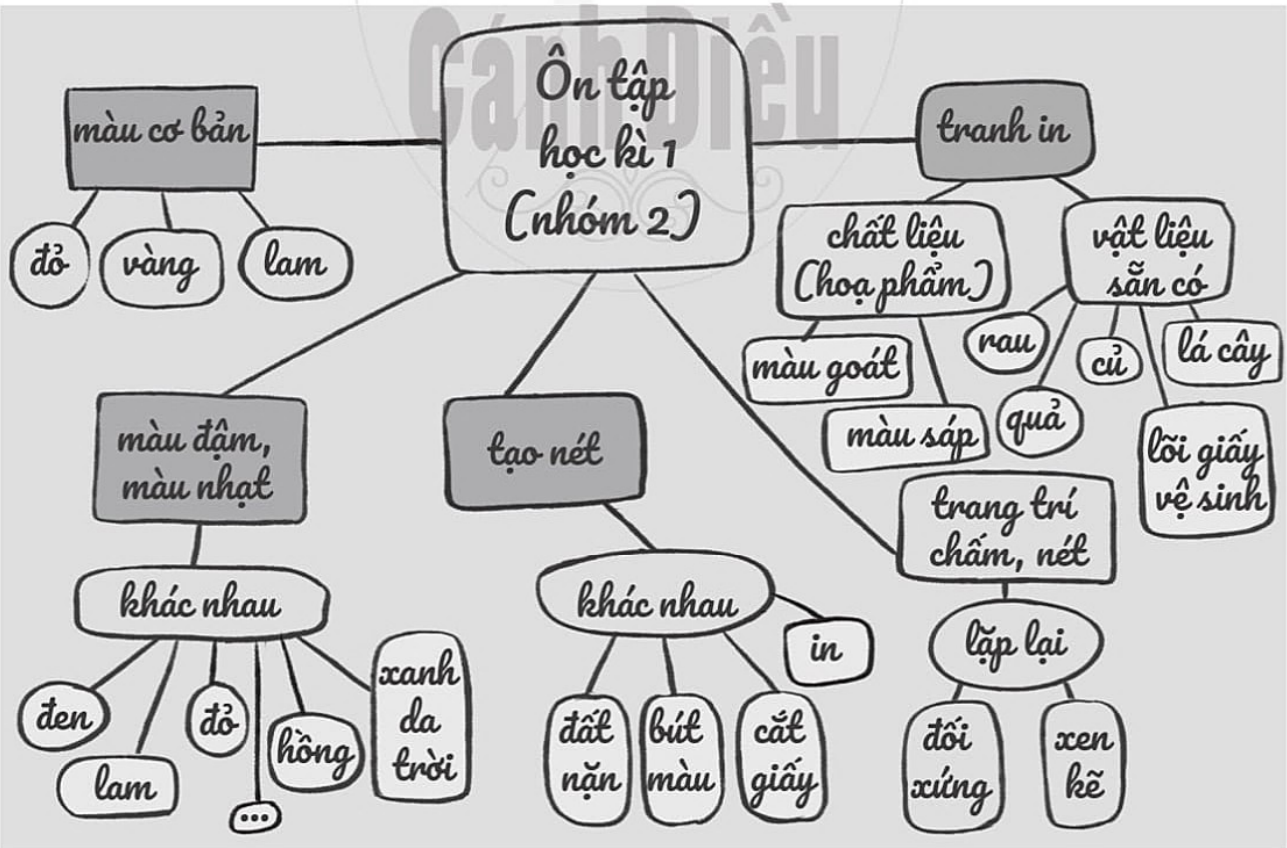

Cánh Diều

2.5. Kĩ thuật bể cá

Kĩ thuật bể cá là kĩ thuật dùng cho thảo luận nhóm. Trong đó, một nhóm HS ngồi giữa lớp và thảo luận với nhau, còn những HS khác trong lớp ngồi xung quanh ở vòng ngoài theo dõi nhóm thảo luận làm việc và đưa ra nhận xét về nhóm thảo luận, chia sẻ nội dung thu nhận được về nhiệm vụ học tập của nhóm thảo luận.

Cách tổ chức: Một nhóm HS thực hiện nhiệm vụ thảo luận, các thành viên khác (có thể nhiều hoặc ít) sẽ ngồi (hoặc đứng) xung quanh và quan sát, ghi chép, nhận xét,... nhóm đang thảo luận.

Ưu điểm:

– Tăng cường sự tập trung và hiệu quả học tập cho HS (gồm nhóm thảo luận và người quan sát).

– Giúp người quan sát tham gia học tập một cách "gián tiếp" thông qua lắng nghe các nội dung nhóm thảo luận chia sẻ.

– Giúp nhóm thảo luận và người quan sát phát triển được kĩ năng quan sát, giao tiếp, lắng nghe và phản hồi,...

Lưu ý: Để giúp HS thực hiện nhiệm vụ quan sát có thể nắm bắt được thông tin rõ ràng về nhóm thảo luận, GV cần đưa ra yêu cầu quan sát một cách cụ thể. Ví dụ:

– Nhiệm vụ của nhóm thảo luận là gì?

– Các thành viên có tập trung vào nhiệm vụ của nhóm không?

– Trong nhóm thảo luận: ai đóng góp nhiều ý kiến, ai đóng góp ít ý kiến?...

Trong DH mĩ thuật, GV có thể linh hoạt vận dụng cho hoạt động học khác nhau như: quan sát thực hành, thảo luận; quan sát sản phẩm thực hành và trưng bày; quan sát thảo luận và chia sẻ cảm nhận,...

IV. THIẾT BỊ DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT LỚP 2

1. Phòng học bộ môn

– Để tránh ảnh hưởng đến các lớp học khác, nhà trường có thể bố trí phòng học mĩ thuật ở vị trí tương đối độc lập với các phòng học khác trong nhà trường.

– Trang thiết bị trong phòng học bộ môn (theo *Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 về Ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông*).

2. Đồ dùng dạy – học mĩ thuật

2.1. Đồ dùng, hoạ phẩm quy định tại Phòng học bộ môn (theo Thông tư số 43/2020/TT-BGDĐT về việc Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2)

– Giá vẽ, bảng học nhóm, bảng vẽ cá nhân, kẹp giấy.

– Màu goát, bút lông, bảng pha màu (palet), xô đựng nước, tạp dề.

– Đất nặn, bộ công cụ thực hành với đất nặn.

– Các hình khối cơ bản.

2.2. Đồ dùng, tư liệu, vật liệu, hoạ phẩm do giáo viên chuẩn bị hoặc tự làm

– Hình ảnh/video clip minh hoạ DH (quan sát, thực hành, trưng bày, giới thiệu sản phẩm,...).

– Sản phẩm thủ công: đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân (nguyên mẫu hoặc ảnh chụp) phù hợp với nội dung chủ đề, bài học cụ thể.

– Sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật: hội hoạ, điêu khắc, đồ hoạ tranh in về chủ đề: Thiên nhiên, Con người, Gia đình, Nhà trường, Xã hội (nguyên mẫu hoặc ảnh chụp) phù hợp với nội dung chủ đề, bài học cụ thể.

– Hoạ phẩm, công cụ, vật liệu sẵn có (màu bút dạ, màu sáp, giấy thủ công, hồ dán, băng dính, lá cây, sợi dây, vỏ hộp giấy,...) phù hợp với ý tưởng và nội dung DH cụ thể.

– Phương tiện công nghệ và truyền thông: máy tính, máy ảnh, điện thoại cá nhân,... (nếu có).

Ngoài ra, GV và nhà trường có thể huy động HS, phụ huynh HS và cộng đồng cùng sưu tầm, thiết kế đồ dùng, thiết bị phục vụ DH mĩ thuật.

3. Sử dụng, khai thác thiết bị dạy học của các môn học khác để dạy học Mĩ thuật lớp 2

Theo danh mục thiết bị DH tối thiểu quy định tại Thông tư số 43/2020/TT-BGDĐT. Theo đó, trong DH mĩ thuật, GV có thể sử dụng, khai thác một số đồ dùng, thiết bị DH của một số môn học khác phù hợp với nội dung chủ đề, bài học trong SGK Mĩ thuật lớp 2. Ví dụ:

– Bộ tranh và clip về quê hương em, về lòng nhân ái, về đức tính chăm chỉ, về đức tính trung thực, về ý thức trách nhiệm,... (môn Đạo đức).

– Bộ tranh về gia đình và các thế hệ trong gia đình; nghề nghiệp của bố mẹ và nghề nghiệp phổ biến trong xã hội; các mùa trong năm; một số hiện tượng thiên nhiên thường gặp; bộ sa bàn giáo dục giao thông; clip về phong cảnh đẹp quê hương;... (môn Hoạt động trải nghiệm, môn Tự nhiên và Xã hội).

– Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối (môn Toán).

V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN MĨ THUẬT LỚP 2

Ngày 04/9/2020 Bộ GDĐT đã Ban hành Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT về Quy định đánh giá HS tiểu học. Thông tư có hiệu lực từ ngày 20 tháng 10 năm 2020. Do vậy, GV cần nghiên cứu và thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Mĩ thuật của HS lớp 2 dựa trên những hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này, cũng như các hướng dẫn khác của Vụ Giáo dục tiểu học.

Đồng thời, căn cứ vào những định hướng trong Chương trình môn Mĩ thuật 2018, thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Mĩ thuật lớp 2, GV lưu ý một số điểm sau:

1. Một số yêu cầu chung

– Nội dung, tiêu chí đánh giá phù hợp với mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt đối với Chương trình Mĩ thuật lớp 2.

– Chú ý đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng của HS trong học tập và những tình huống cụ thể trong thực tiễn, mức độ đơn giản.

– Không nên coi trọng mức độ HS hoàn thành sản phẩm, không nên so sánh giữa HS này với HS khác, hoặc giữa các HS/nhóm HS.

– Đánh giá cần dựa trên năng lực và chính sự tiến bộ của mỗi HS hoặc nhóm HS trong quá trình học tập như: chuẩn bị bài học; quan sát, thực hành, thảo luận, hợp tác; chia sẻ ý tưởng, bày tỏ cảm xúc; nêu ý kiến và trả lời câu hỏi; trưng bày, thuyết trình, giới thiệu sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật; tự đánh giá, tham gia đánh giá đồng đẳng; tham gia hoạt động mĩ thuật trong và ngoài nhà trường,... và sản phẩm cá nhân/sản phẩm nhóm.

– Đánh giá để giúp HS cải thiện kết quả học tập, kích thích hứng thú và nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mĩ, tình yêu nghệ thuật; cũng như bảo đảm HS được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực mĩ thuật; hạn chế tối đa tính chủ quan, áp đặt của người đánh giá. Cần quan tâm đến những HS có sự khác biệt so với các HS khác

về tâm lí, sở thích, về khả năng và điều kiện tối thiểu học tập; thông tin cho HS biết về thời điểm, hình thức, công cụ và các tiêu chí đánh giá.

– Vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức đánh giá như: Quan sát, đặt câu hỏi (theo các mức độ *Biết*, *Hiểu*, *Vận dụng*); trao đổi, phỏng vấn, phiếu học tập, mô hình, bài kiểm tra,...

– Để thống nhất với đổi mới phương pháp DH trong chương trình (lồng ghép, kết hợp hoạt động thực hành và thảo luận), trong đánh giá cần kết hợp đánh giá sản phẩm với nội dung bài viết (ít từ hoặc nhiều từ). Ví dụ: viết tên, viết lời giới thiệu sản phẩm và chia sẻ cảm nhận; nêu hình thức thực hành, đặc điểm về hình, khối, đường nét, màu sắc và hình thức tạo hình; tính chất lặp lại của chấm, nét hoặc hình, màu và biểu hiện của nhịp điệu; liên hệ ứng dụng sản phẩm, tác phẩm vào đời sống thực tiễn,...

2. Đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

– *Đánh giá kết quả hoạt động quan sát và nhận thức thẩm mĩ:* Là đánh giá khả năng quan sát, tham gia thảo luận, nêu và ý kiến phản hồi; khả năng cảm thụ thẩm mĩ, thu nhận (đọc, hiểu) thông tin ở đối tượng quan sát và chia sẻ hiểu biết, cảm nhận về tác giả và đối tượng thẩm mĩ; khả năng liên hệ nội dung quan sát với trí nhớ, tưởng tượng và ý tưởng thực hành,...

– *Đánh giá kết quả hoạt động sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:* Dựa trên sản phẩm và quá trình thực hành kết hợp tham gia thảo luận của HS. Trong đó, chú ý đánh giá sự chia sẻ ý tưởng, khả năng vận dụng hình thức thực hành và lựa chọn, sử dụng hoạ phẩm, công cụ, vật liệu sẵn có,...; khả năng hiểu biết và thể hiện các yếu tố, dấu hiệu của nguyên lí tạo hình trên sản phẩm; khả năng làm việc độc lập và hợp tác trong thực hiện nhiệm vụ; khả năng chia sẻ ý tưởng sử dụng sản phẩm vào đời sống thực tiễn,...

– *Đánh giá kết quả hoạt động phân tích và đánh giá thẩm mĩ:* Chú ý đánh giá khả năng cảm nhận thẩm mĩ thông qua trao đổi, phát biểu ý kiến và phản hồi; chia sẻ vốn hiểu biết, kinh nghiệm thực hành và những điều học hỏi được từ bạn bè, từ sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật yêu thích; thể hiện tình cảm, thái độ, sự thẳng thắn và tôn trọng trong nhận xét, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm thực hành; giới thiệu tác giả, thưởng thức sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

– *Đánh giá kết quả giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất:* Dựa trên quá trình và ý thức học tập của HS, trong đó cần xuất phát từ các phẩm chất và năng lực gắn với môn học như: chuẩn bị đồ dùng, công cụ, vật liệu,...; bày tỏ cảm xúc, chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận, biểu hiện thái độ, hành vi ứng xử trước đối tượng thẩm mĩ; thể hiện niềm tự hào về truyền thống văn hoá nghệ thuật của quê hương, đất nước; thẳng thắn trong chia sẻ, nhận xét kết quả học tập, tôn trọng sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật của bạn bè và người khác; ý thức làm đẹp cho bản thân và môi trường xung quanh,...

Cánh Diều

Phần hai

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 2

A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN

I. THỜI LƯỢNG DẠY HỌC

Nhóm tác giả SGK Mĩ thuật 2 đề xuất thời lượng DH của mỗi chủ đề, bài học như sau:

CHỦ ĐỀ	BÀI HỌC	THỜI LƯỢNG
Chủ đề 1 (4 tiết) **Học vui cùng màu sắc**	Bài 1: Vui chơi với màu	2 tiết
	Bài 2: Màu đậm, màu nhạt	2 tiết
Chủ đề 2 (4 tiết) **Sáng tạo với nét**	Bài 3: Cùng học vui với nét	2 tiết
	Bài 4: Sáng tạo cùng sản phẩm thủ công	2 tiết
Chủ đề 3 (4 tiết) **Trang trí bằng chấm, nét lặp lại**	Bài 5: Khu vườn vui vẻ	2 tiết
	Bài 6: Hộp bút thân quen	2 tiết
Chủ đề 4 (6 tiết) **Vui học với tranh in**	Bài 7: Làm quen với tranh in	2 tiết
	Bài 8: Hoa, quả mùa xuân	2 tiết
	Bài 9: Cùng nhau ôn tập học kì 1	2 tiết
Chủ đề 5 (4 tiết) **Những hình, khối lặp lại**	Bài 10: Chiếc túi xách xinh xắn	2 tiết
	Bài 11: Phương tiện giao thông	2 tiết
Chủ đề 6 (4 tiết) **Nhịp điệu vui**	Bài 12: Làm quen với nhịp điệu	2 tiết
	Bài 13: Chiếc bánh sinh nhật	2 tiết

Cánh Diều

CHỦ ĐỀ	BÀI HỌC	THỜI LƯỢNG
Chủ đề 7 (9 tiết) **Cuộc sống vui nhộn**	Bài 14: Con vật nuôi quen thuộc	2 tiết
	Bài 15: Trang phục em yêu thích	2 tiết
	Bài 16: Một ngày thú vị của em	3 tiết
	Bài 17: Cùng nhau ôn tập học kì 2	2 tiết

Lưu ý:

– Căn cứ vào thực tế DH, GV có thể điều chỉnh thời lượng mỗi chủ đề, bài học đề xuất ở trên, để đạt được mục tiêu bài học đã đề ra (yêu cầu cần đạt quy định trong Chương trình) và bảo đảm tổng thời lượng quy định trong chương trình là 35 tiết/năm học.

– Nhà trường và GV có thể sắp xếp lịch học luân phiên giữa các khối, lớp để có thể thực hiện DH 2 tiết liền nhau/buổi học/lớp học.

II. NỘI DUNG CHỦ ĐỀ, BÀI HỌC TRONG SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 2

1. Nội dung chủ đề

SGK Mĩ thuật 2 có 7 chủ đề, mỗi chủ đề gồm 2 – 4 bài học. Mỗi chủ đề được thiết kế riêng một trang đại diện và thể hiện kênh hình, kênh chữ phù hợp với nội dung chủ đề:

Nội dung các chủ đề tập trung vào hai hướng sau:

+ Tìm hiểu, khám phá kiến thức, kĩ năng và tập vận dụng vào thực hành, sáng tạo, chia sẻ cảm nhận.

+ Luyện tập, vận dụng những điều đã học vào thực hành, sáng tạo sản phẩm, chia sẻ cảm nhận (*gồm các chủ đề: 1, 2, 3, 4, 5, 6*).

– Chủ đề gồm hai dạng bài học.

– Chủ đề gồm các bài học: Kết hợp những kiến thức, kĩ năng đã học, đã biết để thực hành, sáng tạo sản phẩm và chia sẻ cảm nhận (*Chủ đề 7*).

2. Nội dung bài học

2.1. Nội dung hoạt động học

SGK Mĩ thuật 2 có 17 bài học, mỗi bài học chú trọng các hoạt động học tập như sau:

– Hoạt động chuẩn bị bài học: Thông qua nội dung mục *Chuẩn bị.*

– Hoạt động tìm hiểu, khám phá, luyện tập, sáng tạo và nhận xét, thảo luận: Thông qua phần *Giới thiệu bài* và nội dung *Những điều mới mẻ* (gồm các hoạt động: *Quan sát, nhận biết*; *Thực hành, sáng tạo*; *Cảm nhận, chia sẻ*).

– Hoạt động khám phá thêm ý tưởng thực hành và liên hệ bài học vào thực tiễn: Thông qua nội dung *Vận dụng.*

2.2. Nội dung các bài học

Nội dung các bài học trong SGK Mĩ thuật 2 tập trung vào một số dạng bài chủ yếu sau:

– Bài học hình thành kiến thức, kĩ năng và tập vận dụng vào thực hành, sáng tạo, chia sẻ, cảm nhận: *Bài 1, 2, 3, 5, 7, 12.*

– Bài học mang tính luyện tập, vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực hành, sáng tạo, chia sẻ, cảm nhận: *Bài 4, 6, 8, 10, 11, 13, 14, 15, 16.*

– Bài học ôn tập, củng cố những điều đã học và chia sẻ, cảm nhận: *Bài 9, 17.*

III. YÊU CẦU CHUNG VỀ SOẠN GIÁO ÁN/KẾ HOẠCH BÀI HỌC VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 2

1. Một số yêu cầu chung về soạn giáo án/kế hoạch bài học

Bài soạn hay giáo án/kế hoạch bài học (KHBH) là kịch bản tổ chức DH của mỗi GV đối với đối tượng HS và nội dung DH cụ thể trong một điều kiện và không gian, thời gian DH cụ thể,... Vì vậy, giáo án là sản phẩm của cá nhân, cách trình bày giáo án, tuỳ vào người soạn (ví dụ: chia mấy cột, trình bày dài/ngắn,...). Không có giáo án mẫu sử dụng chung cho tất cả GV.

Đối với giáo án DH hình thành, phát triển năng lực, bồi dưỡng phẩm chất, GV cần lưu ý một số điểm sau:

Mục tiêu bài học

– Mục tiêu hướng đến hình thành, phát triển năng lực mĩ thuật quy định trong Chương trình Mĩ thuật lớp 2 (2018). Đây là mục tiêu trọng tâm và cần thể hiện cụ thể trong mỗi bài học.

– Mục tiêu hướng đến bồi dưỡng phẩm chất cho HS, thông qua một số biểu hiện phù hợp với nội dung bài học.

– Mục tiêu hướng đến góp phần hình thành, phát triển năng lực chung, năng lực đặc thù khác, thông qua một số biểu hiện phù hợp với nội dung bài học.

Lưu ý: Việc có hay không đề cập các biểu hiện về phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù trong giáo án/KHBH với mỗi bài học tuỳ thuộc vào mỗi GV.

Ngoài ra, căn cứ vào nội dung bài học cụ thể, GV có thể kết hợp lồng ghép nội dung giáo dục gắn với địa phương như: truyền thống văn hoá, lịch sử, lao động sản xuất,... và các điều kiện khác phù hợp với mục tiêu bài học và thiết thực cho HS.

Tổ chức các hoạt động DH chủ yếu (tiến trình dạy học)

Chủ yếu thông qua các hoạt động và bằng các hoạt động học tập của HS là chính như: quan sát, tìm hiểu, nhận xét, thực hành, trao đổi, nêu vấn đề, chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận,... GV là người tổ chức hoạt động, giao nhiệm vụ, hướng dẫn cách thực hiện, thị phạm minh hoạ, giải thích, phân tích, gợi mở, khích lệ, động viên HS,...; không nên áp đặt ý kiến của mình đối với HS; cần tôn trọng ý tưởng, nội dung chia sẻ và sản phẩm sáng tạo của HS.

Các hoạt động học tập cần bám sát mục tiêu đã đề ra, tức là yêu cầu cần đạt của chương trình. Chú ý yêu cầu DH tích hợp, DH mở, tiếp cận DH phân hoá.

– *DH tích hợp:* Có thể kết hợp các hình thức: vẽ, in, nặn, cắt, xé, dán....; kết hợp nội dung giáo dục các môn học khác (Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội, Toán, Giáo dục thể chất, Âm nhạc,...); kết hợp nội dung giáo dục an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, vệ sinh sức khoẻ,...

– *DH mở:* Có thể thông qua nhiều hoạt động, hình thức học tập, thực hành; vận dụng đa dạng chất liệu, vật liệu,... để tạo sản phẩm và linh hoạt vận dụng sản phẩm vào đời sống thực tiễn;...

– DH phân hoá: Có thể thiết kế các nhiệm vụ, nội dung, hình thức thực hành, cách thức tổ chức học tập phù hợp cho các đối tượng HS khác nhau. Cần chú ý đến tâm lí lứa tuổi, khả năng nhận thức, thực hành, sự chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập, hoàn cảnh cá nhân và khai thác vốn hiểu biết (vốn sống),... của HS.

Trên đây là một số lưu ý đối với GV và nội dung giáo án DH hình thành, phát triển năng lực. Ngoài ra một số nội dung khác như: các bước lên lớp, sử dụng thiết bị, hình thức, phương pháp, kĩ thuật DH là sự sáng tạo của mỗi GV phù hợp với điều

kiện DH cụ thể, đặc trưng của mỗi dạng bài học và của môn học,... cũng cần được lưu ý trong xây dựng kế hoạch bài học.

2. Cấu trúc nội dung hướng dẫn các bài học trong sách giáo viên và tổ chức thực hiện

Nội dung hướng dẫn, gợi ý tổ chức DH trong SGV đối với mỗi bài học được tập trung vào cấu trúc và yêu cầu chủ yếu sau:

2.1. Mục tiêu bài học

Trong SGK, do khuôn khổ của trang sách và để giảm bớt lượng chữ, nên mục tiêu các chủ đề, bài học được nêu ở mức độ khái quát, nhấn mạnh đến trọng tâm, mục tiêu cần đạt về năng lực mĩ thuật và sử dụng các cụm từ: *"Chúng mình cùng"*, *"Bài học này, em sẽ"* thay cho *"Mục tiêu"*.

Trong SGV, mục tiêu các chủ đề và bài học được trình bày theo hướng như sau:

– Đối với mỗi chủ đề, giới thiệu một số yêu cầu cần đạt quy định trong Chương trình môn Mĩ thuật lớp 2, các yêu cầu cần đạt này được xem là mục tiêu của chủ đề.

– Đối với mỗi bài học, mục tiêu được trình bày cụ thể, bao gồm mục tiêu về năng lực mĩ thuật và biểu hiện của một số năng lực chung, năng lực đặc thù và một số phẩm chất phù hợp với nội dung bài học.

Các mục tiêu và cách trình bày cụ thể trong SGV, vừa tạo thuận lợi cho GV trong xác định mục tiêu DH ở mỗi bài học; vừa làm cơ sở để GV lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức, phương tiện DH để tiến hành DH hiệu quả. Do vậy, việc xác định mục tiêu bài học trong KHBH, GV cần bám sát mục tiêu đã đề cập ở mỗi bài học trong SGK và SGV.

Mặt khác như mục trên đã nêu, GV có thể chỉ tập trung trình bày mục tiêu về năng lực mĩ thuật. Mục tiêu về phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù khác có thể không trình bày cụ thể một số biểu hiện, nhưng cần được quan tâm đến bồi dưỡng, rèn luyện cho HS một cách phù hợp trong quá trình tổ chức các hoạt động DH ở mỗi bài học; nhờ đó, từng bước góp phần đạt được mục tiêu của chương trình ở từng khối lớp và cấp học.

2.2. Chuẩn bị của học sinh và giáo viên

Bao gồm những phương tiện, đồ dùng DH cần có để sử dụng và hỗ trợ trong thực hiện DH đạt mục tiêu bài học. Dựa vào điều kiện DH thực tiễn, GV có thể bổ

sung, thay thế đồ dùng, phương tiện DH khác sẵn có ở địa phương phù hợp với ý tưởng DH trong KHBH. Các đồ dùng, phương tiện DH có thể vận dụng, khai thác từ các nguồn khác nhau.

Lưu ý: Việc sưu tầm các tác phẩm mĩ thuật phục vụ DH, GV nên lựa chọn tác phẩm đã được công bố, đã được các nhà chuyên môn, các nhà giáo dục đánh giá; cũng như có tính điển hình, phù hợp với nội dung DH, bảo đảm đạt được mục đích giáo dục và yêu cầu cần đạt của bài học.

2.3. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học chủ yếu

Là những phương pháp, hình thức, kĩ thuật DH tác giả sách gợi ý sử dụng trong tổ chức DH.

Tuy nhiên, tuỳ vào khả năng, kinh nghiệm của GV, đối tượng HS và điều kiện DH cụ thể, GV có thể lựa chọn, bổ sung, vận dụng những phương pháp, hình thức tổ chức DH thích hợp để tổ chức DH, bảo đảm đạt được mục tiêu đề ra.

2.4. Các hoạt động dạy học chủ yếu

HOẠT ĐỘNG 1. Ổn định lớp, khởi động, giới thiệu bài học

– *Mục đích*: Tạo hứng thú và tâm thế cho HS sẵn sàng học tập.

– *Tổ chức thực hiện:* GV có thể lựa chọn, vận dụng những gợi ý trong mỗi bài học hoặc thiết kế hoạt động khác thông qua trò chơi, bài hát, câu truyện, ô chữ, hình ảnh trực quan, đồ vật,...

HOẠT ĐỘNG 2. Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

– *Mục đích:* Giúp HS đạt được mục tiêu trọng tâm của bài học, thông qua các hoạt động:

+ *Hoạt động 2.1: Tổ chức HS quan sát, nhận biết.*

+ *Hoạt động 2.2: Tổ chức HS thực hành, sáng tạo sản phẩm và thảo luận, chia sẻ.*

+ *Hoạt động 2.3: Tổ chức HS trưng bày, trao đổi, nhận xét sản phẩm và chia sẻ cảm nhận.*

– *Tổ chức thực hiện*: GV có thể:

+ Vận dụng linh hoạt cách tổ chức DH gợi ý trong mỗi hoạt động.

+ Thiết kế hoặc bổ sung hoạt động, sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức, đồ dùng, phương tiện DH khác hoặc tương đương, phù hợp với đối tượng HS và điều kiện DH cụ thể.

Lưu ý:

+ Đối với *Hoạt động 2.2*, GV tạo cơ hội cho HS được lựa chọn hình thức hoặc chất liệu, vật liệu thực hành theo sở thích; linh hoạt tổ chức HS tạo sản phẩm cá nhân và sản phẩm nhóm; tập cho HS làm quen với trao đổi, chia sẻ suy nghĩ và nhận xét sản phẩm trong quá trình thực hành.

+ Trong tiến trình DH, việc GV quan sát, trao đổi, gợi mở, hướng dẫn, tư vấn,... với HS (cá nhân/nhóm) là cách để GV nắm được thông tin về mức độ thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ, khả năng thể hiện hình ảnh, ý tưởng,... của HS/nhóm HS. Nhờ đó, GV sẽ hiểu HS hơn, biết được năng lực học tập của HS (cá nhân/nhóm) và mức độ đạt được mục tiêu, yêu cầu cần đạt. Từ đó, GV có thể điều chỉnh hoặc tiếp tục phát huy cách thức tổ chức DH để đạt hiệu quả hơn. Đặc biệt, những thông tin mà GV thu nhận được khi làm việc trực tiếp với HS sẽ hữu ích trong việc vận dụng đánh giá và đánh giá HS một cách sát thực hơn.

HOẠT ĐỘNG 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung *Vận dụng*

– *Mục đích:* Giúp HS mở rộng, phát triển nội dung bài học như:

+ Nhận ra có thể tạo thêm sản phẩm bằng hình thức, chất liệu, vật liệu,... hoặc nội dung khác về chủ đề bài học.

+ Biết liên hệ bài học với thực tiễn hoặc vận dụng sản phẩm của mình/của nhóm để làm đẹp cho bản thân, cuộc sống xung quanh.

– *Tổ chức thực hiện:* Mục *Vận dụng* trong SGK không phải là nội dung dạy – học bắt buộc (trên lớp hoặc giao bài tập về nhà). Vì vậy, GV cần tập trung hướng dẫn HS quan sát, kết hợp gợi mở, nêu vấn đề,... nhằm giúp HS đạt được mục đích nêu trên. Đồng thời, căn cứ vào thực tiễn DH, GV có thể tham khảo một số hướng sau:

+ Có thể bổ sung làm hình ảnh trực quan cho nội dung hoạt động *Quan sát nhận biết.*

+ Có thể sử dụng làm hình ảnh trực quan hoặc bổ sung, thay thế hướng dẫn thực hiện và tổ chức HS thực hiện ở hoạt động *Thực hành, sáng tạo.*

+ Có thể tổ chức HS thực hiện ngay trên lớp, nếu HS đã hoàn thành nội dung các hoạt động ở mục *Những điều mới mẻ* và thời gian của tiết học vẫn cho phép thực hiện nội dung *Vận dụng.*

+ Có thể tổ chức HS thực hiện vào buổi học thứ hai trong ngày.

+ Có thể hướng dẫn, khuyến khích HS thực hiện ở nhà, nếu HS thích và mong muốn thực hiện.

HOẠT ĐỘNG 4. Tổng kết bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

– *Mục đích:* Củng cố nội dung chính của bài học và đánh giá kết quả học tập, thực hành, thảo luận của HS; giúp HS có thói quen chuẩn bị bài học trước khi đến lớp/trường.

– *Tổ chức thực hiện:* GV có thể tham khảo các hình thức sau:

+ Thuyết trình, đặt câu hỏi, gợi mở,...

+ Sử dụng hình ảnh trực quan, vận dụng kĩ thuật DH tia chớp, sơ đồ tư duy,...

+ Nhắc nhở, hướng dẫn/chỉ dẫn HS (cá nhân/nhóm) cách chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,... cho bài học tiếp theo. Để thuận lợi hơn, GV nên hướng dẫn HS chuẩn bị những đồ dùng, vật liệu,... phù hợp với điều kiện và ý tưởng tổ chức DH của bản thân về nội dung bài học tiếp theo.

Trên đây là những hoạt động học tập vừa cụ thể các hoạt động theo SGK Mĩ thuật 2, vừa kết hợp thực hiện các bước (tiến trình) thực hiện DH trên lớp. GV có thể chia nhỏ hoặc gộp các hoạt động theo cách của mình. (Ví dụ: Hoạt động 1: Ổn định lớp; Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài; Hoạt động 3: Quan sát, nhận biết;...). Tuy nhiên, dù chia nhỏ hoặc ghép các hoạt động, GV cần lưu ý mục đích cuối cùng của mỗi hoạt động là hướng đến đạt được mục tiêu bài học.

Cánh Diều

B. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 2

Chủ đề 1. HỌC VUI CÙNG MÀU SẮC

Nội dung chủ đề tập trung cụ thể hoá một số yêu cầu cần đạt quy định trong Chương trình Mĩ thuật lớp 2, cụ thể như sau:

– Nhận biết và đọc được tên các màu cơ bản.

– Sử dụng được các màu cơ bản, màu đậm, màu nhạt trong thực hành, sáng tạo.

Bài 1. VUI CHƠI VỚI MÀU

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật như sau:

– Nhận biết và đọc được tên các màu cơ bản ở hình ảnh trong tự nhiên, trong đời sống và trong sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

– Sử dụng được các màu cơ bản để sáng tạo sản phẩm theo ý thích và trao đổi, chia sẻ trong thực hành.

– Trưng bày, giới thiệu được màu cơ bản ở sản phẩm và chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm. Bước đầu làm quen với tìm hiểu vẻ đẹp của tác phẩm mĩ thuật có sử dụng các màu cơ bản và các màu khác.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS năng lực chung và một số năng lực đặc thù phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần hình thành, phát triển năng lực khoa học (tìm hiểu tự nhiên, xã hội), được biểu hiện như: *tìm hiểu vẻ đẹp của các hình ảnh trong tự nhiên, đời sống có các màu cơ bản.*

Cánh Diều

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số phẩm chất chủ yếu như: chăm chỉ, trung thực,... phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên và cuộc sống, ý thức tôn trọng, được biểu hiện như: *yêu thích vẻ đẹp của màu sắc trong thiên nhiên, đời sống; tôn trọng ý thích về màu sắc của bạn bè và những người xung quanh.*

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK, Vở thực hành, màu vẽ, giấy màu, bút chì, tẩy chì, giấy trắng,...

2. Giáo viên: SGK, SGV, Vở thực hành; giấy màu, màu vẽ, bút chì,...; hình ảnh trực quan liên quan đến nội dung bài học; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nếu có).

– GV có thể sưu tầm hình ảnh về "Làng bích hoạ" ở miền Trung hoặc hình vẽ, trang trí trên tường, hành lang đường phố/đường làng ở địa phương và một số nơi khác để giới thiệu đến HS trong quá trình DH.

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, luyện tập, thực hành, liên hệ thực tế, học tập nhóm, giải quyết vấn đề, vấn đáp,...

2. Kĩ thuật dạy học: Động não, bể cá, tia chớp, sơ đồ tư duy,...

3. Hình thức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG 1. Ổn định lớp, khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể tham khảo một số gợi ý sau để tạo tâm thế học tập cho HS:

– Kiểm tra sĩ số HS; gợi mở HS chia sẻ sự chuẩn bị bài học.

– Tổ chức hoạt động khởi động, giới thiệu bài. Ví dụ:

Cách 1: Gợi mở HS kể tên một số màu có ở trong lớp học như: Trên tường, trên bảng, đồ dùng học tập, trang phục,... (hoặc ở hộp màu, đất nặn, giấy màu,...) và liên hệ giới thiệu nội dung bài học.

Cách 2: Tổ chức HS nghe hoặc cùng hát bài hát "Màu hoa" (Nhạc và lời: Hoàng Văn Yến) và liên hệ giới thiệu nội dung bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

2.1. Tổ chức HS quan sát, nhận biết

2.1.1. Hình ảnh đồ dùng học tập mĩ thuật (tr.5)

– GV tổ chức HS quan sát, trao đổi, thực hiện nhiệm vụ nêu trong SGK.

– GV nhận xét HS thực hiện nhiệm vụ, gợi mở HS giới thiệu các đồ dùng học tập ở hình ảnh; kết hợp hướng dẫn HS quan sát lớp học và giới thiệu những hình ảnh, đồ dùng trang phục,... có màu cơ bản và đọc tên các màu đó.

– GV gợi nhắc HS: *Trong học mĩ thuật, các màu: đỏ, vàng, lam (xanh lam) là những màu cơ bản.*

– GV có thể tham khảo phần *Giải thích thuật ngữ (tr.81)* để giải thích thêm đặc điểm của các màu cơ bản hoặc chỉ dẫn HS đọc, tìm hiểu.

2.1.2. Hình ảnh bắp ngô, cái ô (dù) và cánh diều (tr.6)

– GV tổ chức HS quan sát, trao đổi và thực hiện nhiệm vụ nêu trong SGK.

– GV nhận xét HS trả lời, kết hợp gợi mở HS chia sẻ điều biết được về mỗi hình ảnh. Ví dụ:

+ Em đã nhìn thấy bắp ngô, cái ô, cánh diều ở đâu?

+ Tác dụng/cách sử dụng cái ô (dù) như thế nào/khi nào? (Ai trồng ngô, chăm sóc cây ngô?,...). Cánh diều thường được thả ở đâu? Em đã tham gia thả diều chưa?

– GV tóm tắt những chia sẻ của HS, có thể giới thiệu, bổ sung thêm thông tin và liên hệ mỗi hình ảnh với đời sống.

– GV gợi mở HS kể lại những hình ảnh trong thiên nhiên, đời sống có thể hiện màu cơ bản (Mặt Trời, mây, biển, biển báo giao thông, phương tiện giao thông,...).

2.1.3. Hình ảnh tác phẩm "Căn phòng đỏ" của hoạ sĩ Ma-tit-xơ (tr.6)

– GV giới thiệu tên tác phẩm và giao nhiệm vụ cho HS: Quan sát, trao đổi và chỉ ra chi tiết/hình ảnh thể hiện màu cơ bản và đọc tên các màu đó.

– GV tổng kết nội dung trả lời của HS, kết hợp giới thiệu thêm một số thông tin: Hoạ sĩ Ma-tit-xơ (1869 – 1954) là nghệ sĩ người Pháp. Bức tranh được ông vẽ năm 1908. Trong bức tranh, các màu cơ bản được ông sử dụng là chủ yếu, trong đó

màu đỏ được sử dụng nhiều nhất (trên mặt bàn, bức tường, ghế,...), màu vàng thể hiện màu sắc của một số quả, đồ vật đặt trên bàn, bông hoa trong vườn cây ngoài cửa sổ; màu lam thể hiện ở những hoạ tiết hoa, trên bàn, trên tường. Ngoài ra, các màu xanh lá cây, màu trắng, màu cam được ông sử dụng để mô tả vườn cây ngoài cửa sổ. Ông là một trong những danh hoạ nổi tiếng nhất thế giới của thế kỉ XX.

2.1.4. Hình ảnh sản phẩm mĩ thuật trong Vở thực hành

GV có thể sử dụng hình ảnh một số bức tranh để giới thiệu, gợi mở HS nhận ra chủ đề thể hiện và các màu cơ bản trong mỗi bức tranh.

2.1.5. Hình ảnh sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật sưu tầm (nếu có) hoặc nguyên mẫu

– GV có thể giới thiệu thêm tranh của thiếu nhi/HS năm học trước, sản phẩm mĩ thuật trong đời sống và tác phẩm mĩ thuật của hoạ sĩ, gợi mở HS chỉ ra màu cơ bản.

– GV tóm tắt và chốt nội dung hoạt động 2.1 (có thể sử dụng: hình ảnh trực quan, sơ đồ tư duy).

Các màu cơ bản xuất hiện trong thiên thiên, trong đời sống và trong sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật

– GV sử dụng câu hỏi, nêu vấn đề,... kích thích HS suy nghĩ và hứng khởi trước khi vào hoạt động thực hành.

2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo sản phẩm và thảo luận, chia sẻ

2.2.1. Trò chơi

– Gọi tên các màu còn thiếu ở nhóm 2, nhóm 3 (tr.7). (Có thể tổ chức trò chơi hoặc thảo luận). GV giao nhiệm vụ cho HS:

+ Đọc tên màu sắc ở mỗi thẻ.

+ Nêu thứ tự sắp xếp ba màu cơ bản ở các thẻ nhóm 1.

+ Vận dụng cách sắp xếp thứ tự ba thẻ thể hiện ba màu cơ bản ở nhóm 1 và gọi tên màu còn thiếu ở thẻ có dấu "?" trong nhóm 2, nhóm 3.

2.2.2. Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung Sáng tạo cùng các màu cơ bản

– Hình ảnh các sản phẩm (tr.7): "Con cá sắc màu, Con vật nuôi, Bông hoa". GV yêu cầu HS quan sát, thảo luận và giới thiệu:

+ Sản phẩm có nhiều màu vàng/màu đỏ/màu lam?

+ Màu vàng/màu đỏ/màu lam được thể hiện ở chi tiết/hình ảnh nào ở mỗi sản phẩm?

+ Hình ảnh nào là chính ở mỗi sản phẩm?

– Hình ảnh các sản phẩm: Buổi sáng, Bóng bay, Trang trí vải (tr.8), GV tổ chức HS quan sát, trao đổi và gợi mở HS thực hiện nhiệm vụ:

+ Giới thiệu hình ảnh/chi tiết thể hiện màu cơ bản và màu sắc khác trên mỗi sản phẩm.

+ Giới thiệu hình ảnh/chi tiết thấy rõ nhất, thích nhất ở mỗi sản phẩm.

+ Giới thiệu sản phẩm thể hiện nhiều màu vàng/màu đỏ/màu lam.

GV nhận xét, bổ sung nội dung HS giới thiệu và gợi nhắc: *Trong thực hành, có thể sử dụng nhiều màu vàng, nhiều màu đỏ hoặc nhiều màu lam ở sản phẩm* và có thể sử dụng thêm các màu khác theo ý thích.

– Hình ảnh hoặc sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật sưu tầm (nếu có) và hình ảnh sản phẩm trong Vở thực hành: Gợi mở HS nhận ra các màu cơ bản thể hiện ở chi tiết/hình ảnh trên sản phẩm, tác phẩm.

2.2.3. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo và trao đổi, thảo luận

– HS tạo sản phẩm cá nhân:

+ GV giao nhiệm vụ cho HS: Vẽ bức tranh thể hiện hình ảnh yêu thích bằng các màu cơ bản, có thể vẽ thêm một số màu khác.

+ GV gợi mở HS có thể lựa chọn hình ảnh như: hoa, quả, con vật, đồ chơi, đồ dùng cá nhân,... và tham khảo một số sản phẩm (tr.8), hình của sản phẩm trong Vở thực hành để sáng tạo sản phẩm theo ý thích.

+ GV lưu ý HS (có thể/nên kết hợp sử dụng hình ảnh trực quan): Vẽ hình ảnh yêu thích có kích thước phù hợp với trang giấy/Vở thực hành; chọn màu cơ bản theo ý thích để vẽ nhiều ở bức tranh và sử dụng hai màu cơ bản còn lại; có thể vẽ thêm các màu khác hoặc vẽ thêm chấm, nét trên bức tranh.

+ GV gợi mở HS có thể lựa chọn một trong hai cách thực hành như sau:

Cách 1: Dùng bút chì vẽ hình ảnh yêu thích bằng nét và vẽ màu cơ bản, màu khác cho bức tranh. Có thể tạo thêm chấm, thêm hình,... theo ý thích.

Cách 2: Dùng bút màu vẽ hình ảnh yêu thích bằng nét và vẽ màu cơ bản, màu khác cho bức tranh. Có thể tạo thêm chấm, thêm hình,... theo ý thích.

– HS trao đổi, thảo luận và chia sẻ trong thực hành:

+ GV nhắc HS kết hợp thực hành với quan sát các bạn trong nhóm và trao đổi, chia sẻ hoặc góp ý, nhận xét và học hỏi bạn thực hành. Ví dụ: Có thể học hỏi bạn cách sử dụng màu dạ, màu sáp hoặc màu goát.

+ GV gợi ý HS nội dung trao đổi, thảo luận. Ví dụ: Bạn sẽ vẽ hình ảnh gì ở bức tranh? Bức tranh của bạn sẽ vẽ màu cơ bản nào nhiều, màu cơ bản nào ít? Bạn có thích bức tranh của mình/tôi/tớ không? Tên bức tranh của bạn là gì?...

Một số lưu ý đối với GV:

– Quan sát, nắm được mức độ thực hiện nhiệm vụ của HS như: sắp xếp hình ảnh trên khổ giấy/trang vở, cách cầm bút màu, cách vẽ và bảo quản màu,... để có thể đưa ra gợi mở, hướng dẫn, giảng giải, hoặc hỗ trợ HS.

– Căn cứ vào thực tế sản phẩm đang thực hành của HS để có thể trao đổi, gợi mở HS chia sẻ ý tưởng lựa chọn hình ảnh thể hiện; sử dụng màu sắc cho hình ảnh và nền bức tranh; nêu vấn đề, khích lệ HS sáng tạo, bày tỏ cảm xúc, ý tưởng sử dụng sản phẩm (để làm gì: trang trí lớp, góc học tập,...?);...

– Sử dụng những thông tin thu được trong thực hành, kết hợp với các hoạt động học tập khác của HS để thực hiện đánh giá quá trình sát thực hơn.

2.3. Tổ chức HS trưng bày, trao đổi, nhận xét sản phẩm và chia sẻ cảm nhận

– Trưng bày sản phẩm: GV có thể hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm theo nhóm hoặc theo nội dung thể hiện,...

– Chia sẻ cảm nhận, GV có thể tham khảo một số gợi ý sau:

+ Tổ chức HS quan sát lần lượt các sản phẩm trong lớp.

+ Nội dung gợi mở HS giới thiệu, nhận xét, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn nên vận dụng một số gợi ý trong SGK, kết hợp quá trình thực hành, thảo luận, sản phẩm cụ thể của HS và liên hệ sử dụng sản phẩm vào đời sống.

– GV tổng hợp ý kiến của HS, nhận xét các sản phẩm (cá nhân/nhóm/toàn lớp); kết hợp bồi dưỡng cho HS ý thức làm đẹp cho các đồ dùng cá nhân và mọi vật xung quanh bằng cách sử dụng màu sắc theo ý thích.

– GV có thể giới thiệu hình ảnh về "Làng bích hoạ" ở miền Trung hoặc có ở địa phương và nơi khác, giúp HS thấy được có thể sử dụng màu sắc để góp phần làm đẹp cho cuộc sống xung quanh.

HOẠT ĐỘNG 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục *Vận dụng*

– GV tổ chức HS quan sát các bức tranh: "Em và gia đình đi bơi" của Phùng Minh Khuê, "Khu tập thể" của Trần Lưu Du, gợi mở HS trao đổi, chia sẻ:

+ Nêu tên mỗi bức tranh.

+ Kể tên các màu cơ bản, các màu khác trong mỗi bức tranh.

+ Giới thiệu các hình ảnh/chi tiết được thể hiện bằng các màu cơ bản;...

– GV tóm lược ý kiến của HS, kết hợp bổ sung hoặc giới thiệu rõ hơn các hình ảnh/chi tiết trong mỗi bức tranh có thể hiện màu cơ bản, màu khác. Từ đó, GV gợi nhắc HS: *Có thể sử dụng màu cơ bản và màu sắc khác để vẽ bức tranh thể hiện các hình ảnh theo ý thích về cuộc sống xung quanh.*

– GV có thể giới thiệu thêm một số bức tranh vẽ bằng màu sáp/màu dạ/màu goát,... của HS/thiếu nhi, hoạ sĩ và sản phẩm thủ công, gợi mở HS nhận ra các màu cơ bản, một số màu khác có ở sản phẩm/tác phẩm.

– GV có thể tham khảo gợi ý tổ chức DH mục này ở nội dung *Phần hai, Hoạt động 3 (tr.36, 37)* của SGV để vận dụng DH phù hợp với điều kiện thực tiễn.

HOẠT ĐỘNG 4. Tổng kết bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV tóm tắt nội dung chính của bài học; nhận xét kết quả học tập (chuẩn bị đồ dùng, hoạ phẩm; mức độ tham gia các hoạt động học tập; ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo quản công cụ, đồ dùng và sản phẩm,...).

– GV sử dụng câu chốt cuối bài học (tr.9) để tổng kết, giúp HS ghi nhớ nội dung bài học.

– GV nhắc HS: Xem trước Bài 2 và chuẩn bị đồ dùng, công cụ theo hướng dẫn ở mục *Chuẩn bị*. GV có thể nhắc HS chuẩn bị thêm đồ dùng, vật liệu,... phù hợp với ý tưởng DH của bản thân về nội dung Bài 2.

– Đối với giấy màu cần có để thực hành ở Bài 2, nếu HS không thể chuẩn bị được, GV có thể hướng dẫn HS chuẩn bị giấy trắng, giấy đã dùng một mặt và vẽ màu đậm, màu nhạt lên mặt giấy để thay thế cho giấy màu.

Bài 2. MÀU ĐẬM, MÀU NHẠT

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật như sau:

– Nêu được màu đậm, màu nhạt ở đối tượng quan sát và trong thực hành, sáng tạo.

– Tạo được sản phẩm có màu đậm, màu nhạt theo ý thích và trao đổi, chia sẻ trong thực hành, sáng tạo.

– Trưng bày, giới thiệu được màu đậm, màu nhạt ở sản phẩm và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm. Bước đầu làm quen và tìm hiểu vẻ đẹp của tác phẩm mĩ thuật có sử dụng màu đậm, màu nhạt.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS năng lực chung và một số năng lực đặc thù phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần hình thành, phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, hợp tác được biểu hiện như: *biết sử dụng giấy màu, hồ dán để xé, dán tạo sản phẩm có màu đậm, màu nhạt và phối hợp với bạn để tạo sản phẩm nhóm.*

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số phẩm chất chủ yếu như: nhân ái, trung thực,... phù hợp với một số biểu hiện như đã nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm được biểu hiện như: *chuẩn bị một số đồ dùng cần thiết để thực hành, sáng tạo như: giấy màu, hồ dán, bút chì; thu dọn giấy vụn, giữ vệ sinh đôi tay, đồ dùng, trang phục và lớp học sau khi cắt giấy, dùng hồ dán,...*

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK, Vở thực hành, giấy màu, bút chì, tẩy chì, giấy trắng, hồ dán,...

2. Giáo viên: SGV, SGK, Vở thực hành, giấy màu, hồ dán, màu vẽ,...

– GV có thể sưu tầm một số bìa sách, truyện thiếu nhi do hoạ sĩ Tạ Thúc Bình vẽ minh hoạ như: *Tấm Cám*, *Bánh chưng bánh giày*, *Con cóc là cậu ông Trời*, *Thạch Sanh*, *Thánh Gióng*, *Sự tích Trầu Cau*,...

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, luyện tập, thực hành, liên hệ thực tế, học tập nhóm, giải quyết vấn đề, vấn đáp,...

2. Kĩ thuật dạy học: Động não, tia chớp, bể cá, sơ đồ tư duy,...

3. Hình thức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG 1. Ổn định lớp, khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể tham khảo một số gợi ý sau để tạo tâm thế học tập cho HS:

– Kiểm tra sĩ số HS; gợi mở HS chia sẻ sự chuẩn bị bài học.

– Tổ chức hoạt động khởi động, giới thiệu bài. Ví dụ:

Cách 1: Sử dụng bảng màu (màu bổ túc hoặc màu nóng lạnh) hoặc hộp màu của HS để giới thiệu và gợi mở HS đọc tên các màu, qua đó kết hợp giới thiệu nội dung bài học.

Cách 2: Sử dụng các màu cơ bản, yêu cầu HS đọc tên các màu và gợi mở HS nhận ra màu nào đậm, màu nào nhạt; từ đó liên hệ giới thiệu nội dung bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

2.1. Tổ chức HS quan sát, nhận biết

2.1.1. Hình ảnh giới thiệu trong SGK (tr.10, 11)

– Hình ảnh trang 10:

+ GV tổ chức HS quan sát, trao đổi, thực hiện nhiệm vụ nêu trong SGK và giới thiệu tên mỗi hình ảnh.

+ GV có thể gợi mở HS liên hệ với thực tế như: giới thiệu màu đậm, màu nhạt trên hình ảnh/đồ dùng, đồ vật, thiết bị,... có trong lớp học hoặc đã nhìn thấy trong cuộc sống.

– Hình ảnh trang 11:

+ GV tổ chức HS quan sát, trao đổi, chia sẻ cảm nhận, thực hiện nhiệm vụ nêu trong SGK và giới thiệu tên mỗi bức tranh.

+ GV tóm lược những chia sẻ của HS, kết hợp giới thiệu một số thông tin về sản phẩm, tác phẩm:

Bức tranh "Xe tăng tương lai" của bạn Hải Đông (Lê Hải Đông) dùng chất liệu màu goát. Bạn Lê Hải Đông đang học tại trường tiểu học Lý Thái Tổ, phường rung Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

GV có thể tham khảo phần *Giải thích thuật ngữ* (tr.82) sử dụng hộp màu goát trang bị trong phòng học bộ môn để giới thiệu với HS về hoạ phẩm này.

Bức tranh "Mùa lúa chín" của hoạ sĩ Tạ Thúc Bình, được ông vẽ năm 1952 với chất liệu sơn dầu. Hoạ sĩ Tạ Thúc Bình (1917 – 1998) quê ở tỉnh Bắc Giang, ông thường vẽ các bức tranh về làng quê Việt Nam.

2.1.2. Hình ảnh một số sản phẩm trong Vở thực hành

GV có thể sử dụng các hình ảnh này để gợi mở HS nhận ra màu đậm, màu nhạt và chủ đề ở mỗi bức tranh.

2.1.3. Hình ảnh sưu tầm (nếu có)

GV có thể sưu tầm, giới thiệu thêm tranh của bạn Lê Hải Đông và một số minh hoạ bìa sách, tác phẩm của hoạ sĩ Tạ Thúc Bình hoặc sản phẩm xé dán của HS/thiếu nhi, sản phẩm mĩ thuật trong đời sống và tác phẩm mĩ thuật của hoạ sĩ khác, gợi mở HS chỉ ra màu đậm, màu nhạt.

Lưu ý: GV có thể gợi mở HS nhận ra màu đậm, màu đậm vừa, màu nhạt trên mỗi hình ảnh quan sát; giúp HS có thể vận dụng để thể hiện trong thực hành, sáng tạo.

– GV tóm tắt và chốt nội dung hoạt động 2.1 (có thể sử dụng hình ảnh trực quan, sơ đồ tư duy).

Có thể tìm thấy màu đậm, màu nhạt ở xung quanh và ở các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo sản phẩm và thảo luận, chia sẻ

2.1.1. GV hướng dẫn HS tìm hiểu Sáng tạo cùng màu đậm, màu nhạt

– GV giới thiệu hình ảnh minh hoạ trong SGK (tr.11), yêu cầu HS quan sát, thảo luận và trả lời một số câu hỏi gợi ý sau:

+ Các hình hoa, lá được tạo ra bằng cách nào?

+ Trong hai tờ giấy màu vàng và màu tím, màu nào đậm, màu nào nhạt?

+ Trong hai bức tranh xé dán có hình ảnh, màu sắc nào giống nhau?

+ Màu nền của bức tranh xé dán giống nhau hay khác nhau? Màu nền nào đậm/nhạt?

– GV tóm lược nội dung trả lời của HS và giảng giải, giúp HS nhận ra: Các hình hoa, lá, cành cây có hình và màu sắc giống nhau, nhưng được dán trên nền có màu đậm, màu nhạt khác nhau.

– GV có thể giới thiệu thêm một số sản phẩm xé dán của HS/sản phẩm mĩ thuật trong đời sống hoặc tác phẩm mĩ thuật thể hiện màu đậm, màu nhạt; kết hợp hướng dẫn, gợi mở HS nhận ra màu đậm, màu nhạt ở mỗi hình sản phẩm: Cái ca; Dưa hấu; Quả bưởi; Hoa hướng dương (tr.12).

GV nhắc HS: Trong thực hành, có thể sử dụng nền màu đậm hoặc màu nhạt so với hình ảnh thể hiện để tạo đậm, nhạt trên sản phẩm.

2.2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo và tập trao đổi, thảo luận

– HS tạo sản phẩm cá nhân:

+ GV giao nhiệm vụ cho HS: Sử dụng giấy màu đậm, màu nhạt để xé dán tạo hình ảnh theo ý thích cho sản phẩm. GV hướng dẫn và gợi mở rõ hơn:

• Có thể chọn hình ảnh như: cây, hoa, quả, con vật, đồ vật quen thuộc, đồ chơi yêu thích, chân dung,... để xé dán tạo bức tranh theo ý thích.

• Có thể chọn giấy màu nhạt để xé tạo hình ảnh và dán trên nền giấy màu đậm; hoặc chọn giấy màu đậm để xé tạo hình ảnh và dán trên nền giấy màu nhạt. GV có thể sử dụng một số tờ giấy có màu đậm, màu nhạt khác nhau cho HS quan sát và nêu vấn đề, gợi mở, giúp HS nhận ra giấy nào có màu đậm, giấy nào có màu nhạt và vận dụng vào thực hành.

Lưu ý: Tuỳ khả năng nhận biết màu đậm, màu nhạt của HS, GV có thể gợi mở HS nhận ra giấy màu đậm, màu đậm vừa, màu nhạt. Từ đó, GV giúp HS có thể vận dụng và thể hiện trên sản phẩm.

+ Có thể vẽ nét tạo hình ảnh muốn thể hiện trên giấy (mặt giấy không có màu) và xé theo nét vẽ để tạo hình ảnh. GV có thể thị phạm minh hoạ các thao tác này.

+ GV lưu ý HS (nên kết hợp hình ảnh trực quan): Kích thước của hình ảnh và vị trí dán hình ảnh trên khổ giấy cần tạo cân đối ở sản phẩm.

+ GV có thể/nên thị phạm, hướng dẫn thao tác xé giấy (tay cầm giấy, tay xé) để xé và tạo đậm, nhạt cho hình ảnh/chi tiết ở sản phẩm.

– HS trao đổi, thảo luận và chia sẻ trong thực hành:

+ GV nhắc HS: Quan sát các bạn thực hành, có thể tìm hiểu cách bạn xé giấy, sắp xếp hình ảnh trên trang vở/khổ giấy hoặc chia sẻ với bạn về hình ảnh thể hiện của mình, bày tỏ cảm xúc về hình ảnh thể hiện trên sản phẩm của bạn,...

+ Gợi ý HS nội dung trao đổi, thảo luận. Ví dụ: Bạn sẽ sử dụng giấy màu nào đậm, màu nào nhạt? Bạn xé dán hình gì? Tên sản phẩm của bạn là gì?...

– HS tạo sản phẩm nhóm và thảo luận:

GV có thể tham khảo hai gợi ý sau:

+ Tạo sản phẩm nhóm dựa trên sản phẩm riêng của cá nhân:

GV có thể gợi mở nhóm HS thực hiện: Thảo luận, thống nhất chọn màu nền cho bức tranh (sử dụng màu vẽ hoặc giấy có màu, giấy màu trắng; nền là màu đậm/đậm vừa/màu nhạt); cách sắp xếp các sản phẩm cá nhân trên giấy (A4 hoặc A3); bổ sung thêm chi tiết/hình ảnh cho sản phẩm,...

+ Tạo sản phẩm nhóm dựa trên lựa chọn chủ đề thể hiện của cả nhóm:

GV có thể gợi mở nhóm HS thực hiện: Thảo luận, thống nhất hình ảnh thể hiện (cây, hoa, quả; đồ vật, đồ dùng; dáng người,...). Chọn màu đậm, màu nhạt, màu đậm vừa để vẽ hoặc giấy để xé, dán; phân công mỗi thành viên thực hành tạo hình ảnh/chi tiết đơn lẻ và tạo nền cho bức tranh. Thảo luận, thống nhất sắp xếp các hình ảnh đơn lẻ và dán trên nền giấy, tạo bức tranh xé dán của nhóm.

GV có thể giới thiệu sản phẩm sưu tầm, sản phẩm của nhóm HS hoặc hình ảnh hoạt động thực hành của nhóm HS năm học trước, giúp HS nhận rõ hơn cách thực hiện.

Một số lưu ý đối với GV:

– Quan sát, nắm được: Khả năng nhận ra màu đậm, màu nhạt của chất liệu (giấy hoặc màu vẽ) và trên sản phẩm; mức độ thực hiện các thao tác như: xé, dán; sắp xếp hình ảnh trên giấy; tham gia trao đổi, thảo luận cùng bạn bè,... để có thể hướng dẫn cụ thể hoặc hỗ trợ, "tư vấn" HS.

– Có thể gợi mở HS chỉ ra màu đậm, màu đậm vừa, màu nhạt trên chất liệu và sản phẩm.

– Nhắc HS quan sát bạn thực hành và trao đổi, chia sẻ với bạn; có thể đặt câu hỏi cho bạn, nêu ý kiến với thầy cô/bạn bè, chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận hoặc hướng dẫn bạn cách xé giấy, cách dán,...

– Có thể gợi mở HS chia sẻ thông tin về hình ảnh thể hiện như: tên loài hoa, loại quả, ăn quả như thế nào; tên của đồ vật, sử dụng như thế nào;... hoặc ý tưởng sử dụng sản phẩm (trang trí lớp/góc học tập,...?).

– Sử dụng những thông tin thu được trong thực hành và kết hợp với các hoạt động học tập khác của HS để thực hiện đánh giá quá trình sát thực hơn.

2.3. Tổ chức HS trưng bày, trao đổi, nhận xét sản phẩm và chia sẻ cảm nhận

– GV có thể hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm theo nhóm hoặc theo nội dung thể hiện,... và tổ chức quan sát lần lượt các sản phẩm, gợi mở HS chia sẻ cảm nhận ban đầu về các sản phẩm.

– GV tổ chức HS giới thiệu, nhận xét sản phẩm, chia sẻ cảm nhận:

+ Nên vận dụng một số gợi ý trong SGK.

+ Tham khảo một số gợi ý sau:

• Em thích sản phẩm của bạn nào/nhóm nào? Vì sao?

• Hình ảnh nào em thấy rõ nhất trong bức tranh của em/của bạn, của nhóm em/nhóm bạn?

• Em chỉ ra màu đậm, màu đậm vừa, màu nhạt được thể hiện trên sản phẩm của em/nhóm em hoặc của bạn/nhóm bạn.

– GV tổng hợp ý kiến của HS, nhận xét các sản phẩm; có thể gợi mở HS chia sẻ cảm xúc về bài học hoặc hoạt động thực hành, trưng bày,... đồng thời, GV liên hệ HS sử dụng sản phẩm vào cuộc sống (có thể treo ở đâu, tặng cho ai,...).

Cánh Diều

HOẠT ĐỘNG 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục *Vận dụng*

– GV hướng dẫn HS quan sát hai bức tranh trong SGK, gợi mở HS nêu tên bức tranh, giới thiệu màu đậm, màu nhạt ở hình ảnh hoặc chi tiết trong mỗi bức tranh (có thể gợi mở HS nêu màu đậm, màu đậm vừa, màu nhạt trên mỗi bức tranh).

– GV có thể giới thiệu thêm một số bức tranh (hoặc sản phẩm thủ công) khác, giúp HS nhận ra màu đậm, màu đậm vừa, màu nhạt ở bức tranh hoặc sản phẩm, đồng thời gợi nhắc: *Có thể sử dụng màu sáp/màu dạ/màu goát/màu nước,... để vẽ bức tranh thể hiện các hình ảnh về cuộc sống xung quanh theo ý thích bằng các màu đậm, màu nhạt khác nhau.*

– GV có thể tham khảo gợi ý tổ chức DH mục này ở *Phần hai, Hoạt động 3 (tr.36, 37)* của SGV để vận dụng DH phù hợp với điều kiện thực tiễn.

HOẠT ĐỘNG 4. Tổng kết bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV tóm tắt nội dung chính của bài học; nhận xét kết quả; kết hợp rèn luyện ở HS ý thức chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập hiệu quả và giữ vệ sinh cá nhân, vệ sinh lớp học,...

– GV nhắc HS: Xem trước Bài 3 và chuẩn bị đồ dùng, công cụ theo hướng dẫn ở mục *Chuẩn bị*. GV có thể nhắc HS chuẩn bị thêm đồ dùng, vật liệu,... phù hợp với ý tưởng DH của bản thân về nội dung Bài 3.

Cánh Diều

Chủ đề 2. SÁNG TẠO VỚI NÉT

Nội dung chủ đề tập trung cụ thể hoá một số yêu cầu cần đạt quy định trong Chương trình Mĩ thuật lớp 2, cụ thể như sau:

– Tạo được nét bằng các hình thức khác nhau, sử dụng nét mô phỏng đối tượng.

– Biết kết hợp gấp, cắt, dán, vẽ,... trong thực hành, sáng tạo.

Bài 3. CÙNG HỌC VUI VỚI NÉT

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật như sau:

– Nêu được cách tạo nét bằng một số hình thức, chất liệu khác nhau.

– Tạo được nét bằng một số hình thức, chất liệu khác nhau; biết vận dụng nét tạo được để tạo sản phẩm theo ý thích và trao đổi, chia sẻ trong thực hành.

– Biết trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình hoặc của nhóm, của bạn. Bước đầu thấy được sự đa dạng của chất liệu sử dụng để tạo các kiểu nét và có thể vận dụng nét để sáng tạo sản phẩm phục vụ cuộc sống.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS năng lực chung và một số năng lực đặc thù phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần hình thành, phát triển năng lực khoa học (tìm hiểu tự nhiên, xã hội), được biểu hiện như: *biết được nhiều sản phẩm trong đời sống có biểu hiện kiểu nét khác nhau và được tạo bằng những nguyên vật liệu như mây, tre, sắt, thép,...*

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số phẩm chất chủ yếu như: nhân ái, trung thực,... phù hợp với một số biểu hiện như đã nêu ở *Mục I, Phần một*

của SGV; trong đó, góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm, được biểu hiện như: *thử nghiệm cách tạo nét từ một số chất liệu, vật liệu khác nhau để vận dụng tạo sản phẩm; giữ vệ sinh cá nhân và lớp học trong và sau khi thực hành.*

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK, Vở thực hành; giấy màu, màu vẽ, hồ dán, kéo...

2. Giáo viên: SGK, SGV, Vở thực hành, giấy màu, bút viết bảng hoặc màu dạ; kéo, bút chì,...

GV chuẩn bị khăn mặt cũ hoặc vải (mềm) tận dụng từ quần, áo cũ,... để HS sử dụng làm khăn lau tay, lau đồ dùng, công cụ trong thực hành.

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, vấn đáp, trò chơi, thực hành, thị phạm, thảo luận, giải quyết vấn đề, liên hệ thực tiễn, sử dụng tình huống có vấn đề,...

2. Kĩ thuật dạy học: Động não, bể cá, sơ đồ tư duy,...

3. Hình thức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG 1. Ổn định lớp, khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS bằng cách:

– Kiểm tra sĩ số HS; gợi mở HS chia sẻ sự chuẩn bị bài học.

– Tổ chức hoạt động khởi động, giới thiệu bài. Ví dụ:

Cách 1: GV sử dụng trò chơi: "Thử tài của bạn".

– Chuẩn bị:

+ Ba sản phẩm mĩ thuật (nguyên bản hoặc ảnh), trên mỗi sản phẩm thể hiện hình ảnh (đơn giản) được tạo bởi các nét: nét bằng bút màu, nét bằng giấy, nét bằng đất nặn. Trước khi trò chơi bắt đầu, các sản phẩm này trưng bày trên bảng.

+ Hai bộ thẻ học tập (tương ứng với hai nhóm tham gia chơi), mỗi bộ có ba thẻ (tương ứng với ba thành viên tham gia chơi). Các thẻ này cần sử dụng màu sắc

(hoặc biểu tượng) để đánh dấu nhóm 1, nhóm 2 cho một mặt thẻ; mặt thẻ còn lại, theo cặp đôi viết cùng tên một chất liệu (màu vẽ, giấy, đất nặn).

+ Mỗi đội chơi nhận ba thẻ cùng màu (hoặc biểu tượng) sản phẩm đã chuẩn bị và đã trưng bày trên bảng.

– Nhiệm vụ của nhóm HS: Gắn thẻ học tập phù hợp với mỗi sản phẩm.

– Thời gian: 2 phút.

– Cách chơi: Khi có hiệu lệnh, lần lượt từng thành viên cầm thẻ gắn úp mặt thẻ có ghi tên chất liệu vào bên cạnh sản phẩm mà thành viên cho là phù hợp. Kết thúc thời gian chơi, người quản trò lật các thẻ ở mỗi nhóm.

– Đánh giá kết quả: Căn cứ thời gian hoàn thành, yêu cầu của nhiệm vụ và số lượng thẻ gắn đúng với sản phẩm, GV liên hệ giới thiệu nội dung bài học.

Cách 2: GV gợi mở HS kể tên một số kiểu nét, nêu những đồ dùng, vật liệu, chất liệu đã chuẩn bị và kích thích HS tò mò về bài học. Ví dụ: Với những đồ dùng, công cụ, chất liệu,... này, chúng mình có thể tạo nên nhiều kiểu nét khác nhau và sử dụng nét tạo được để sáng tạo sản phẩm theo ý thích...

HOẠT ĐỘNG 2. Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

2.1. Tổ chức HS quan sát, nhận biết

2.1.1. Sử dụng hình ảnh cách tạo nét (tr.15)

– GV tổ chức HS quan sát và giao nhiệm vụ: Thảo luận và trả lời câu hỏi trong SGK.

– GV nhận xét trả lời của HS, kết hợp giới thiệu và có thể thị phạm minh hoạ thao tác tạo nét, gọi một số HS cùng tham gia.

2.1.2. Sử dụng hình ảnh cửa sổ và cầu tre (tr.16)

– GV giới thiệu hoặc gợi mở HS nêu tên mỗi hình ảnh và giao nhiệm vụ:

+ Quan sát, thảo luận trả lời câu hỏi trong SGK.

+ Chia sẻ điều biết được về mỗi hình ảnh. (Ví dụ: Em đã nhìn thấy cửa sổ/cầu tre ở đâu,...?).

– GV kết hợp chia sẻ của HS, giới thiệu thêm một số thông tin về mỗi hình ảnh và liên hệ những chi tiết cụ thể với một số kiểu nét.

+ Cửa sổ: Khung làm bằng gỗ, các hoa văn của ô cửa làm bằng các thanh sắt và được tạo hình giống các kiểu nét: thẳng đứng, thẳng ngang, thẳng xiên, xoắn ốc,... (có thể giới thiệu thêm kĩ thuật tạo hoa văn từ các thanh sắt).

+ Cầu tre: bắc trên dòng sông, giúp mọi người di chuyển từ bờ bên này sang bờ bên kia. Cầu được làm bằng thân của một số loại cây như: cây tre, cây trúc, cây thân gỗ,... Những cây tre, cây trúc làm chân cầu giống các nét xiên trái, xiên phải; cây tre, cây trúc, cây thân gỗ làm mặt cầu để đi và tay vịn giống kiểu nét thẳng ngang, nét cong,...

2.1.3. Liên hệ thực tế

GV có thể gợi mở HS chia sẻ những gì đã nhìn thấy ở xung quanh (trong lớp, sân trường, cổng trường, trên đường đi học,...), có hình ảnh/chi tiết giống một số kiểu nét đã biết; kết hợp giới thiệu thêm một số hình ảnh như: cổng trường, dụng cụ thể thao, hàng rào, xe đạp,... giúp HS phát hiện kiểu nét và nhận ra sự đa dạng của các vật liệu, chất liệu mà con người có thể tạo nên nét và tạo sản phẩm hữu ích phục vụ cuộc sống.

GV tóm tắt và chốt nội dung Hoạt động 2.1 (có thể sử dụng hình ảnh trực quan, sơ đồ tư duy).

Có thể sử dụng các chất liệu, vật liệu sẵn có để tạo nên các nét theo ý thích.

2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo sản phẩm và thảo luận

2.2.1. Hướng dẫn cách tạo nét (tr.16)

– GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh và thảo luận, trả lời câu hỏi trong SGK.

– GV nhận xét câu trả lời của HS, kết hợp thị phạm minh hoạ và hướng dẫn, gợi mở một số cách tạo nét.

+ Tạo nét từ đất nặn:

Chuẩn bị: Chọn lượng đất nặn có màu phù hợp.

Lưu ý HS: Nên lấy lượng đất vừa phải để dễ làm mỏng.

Hướng dẫn HS tạo nét dựa trên hình minh hoạ trong SGK:

Bước 1: Đặt đất nặn lên mặt phẳng (giấy, bảng,...) và dùng con lăn làm dẹt/ mỏng khối đất nặn.

Lưu ý HS: Tạo độ mỏng của đất nặn vừa phải vì nếu dàn đất nặn mỏng quá sẽ dính vào mặt giấy/bảng,... và khi cầm nét đất nặn lên dễ bị đứt từng đoạn.

Bước 2: Dùng công cụ cắt đất nặn, cắt tạo nét to, nhỏ, dài, ngắn.

GV có thể gợi mở HS cách tạo nét: to, nhỏ, dài, ngắn,... bằng thao tác lăn dọc (liên hệ với hình ảnh ở tr.15).

Bước 3: Cầm nét đất nặn vừa cắt lên, đặt vào vị trí khác (rộng hơn) và tạo kiểu nét theo ý thích. Hoặc tạo kiểu nét theo ý thích từ nét thẳng tạo được bằng thao tác lăn dọc.

+ Tạo nét từ bìa giấy:

Bước 1: Chọn bìa giấy theo ý thích (cong, thẳng,...). Vẽ màu goát/màu nước lên cạnh của bìa giấy (hoặc công cụ, vật liệu khác có cạnh giống dạng nét thẳng, cong,...).

GV giải thích thêm: Cạnh/mép ngoài của bìa giấy rộng hay hẹp sẽ tạo nên nét to hay nhỏ (GV có thể thị phạm minh hoạ). Sau khi tô/vẽ màu lên công cụ/vật liệu, cần thực hiện ngay bước 2, nếu để lâu màu sẽ khô, khi in sẽ không rõ nét. Nếu vật liệu dễ uốn (như bìa giấy) có thể tạo kiểu nét cong (lượn sóng, xoắn ốc,...) theo ý thích. (Ví dụ: Hình sản phẩm "In hoa" ở mục *Vận dụng,* tr.8).

Bước 2: Đặt cạnh của bìa giấy/vật liệu, đồ dùng,... đã tô/vẽ màu lên bề mặt giấy và ấn tay mạnh một chút, giữ khoảng vài giây để màu thấm đều xuống mặt giấy.

GV giải thích thêm (hoặc có thể kết hợp giới thiệu vật thật): Nên dùng màu goát hoặc màu nước để khi in sẽ rõ nét hơn so với dùng màu sáp hoặc màu dạ. Nếu dùng màu dạ, màu sáp thì nên dùng vật liệu có độ cứng như: gỗ, nhựa (thước kẻ, êke, cạnh của các hình cơ bản trong bộ đồ dùng học toán,...).

Bước 3: Nhấc miếng bìa/vật liệu, đồ dùng,... ra khỏi giấy sẽ thấy xuất hiện nét trên mặt giấy.

– GV lưu ý:

+ Khi hướng dẫn các bước ở trên, GV nên mời HS lên cùng thực hiện/trải nghiệm một/một số thao tác; gợi mở HS chia sẻ cách thực hiện, sử dụng công cụ, thao tác thực hành,... như: làm mỏng đất, cắt đất; sử dụng bìa giấy, bút lông để tạo kiểu nét với màu goát,...

+ Hướng dẫn HS giữ vệ sinh lớp học và làm sạch công cụ bằng khăn/vải mềm.

+ GV có thể tổ chức HS tập/trải nghiệm cách tạo nét.

2.2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo và tập thảo luận, trao đổi

– HS tạo sản phẩm cá nhân (*hoặc có thể tạo sản phẩm cặp/nhóm*).

+ GV giao nhiệm vụ cho HS: Tham khảo các sản phẩm được giới thiệu trong SGK, Vở thực hành và vận dụng cách tạo nét yêu thích để tạo sản phẩm.

+ GV có thể lưu ý thêm về cách "tạo sản phẩm với nét từ giấy màu" (tr.17): Chọn màu giấy theo ý thích để gấp, vẽ, cắt tạo sản phẩm. Nếu không có giấy màu, có thể dùng giấy trắng, giấy báo,... Khổ giấy dùng để gấp có thể rộng, hẹp theo ý thích; nếu khổ giấy có kích thước vừa phải thì không nên gấp nhiều lần, vì nếu gấp

nhiều lần sẽ tạo hình tam giác kích thước nhỏ và khó cắt tạo nét như mong muốn. Khi dùng bút chì vẽ nét trên hình tam giác của giấy đã gấp, có thể vẽ kiểu nét theo ý thích, nên vẽ kiểu nét cong đơn giản để dễ cắt.

Một số hình ảnh tham khảo:

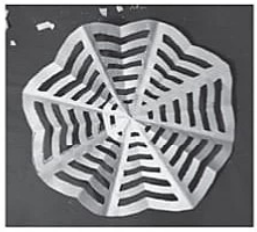

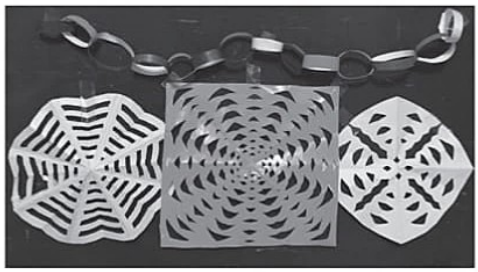

Lưu ý: GV có thể sử dụng hình ảnh sản phẩm trong Vở thực hành để giới thiệu thêm, giúp HS nhận ra chất liệu, hình thức tạo nét, nội dung thể hiện ở mỗi sản phẩm và có thể tham khảo ý tưởng để thực hành.

– HS thảo luận, trao đổi trong thực hành:

+ GV nhắc HS: Kết hợp thực hành với quan sát các bạn trong nhóm và có thể trao đổi, đặt câu hỏi với bạn hoặc tham khảo ý kiến của bạn để thực hành. Ví dụ một số nội dung như: chọn màu giấy, cách gấp, kiểu nét, màu cơ bản, màu đậm, màu nhạt, hình ảnh tạo được,....

+ GV có thể gợi mở HS liên hệ sử dụng sản phẩm: làm khăn giấy trang trí, sử dụng để đặt đồ vật (cốc, li, lọ hoa,...) trên sản phẩm khăn giấy, dán/xâu các sản phẩm với nhau tạo dây hoa/dây xích trang trí,...

Một số lưu ý đối với GV:

– Quan sát, nắm bắt được mức độ thực hiện các thao tác của HS như: Làm mỏng đất, sử dụng công cụ cắt đất; gấp giấy, vẽ nét, sử dụng kéo cắt giấy,...; sử dụng nét tạo hình ảnh, sắp xếp hình ảnh trên trang giấy/vở,... từ đó, có thể đưa ra gợi mở, hướng dẫn, giảng giải, hoặc hỗ trợ HS.

– Dựa trên sản phẩm đang thực hành của cá nhân/nhóm HS, GV có thể nêu vấn đề, trao đổi cùng HS; khích lệ HS sáng tạo, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm, ý tưởng sử dụng sản phẩm vào đời sống,...

Ví dụ: Giới thiệu tên sản phẩm, điều gì làm em thích nhất ở sản phẩm mà em/bạn đã tạo được?...

– Sử dụng những thông tin thu được trong thực hành và kết hợp với các hoạt động học tập khác của HS để thực hiện đánh giá quá trình sát thực hơn.

Cánh Diều

– HS tạo sản phẩm nhóm:

+ GV có thể tham khảo hướng dẫn HS tạo sản phẩm nhóm theo cách sau:

Cách 1: Nhóm HS sử dụng sản phẩm cá nhân và thảo luận, thống nhất cách sắp xếp để tạo sản phẩm nhóm; có thể bổ sung thêm chi tiết theo ý thích.

Cách 2: Nhóm HS thảo luận, thống nhất chọn nội dung, hình thức, chất liệu, vật liệu và cách tạo nét để cùng tạo sản phẩm.

+ GV có thể giới thiệu thêm sản phẩm sưu tầm (nếu có), giúp HS có thêm hình ảnh tham khảo.

2.3. Tổ chức HS trưng bày sản phẩm và trao đổi, nhận xét, chia sẻ cảm nhận

– Tổ chức HS trưng bày sản phẩm: GV có thể tổ chức, gợi mở, hướng dẫn HS trưng bày theo nhóm hoặc theo nội dung thể hiện, chất liệu, hình thức, cách tạo nét,...

– Tổ chức HS nhận xét, chia sẻ cảm nhận: GV có thể vận dụng các nội dung sau:

+ Tham khảo gợi ý trong SGK.

+ Căn cứ vào quá trình thực hành, thảo luận và sản phẩm cụ thể của cá nhân/ nhóm HS để gợi ý nội dung trao đổi, thảo luận, nhận xét,...

+ Gợi mở HS nhớ lại cách tạo sản phẩm, liên hệ sản phẩm với thực tiễn.

– GV tóm tắt nội dung chia sẻ của HS, nhận xét ý thức học tập, kết quả thực hành; gợi mở ý tưởng sáng tạo sản phẩm khác với cùng chất liệu, hoạ phẩm hoặc chất liệu, hoạ phẩm khác.

HOẠT ĐỘNG 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục *Vận dụng*

– GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh giới thiệu (tr.18), gợi mở HS nhận ra:

+ Có thể tạo thêm sản phẩm khác bằng cách tạo nét yêu thích.

+ Có thể sử dụng sản phẩm để làm đẹp thêm cho cuộc sống.

– Nếu thời gian cho phép, GV có thể gợi mở, hướng dẫn (hoặc thị phạm minh hoạ) cách tạo các sản phẩm:

+ Sản phẩm "In hoa" của Bảo Anh: Sử dụng bìa giấy carton (hoặc bìa giấy/giấy thường) cuộn lại tạo hình nét xoắn ốc, hình lá cây; dùng màu goát vẽ lên giấy bìa để tạo kiểu nét và thực hiện thao tác ấn hình nét trên mặt giấy (giữ lại vài giây để màu thấm xuống giấy); tương tự, in nhiều lần sẽ có bức tranh theo ý thích với nét xoắn ốc làm hình bông hoa và hình lá cây.

+ Sản phẩm "Chú mèo của em" của Minh Khôi, Kiều Trang: Sử dụng đất nặn, vê tròn, lăn dọc hoặc cán mỏng đất vừa phải và cắt để tạo "nét", sử dụng "nét" đất tạo được "vẽ" hình chú mèo theo ý thích trên giấy/bảng,...

+ Sản phẩm "Hoa hồng" của Thu An: Dùng đất nặn tạo hình lọ hoa, cán mỏng đất vừa phải và cắt tạo "nét" có chiều rộng khoảng 2 – 4 cm, cuộn tròn "nét" đất tạo được để tạo hình bông hoa hồng; sử dụng giấy cuộn tạo nét thẳng tạo cành hoa, nếu giấy làm cành hoa là giấy trắng, giấy báo,... thì có thể tạo màu cho cành hoa bằng cách: vẽ màu, sử dụng đất nặn bao xung quanh,...; tạo thêm nét trang trí cho lọ hoa. Sử dụng sản phẩm cắt giấy để đặt lọ hoa lên trên.

– GV có thể tham khảo gợi ý tổ chức DH mục này ở *Phần hai, Hoạt động 3 (tr.36, 37)* của SGV để vận dụng DH phù hợp với điều kiện thực tiễn.

HOẠT ĐỘNG 4. Tổng kết bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV tóm tắt nội dung chính của bài học; nhận xét kết quả học tập (chuẩn bị đồ dùng, chất liệu,...; mức độ tham gia các hoạt động học tập; ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo quản sản phẩm, công cụ, đồ dùng;...).

– GV sử dụng câu tổng kết (tr.18) để giúp HS ghi nhớ bài học.

– GV nhắc HS: Xem trước Bài 4 và chuẩn bị đồ dùng, công cụ theo hướng dẫn ở mục *Chuẩn bị*. GV có thể nhắc HS chuẩn bị thêm đồ dùng, vật liệu,... phù hợp với ý tưởng DH của bản thân về nội dung bài 4.

Bài 4. SÁNG TẠO CÙNG SẢN PHẨM THỦ CÔNG

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật như sau:

– Nhận biết được đặc điểm của một số chiếc vòng đeo tay làm thủ công bằng một số chất liệu, vật liệu đơn giản, sẵn có. Nêu được cách tạo sản phẩm chiếc vòng đeo tay bằng giấy.

– Tạo được chiếc vòng đeo tay theo ý thích bằng cách gấp, cắt, dán giấy và trao đổi, chia sẻ trong thực hành.

– Trưng bày, giới thiệu, chia sẻ về sản phẩm; biết liên hệ sử dụng sản phẩm để làm đẹp cho bản thân và đời sống.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS năng lực chung và một số năng lực đặc thù phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần hình thành, phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tính toán được biểu hiện như: *sử dụng được giấy và công cụ phù hợp để thực hành, tạo sản phẩm chiếc vòng; ước lượng được kích thước chiếc vòng phù hợp với cổ tay của mình/người khác.*

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số phẩm chất chủ yếu như: yêu nước, trung thực, trách nhiệm,... phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần rèn tính kiên trì, ý thức tôn trọng, được biểu hiện như: *biết được nhiều nguyên liệu trong tự nhiên, đời sống có thể sử dụng để tạo nên sản phẩm chiếc vòng và nhiều sản phẩm hữu ích khác phục vụ đời sống; thấy được sự khéo léo của đôi tay và sự sáng tạo của con người trong sáng tạo sản phẩm.*

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK, Vở thực hành; giấy màu, kéo, hồ dán,...

2. Giáo viên: SGK, SGV, Vở thực hành, giấy màu, kéo, hồ dán; hình ảnh trực quan minh hoạ cho nội dung bài học; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nếu có).

GV có thể:

– Sưu tầm một số chiếc vòng được tạo nên từ vật liệu sẵn có như: giấy, vải, lá cây, sợi dù, len,... bằng phương pháp thủ công (hoặc GV tự làm).

– Sưu tầm nguyên vật liệu sẵn có như: lá cây dừa/lá cây cau cảnh, sợi vải/len/đay,... và hình ảnh ứng dụng chiếc vòng trong đời sống: vòng đeo trên cổ, đeo trên tai, trên cổ tay, cổ chân, hoặc vòng thể thao,...

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, thị phạm, luyện tập, thực hành, sử dụng tình huống có vấn đề, liên hệ thực tiễn,...

2. Kĩ thuật dạy học: Động não, bể cá, tia chớp, khăn phủ bàn, sơ đồ tư duy,...

3. Hình thức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG 1. Ổn định lớp, khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể tham khảo một số gợi ý sau để tạo tâm thế học tập cho HS:

– Kiểm tra sĩ số HS; gợi mở HS chia sẻ sự chuẩn bị bài học.

– Tổ chức hoạt động khởi động, giới thiệu bài. Ví dụ:

Cách 1: Sử dụng kĩ thuật DH tia chớp.

– GV tổ chức HS quan sát lần lượt một số vật liệu, chất liệu đã chuẩn bị như: lá cây dừa hoặc lá cây cau cảnh; dải giấy; sợi len/đay/vải,... Với mỗi hình ảnh xuất hiện, GV yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời nhanh: tên lá/vật liệu.

– Kết thúc các hình ảnh, GV tổng kết kết quả (đúng/sai); kết hợp gợi mở, giới thiệu nội dung bài học. (GV có thể giới thiệu một số sản phẩm thủ công được làm từ các vật liệu vừa tổ chức HS quan sát).

Cách 2: Sử dụng kĩ thuật DH tia chớp.

– GV tổ chức HS quan sát lần lượt một số chiếc vòng đã chuẩn bị như: vòng thể thao, vòng cổ, vòng tay, vòng chân, vòng ném còn,... Với mỗi hình ảnh xuất hiện, GV yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời nhanh: cách sử dụng chiếc vòng.

– Kết thúc các hình ảnh, GV tổng kết kết quả (đúng/sai); kết hợp gợi mở, giới thiệu nội dung bài học. (GV có thể giới thiệu một số chất liệu sử dụng để tạo nên những chiếc vòng đó).

Lưu ý: Nếu không có thiết bị DH hỗ trợ, GV có thể in hình chiếc vòng trên khổ giấy, phát cho các nhóm thảo luận, chia sẻ về cách sử dụng và có thể vận dụng kiểu hình thức trắc nghiệm hoặc kĩ thuật khăn phủ bàn.

HOẠT ĐỘNG 2. Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

2.1. Tổ chức HS quan sát, nhận biết

2.1.1. Hình ảnh một số chiếc vòng (tr.19) hoặc sử dụng sản phẩm thật

– GV hướng dẫn HS quan sát và giao nhiệm vụ trả lời câu hỏi trong SGK. Nếu sử dụng sản phẩm thật, GV nên cho HS quan sát trực tiếp và trả lời câu hỏi.

– GV tóm tắt ý kiến của HS, gợi mở HS nhận ra chiếc vòng đeo tay có thể được tạo ra từ những vật liệu đơn giản, sẵn có trong đời sống. (Có thể kết hợp hình ảnh sưu tầm).

2.1.2. Hình ảnh hoặc sản phẩm nguyên mẫu một số chiếc vòng sưu tầm (nếu có)

GV có thể giới thiệu, gợi mở giúp HS nhận ra đặc điểm, màu đậm, màu nhạt, vật liệu hoặc cách tạo nên sản phẩm, kích thích HS hứng thú với thực hành, tạo sản phẩm cho riêng mình.

2.1.3. Hình ảnh liên hệ cuộc sống (nếu có)

– Ứng dụng của chiếc vòng (trang trí, làm đẹp môi trường; hình ảnh cổ tay đeo vòng,...) hoặc hoạt động làm vòng bằng phương pháp thủ công (đan, gấp,...).

– GV chốt nội dung Hoạt động 2.1 (có thể sử dụng hình ảnh, sơ đồ tư duy).

Chiếc vòng đeo tay có thể được tạo nên từ những vật liệu, chất liệu sẵn có.

2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo sản phẩm và thảo luận

2.2.1. Hướng dẫn HS tìm hiểu cách thực hành

– Sử dụng hình ảnh minh hoạ (tr.20): GV hướng dẫn thực hành, kết hợp giảng giải, thị phạm, gợi mở và tương tác với HS (có thể nêu câu hỏi, kích thích HS tự tìm hiểu và chia sẻ):

+ Chuẩn bị:

Chọn 2 màu giấy: màu đậm, màu nhạt theo ý thích.

Cắt giấy tạo nét: Chiều rộng khoảng 1 cm (nếu giấy có kẻ sẵn ô ở mặt sau thì tương ứng với 1 ô), chiều dài khoảng 50 – 60 cm (tương đương khoảng 50 – 60 ô). Hoặc chọn kích thước chiều rộng tuỳ ý. Ví dụ: 2 ô, 3 ô và chiều dài sẽ dài hơn 50 – 60 ô).

Lưu ý HS: Chiều dài của tờ giấy màu thường không đủ kích thước 50 – 60 cm, nên mỗi màu giấy có thể cắt 2 hoặc 3 nét giấy, khi gấp vòng hết kích thước 1 nét giấy sẽ dán nối thêm nét giấy khác để có kích thước phù hợp với vòng cổ tay. Có thể sử dụng giấy một mặt hoặc bìa giấy dạng mỏng.

+ Hướng dẫn HS thực hành dựa trên hình minh hoạ trong SGK.

Bước 1: Dán hai đầu của hai nét giấy như hình trong SGK.

Bước 2: Gấp lần lượt từng nét giấy như hình dưới đây để tạo chiều dài của chiếc vòng tương đương vòng cổ tay.

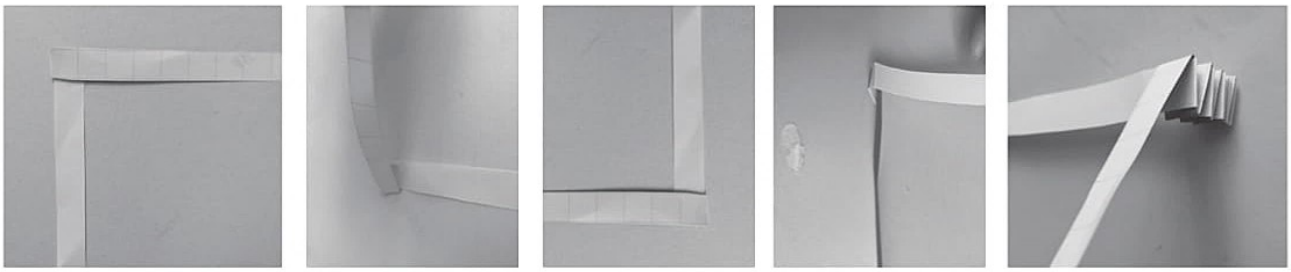

Lưu ý HS: Khi gấp giấy, dùng ngón tay ấn/miết nếp gấp để tạo độ "sắc nét" và chiếc vòng sẽ đẹp hơn.

Bước 3: Sau khi gấp được kích thước vòng phù hợp với cổ tay, HS dùng hồ/keo dán hai đầu giấy để tạo vòng tròn khép kín, chiếc vòng đã tạo được.

– Sử dụng hình ảnh minh hoạ (tr.21):

+ GV hướng dẫn các bước thực hành, kết hợp giảng giải, thị phạm, gợi mở và tương tác với HS (có thể nêu câu hỏi, kích thích HS tự tìm hiểu và chia sẻ).

Chuẩn bị: Các nét/dải giấy bằng cách cắt tạo nét giấy có chiều rộng khoảng 1 cm, chiều dài khoảng 7 cm hoặc kích thước tuỳ thích và có thể cắt theo số ô ở mặt giấy không có màu.

Có thể gợi ý HS: giấy để cắt tạo các nét giấy có thể nhiều màu hoặc một màu. Nên chọn nhiều màu và có màu đậm, màu nhạt để sản phẩm chiếc vòng đẹp hơn.

+ GV hướng dẫn HS thực hành dựa trên hình minh hoạ (tr.21) và nhắc HS giữ vệ sinh trang phục, bàn, ghế,... khi sử dụng hồ/keo dán.

Gợi mở HS: Có thể vận dụng cách tạo chiếc vòng này để làm vòng đeo cổ, dây xúc xích để trang trí,... theo ý thích.

2.2.2. Tổ chức HS thực hành và trao đổi, thảo luận

– HS tạo sản phẩm cá nhân:

+ GV giao nhiệm vụ cho HS: Vận dụng cách thực hành ở trên để sáng tạo chiếc vòng theo ý thích.

+ GV gợi mở HS: Có thể tham khảo một số sản phẩm chiếc vòng của các bạn: Minh Thư, Hà Trang, Thanh Tùng trong SGK và hình ảnh chiếc vòng trong Vở thực hành, hoặc có thể kết hợp trang trí chấm, nét, vẽ hình ảnh theo ý thích cho chiếc vòng.

+ GV giới thiệu hình ảnh sản phẩm sưu tầm hoặc sản phẩm thật (nếu có), giúp HS tham khảo thêm ý tưởng thực hành để sáng tạo sản phẩm.

– HS trao đổi, thảo luận, chia sẻ trong thực hành:

+ GV giao nhiệm vụ cho HS: Kết hợp thực hành với quan sát các bạn trong nhóm, trao đổi, thảo luận với bạn hoặc nêu câu hỏi, nhận xét, chia sẻ cảm nhận,...

+ GV gợi ý một số câu hỏi cho HS: Bạn chọn cách thực hành nào? Bạn sẽ dùng giấy có màu gì, màu nào đậm, màu nào nhạt? Bạn muốn vẽ hình gì trên chiếc vòng?...

Một số lưu ý đối với GV:

– Quan sát để nắm được mức độ thực hiện nhiệm vụ của HS như: chọn cách thực hành, xác định kích thước nét giấy, cách gấp, dán,... để có thể hướng dẫn hoặc hỗ trợ HS.

– Căn cứ vào thực tế sản phẩm đang thực hành của HS để sử dụng tình huống có vấn đề, động viên, khích lệ HS sáng tạo, bày tỏ cảm xúc; gợi mở nội dung HS trao đổi, chia sẻ ý tưởng sử dụng sản phẩm và hướng dẫn HS cách sử dụng công cụ bảo đảm an toàn, vệ sinh,...

– Sử dụng những thông tin thu được trong thực hành và kết hợp với các hoạt động học tập khác của HS để thực hiện đánh giá quá trình sát thực hơn.

Cánh Diều

2.3. Tổ chức HS trưng bày, trao đổi, nhận xét sản phẩm và chia sẻ cảm nhận

– GV có thể hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm theo nhóm hoặc theo cách thực hành/đặc điểm của sản phẩm,...

– Gợi mở HS đặt tên cho các sản phẩm trưng bày như: Hàng trưng bày; Hàng mẫu; Cửa hàng lưu niệm; Bách hoá vòng đeo tay;...

– GV gợi mở HS giới thiệu, nhận xét sản phẩm và chia sẻ cảm nhận: Dựa trên mục tiêu bài học, kết hợp tham khảo một số gợi ý trong SGK và quá trình thực hành, thảo luận, sản phẩm thực hành của HS.

– GV tổng hợp ý kiến của HS, nhận xét sản phẩm (cá nhân/nhóm/toàn lớp); gợi mở HS chia sẻ ý tưởng sử dụng sản phẩm vào cuộc sống.

HOẠT ĐỘNG 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục *Vận dụng*

– GV tổ chức HS quan sát hình ảnh minh hoạ trong SGK và trao đổi, giới thiệu các sản phẩm.

– GV giới thiệu sản phẩm và gợi mở HS nhận ra cách tạo sản phẩm khác từ giấy màu, lõi giấy vệ sinh, liên hệ cách tạo sản phẩm và sử dụng như: đeo tay, đeo cổ, làm quả bóng, tạo lọ hoa,... bằng cách gấp, cắt, cuộn, dán, xếp, xâu sợi chỉ/len,...

– Nếu thời gian cho phép, GV có thể giới thiệu cách tạo các sản phẩm:

+ Tạo vòng tay:

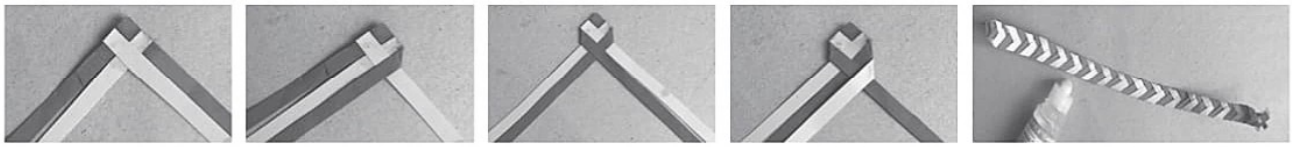

+ Tạo vòng cổ, lọ hoa:

– GV có thể tham khảo gợi ý tổ chức DH mục này ở *Phần hai, Hoạt động 3 (tr.36, 37)* của SGV để vận dụng phương pháp DH phù hợp với điều kiện thực tiễn.

HOẠT ĐỘNG 4. Tổng kết bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV tóm tắt nội dung chính của bài học; nhận xét kết quả học tập (chuẩn bị đồ dùng, mức độ tham gia các hoạt động học tập; ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo quản công cụ, sản phẩm,...), kết hợp bồi dưỡng HS đức tính kiên trì, sự khéo léo và sáng tạo trong tạo phẩm từ giấy màu và vận dụng vật liệu sẵn có.

– GV nhắc HS: Xem nội dung Bài 5 và chuẩn bị đồ dùng, công cụ theo hướng dẫn ở mục *Chuẩn bị*. GV có thể nhắc HS chuẩn bị thêm đồ dùng, vật liệu,... phù hợp với ý tưởng DH của bản thân về nội dung Bài 5.

Chủ đề 3. TRANG TRÍ BẰNG CHẤM, NÉT LẶP LẠI

Nội dung chủ đề tập trung cụ thể hoá một số yêu cầu cần đạt quy định trong Chương trình Mĩ thuật lớp 2, cụ thể như sau:

– Sử dụng nét mô phỏng đối tượng và trang trí sản phẩm.

– Biết vận dụng tính chất lặp lại của chấm, nét hoặc hình màu trong thực hành, sáng tạo.

– Thể hiện được màu đậm, màu nhạt ở sản phẩm.

Bài 5. KHU VƯỜN VUI VẺ

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật như sau:

– Nhận biết được sự lặp lại của chấm, nét trên đối tượng quan sát. Nêu được đặc điểm của hình thức lặp lại đối xứng, lặp lại xen kẽ và liên hệ với những hình ảnh xung quanh.

– Tạo được sản phẩm khu vườn vui vẻ có các hình ảnh được trang trí bằng chấm, nét lặp lại. Biết trao đổi, chia sẻ và phối hợp cùng bạn trong thực hành, sáng tạo sản phẩm.

– Trưng bày, giới thiệu và chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm cá nhân, sản phẩm nhóm. Bước đầu thấy được sự lặp lại có thể tìm thấy trong tự nhiên, trong đời sống và trên sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS năng lực chung và một số năng lực đặc thù phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần hình thành, phát triển năng lực tính toán, khoa học (tìm hiểu tự nhiên), giải quyết vấn đề và sáng tạo, hợp tác, được biểu hiện như: *nhận ra những chi tiết lặp lại ở một số động thực vật trong tự nhiên; biết ước lượng kích thước sản phẩm cá nhân phù hợp với sản phẩm nhóm và phối hợp với các bạn để tạo sản phẩm nhóm.*

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số phẩm chất chủ yếu như: chăm chỉ, trung thực,... phù hợp với một số biểu hiện như đã nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, tinh thần trách nhiệm, được biểu hiện như: *khám phá vẻ đẹp của một số hình ảnh trong tự nhiên và sản phẩm mĩ thuật phục vụ đời sống có sự lặp lại của chấm, nét, hình, màu; thực hiện nhiệm vụ cá nhân phù hợp với nhiệm vụ của nhóm.*

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK, Vở thực hành, giấy màu, màu vẽ, bút chì, bút dạ, bút sáp màu, tẩy chì, hồ dán, kéo, bìa giấy,...

2. Giáo viên: SGK, SGV, Vở thực hành, giấy màu, kéo, bút chì; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nếu có).

GV có thể sưu tầm hình ảnh/video hoặc sản phẩm là vật thật và vật liệu sẵn có ở địa phương (lá cây, các loại động vật, côn trùng, ong, bướm, chuồn chuồn, bọ dừa,...) có chấm, nét lặp lại để minh hoạ thêm cho bài học.

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kĩ thuật dạy học: Đặt câu hỏi, động não, tia chớp,...

3. Hình thức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG 1. Ổn định lớp, khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể tham khảo một số gợi ý sau để tạo tâm thế học tập cho HS:

– Kiểm tra sĩ số HS; gợi mở HS chia sẻ sự chuẩn bị bài học.

– Tổ chức hoạt động khởi động, giới thiệu bài. Ví dụ:

Cách 1: GV nêu vấn đề, nghe và cùng hát bài hát "Kìa con bướm vàng" (Nhạc nước ngoài), yêu cầu HS tìm những cụm từ được lặp lại trong bài hát, kết hợp gợi mở liên hệ giới thiệu nội dung bài học,...

Cách 2: Tổ chức trò chơi "Ai nhanh, ai nhiều", thời gian khoảng 3 phút.

– GV chuẩn bị: Các hạt ngũ cốc hoặc khuy áo,... (làm chấm).

– Nhiệm vụ: Sắp xếp và dán các hạt ngũ cốc hoặc khuy áo tạo các chấm giống nhau, khác nhau và sắp xếp các hạt ngũ cốc/khuy áo tạo nét giống nhau, khác nhau trên bảng/giấy A3 theo ý thích.

+ Đánh giá: số lượng các chấm, nét giống nhau, khác nhau.

+ Sử dụng kết quả chơi: GV gợi mở nhóm HS giới thiệu những chấm giống nhau/khác nhau, nét giống nhau/khác nhau, từ đó GV kết hợp giới thiệu nội dung bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

2.1. Tổ chức HS quan sát, nhận biết

2.1.1. Hình ảnh giới thiệu (tr.24, 25)

– GV hướng dẫn HS quan sát và trả lời câu hỏi (tr.24).

– GV có thể gợi mở rõ hơn: Tìm chấm, nét, màu giống nhau trên mỗi hình ảnh và giải thích sự giống nhau của các chấm, nét, hình, màu là sự lặp lại trên mỗi hình ảnh.

– GV tóm tắt ý kiến của HS, kết hợp giới thiệu rõ hơn về hình thức sắp xếp đối xứng hoặc xen kẽ ở mỗi hình ảnh:

+ Hình ảnh hàng rào: Các thanh gỗ giống nhau được gắn với nhau theo cách đặt chéo (giống nét thẳng xiên), lặp lại một cách đều đặn. Màu vàng và màu nâu của các thanh gỗ được lặp lại về màu.

+ Hình ảnh lá cây dừa nước: Cấu tạo của lá dừa nước, các phiến lá đối xứng qua trục dọc là sống lá và lặp lại nhiều lần. GV có thể gợi mở những gân lá giống như các nét thẳng xiên được lặp lại và màu xanh của các các phiến lá cũng được lặp lại về màu. Tương tự, GV có thể giới thiệu thêm một số loại lá có cấu trúc các lá đối xứng qua trục là sống lá như: lá chuối, ổi, xoài,...

+ Hình con bọ dừa: Con bọ dừa có các chấm màu trắng lặp lại ở phần đầu, chấm màu đen được lặp lại ở hai cánh.

+ Hình vải thổ cẩm: Các màu đen, đỏ, hồng, xanh lá cây được lặp lại theo các hình hoạ tiết.

2.1.2. Hình ảnh liên hệ thực tế (sưu tầm – nếu có/nên có)

– GV giới thiệu, gợi mở HS nhận ra chấm, nét hoặc hình, màu lặp lại xen kẽ, lặp lại đối xứng. Ví dụ:

+ Con vật: con bướm, con cánh cam, con chim,...

+ Sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

+ Đồ vật, đồ dùng,... có trong lớp, trường: trang phục, góc học tập, bảng biểu,...

+ Kết hợp gợi mở HS nhớ về những hình ảnh, phương tiện, con vật,... đã nhìn thấy (trong nhà, vườn cây, cái cầu, hàng rào,...).

– GV tóm tắt nội dung Hoạt động 2.1 (có thể sử dụng: hình ảnh trực quan, sơ đồ tư duy).

– Trong thiên nhiên, trong cuộc sống có nhiều hình ảnh biểu hiện sự lặp lại của chấm, nét, hình, màu.

– Có thể sắp xếp lặp lại chấm, nét để tạo các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật hoặc trang trí làm đẹp cho các đồ dùng, đồ vật theo ý thích.

2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo sản phẩm và thảo luận

2.2.1. GV hướng dẫn HS tìm hiểu cách thực hành

– Lặp lại đối xứng (tr.25):

+ GV hướng dẫn HS quan sát hình minh hoạ và tìm hiểu, giới thiệu cách tạo sự lặp lại đối xứng.

+ GV có thể giải thích rõ hơn biểu hiện của lặp lại đối xứng: Là sắp xếp chấm, nét giống nhau qua các trục ngang.

+ GV giới thiệu, thị phạm minh hoạ và giảng giải các bước, kết hợp tương tác với HS.

Bước 1: Kẻ/gấp giấy tạo các trục ngang, dọc, vẽ chấm hoặc nét ở một bên của trục.

Bước 2: Vẽ chấm hoặc nét ở bên đối diện của trục.

Bước 3: Vẽ thêm chi tiết/hình ảnh giống nhau theo ý thích ở hai bên trục để tạo sự lặp lại đối xứng.

– Lặp lại xen kẽ (tr.26):

+ GV hướng dẫn HS quan sát hình minh hoạ và tìm hiểu, giới thiệu chấm, nét lặp lại xen kẽ.

+ GV có thể giải thích rõ hơn biểu hiện của lặp lại xen kẽ: Là sắp xếp chấm, nét có hình thức khác nhau, đặt cạnh nhau nhiều lần.

Cánh Diều

+ GV giới thiệu, thị phạm minh hoạ (có thể mời HS tham gia) cách sắp xếp tạo chấm, nét lặp lại xen kẽ. Nếu có thể, GV ví dụ thêm một số cách sắp xếp chấm, nét lặp lại xen kẽ như: xen kẽ đơn lẻ, xen kẽ các chấm, nét,... giúp HS thấy được có thể sắp xếp lặp lại xen kẽ bằng nhiều cách. Hoặc có thể giới thiệu sắp xếp lặp lại tự do. Ví dụ:

Lặp lại tự do

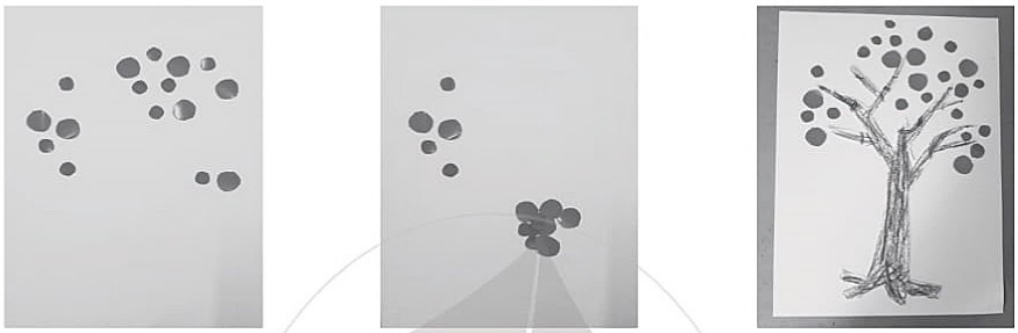

Bước 1 Bước 2 Bước 3

Lưu ý: Tuỳ vào khả năng của HS, GV có thể dừng lại ở bước 1, bước 2 để sắp xếp chấm, nét lặp lại theo các dạng: đối xứng, xen kẽ, tự do. Với những HS có khả năng và mong muốn thực hiện, GV hướng dẫn các em thực hiện bước 3.

2.2.2. Tổ chức HS tạo sản phẩm nhóm và gợi mở nội dung trao đổi, chia sẻ

– GV giao nhiệm vụ cho nhóm HS: Tạo hình khu vườn vui vẻ có hình ảnh, chi tiết thể hiện chấm, nét hoặc hình, màu lặp lại.

– GV hướng dẫn HS thảo luận:

+ Thống nhất lựa chọn hình ảnh thể hiện trong khu vườn của nhóm. Ví dụ: con vật biết bay/không biết bay, cây, hoa, lá, mây, trời, hàng rào, dòng sông, thuyền,...).

+ Phân công thành viên tạo hình ảnh/chi tiết cho sản phẩm (hoặc mỗi thành viên tự lựa chọn).

– GV hướng dẫn HS tạo sản phẩm cá nhân và trao đổi, thảo luận:

Bước 1: Vẽ hình ảnh bằng bút màu hoặc bút chì (GV có thể hướng dẫn HS vận dụng đồ dùng, vật liệu sẵn có để vẽ tạo hình ảnh như minh hoạ vẽ hình con cánh cam (tr.26).

Bước 2: Trang trí chấm, nét lặp lại xen kẽ hoặc đối xứng cho hình vẽ để tạo hình ảnh theo ý thích.

Bước 3: Cắt hoặc xé hình ảnh vừa vẽ và trang trí rời khỏi tờ/trang giấy để tạo sản phẩm cá nhân.

– GV có thể vận dụng hình ảnh giới thiệu trong Vở thực hành để gợi mở thêm ý tưởng thực hành cho HS.

GV lưu ý với HS:

+ Sau khi thực hiện bước 1, HS có thể cắt/xé hình ảnh rời khỏi tờ/trang giấy và thực hiện tiếp bước 2 để tạo sản phẩm cá nhân.

+ Kích thước sản phẩm của các cá nhân trong nhóm cần tương đối đồng đều.

+ Trong quá trình thực hiện, cần quan sát các bạn trong nhóm để có thể học hỏi hoặc góp ý, trao đổi, chia sẻ về nhiệm vụ, nội dung thể hiện phù hợp với ý tưởng của nhóm về khu vườn vui vẻ.

– GV hướng dẫn nhóm HS sắp xếp sản phẩm cá nhân để tạo sản phẩm nhóm và trao đổi, thảo luận:

+ Khuôn khổ giấy: Có thể sử dụng giấy tương đương khổ A3 hoặc A4 (GV nên thống nhất khổ giấy chung cho các nhóm).

+ GV giới thiệu cách sắp xếp. Ví dụ:

Cách 1: Dán mỗi sản phẩm cá nhân lên que tre/que tính hoặc cắt bìa giấy tương tự như que tre, que kem,..., dùng miếng xốp hoặc bìa giấy làm đế, sử dụng giấy có màu hoặc giấy báo, giấy một mặt,... làm phông/nền cho sản phẩm nhóm.

Cách 2: Tạo màu nền (màu đậm hoặc nhạt, màu theo ý thích) bằng màu sẵn có như: màu sáp, màu bút chì, màu bút dạ, màu goát và sắp xếp, dán các sản phẩm cá nhân tạo thành sản phẩm nhóm.

GV lưu ý HS: Có thể trang trí thêm chấm, nét cho nền bức tranh.

GV hướng dẫn nhóm HS thực hiện:

Bước 1: Thảo luận, thống nhất cách sắp xếp.

Bước 2: Sắp xếp nháp/thử (có thể) và thống nhất vị trí các hình ảnh trên khổ giấy.

Bước 3: Phân công thành viên dán hình ảnh trên khổ giấy và xây dựng nội dung giới thiệu.

GV gợi mở HS thảo luận: Các thành viên cùng quan sát, trao đổi và thống nhất có thể vẽ thêm hình ảnh hoặc trang trí thêm chấm, nét lặp lại trên sản phẩm nhóm.

Một số lưu ý đối với GV

– Quan sát các nhóm HS thực hiện để có thể nắm bắt ý tưởng và trao đổi, gợi mở hoặc hỗ trợ. Ví dụ: Vị trí đặt các hình ảnh trên khổ giấy (cao, thấp, trước, sau; màu đậm, màu nhạt của các hình ảnh;...); ý tưởng sử dụng sản phẩm để trưng bày/trang trí,...

– Sử dụng những thông tin thu được trong thực hành và kết hợp với các hoạt động học tập khác của HS để thực hiện đánh giá quá trình sát thực hơn.

2.3. Tổ chức HS trao đổi, chia sẻ cảm nhận và nhận xét về sản phẩm

– GV có thể hướng dẫn HS trưng bày như sau:

+ Sử dụng bục (bàn HS/GV) để trưng bày sản phẩm (đối với sắp xếp theo cách 1).

+ Sử dụng bảng, dây thép để treo bức tranh cắt dán (đối với sắp xếp theo cách 2).

– GV gợi ý HS chuẩn bị nội dung giới thiệu: tham khảo gợi ý trong SGK và có thể bổ sung thêm: tên sản phẩm, giới thiệu chi tiết/hình ảnh thích nhất ở sản phẩm,...

– GV có thể tổ chức HS quan sát toàn bộ và lần lượt các sản phẩm kết hợp đại diện (hoặc toàn nhóm) lên trình bày, giới thiệu về sản phẩm và chia sẻ cảm nhận về các sản phẩm trong lớp.

HOẠT ĐỘNG 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục *Vận dụng*

– GV tổ chức HS quan sát hình ảnh minh hoạ (tr.27) và gợi mở HS nhận ra: có thể tạo sản phẩm và trang trí lặp lại bằng chất liệu khác như: đất nặn, màu dạ,...

– GV có thể tham khảo gợi ý tổ chức DH mục này ở *Phần hai, Hoạt động 3 (tr.36, 37)* của SGV để vận dụng DH phù hợp với điều kiện thực tiễn.

HOẠT ĐỘNG 4. Tổng kết bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV tóm tắt nội dung chính của bài học: nhận xét kết quả học tập (chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,...), GV tổng kết, đánh giá ý thức, kĩ năng, sản phẩm, ý tưởng sáng tạo, giao tiếp, hợp tác nhóm, trao đổi, chia sẻ,... của HS và liên hệ bồi dưỡng phẩm chất, bảo đảm an toàn trong sử dụng công cụ,...

– GV nhắc HS: Xem trước Bài 6 và chuẩn bị đồ dùng, công cụ theo hướng dẫn ở mục *Chuẩn bị*. GV có thể nhắc HS chuẩn bị thêm đồ dùng, vật liệu, hoạ phẩm,... phù hợp với ý tưởng DH của bản thân về nội dung Bài 6.

Cánh Diều

+ Nếu điều kiện cho phép, GV có thể chuẩn bị và hướng dẫn HS chuẩn bị bìa giấy khổ A4 bán sẵn trên thị trường (để gấp tạo hình khối làm hộp bút đẹp hơn so với giấy thường).

+ Đối với vật liệu dạng khối, GV có thể hướng dẫn HS sưu tầm, chuẩn bị vỏ lon sữa đã rửa sạch, lõi giấy vệ sinh, vỏ hộp giấy dạng khối chữ nhật kích thước cao khoảng 7 – 10 cm, rộng mỗi mặt thân khoảng 4 – 6 cm.

Bài 6. HỘP BÚT THÂN QUEN

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật như sau:

– Nhận biết được đặc điểm của hộp bút và các chấm, nét trang trí lặp lại trên sản phẩm. Nêu được một số cách tạo sản phẩm hộp bút từ vật liệu sẵn có và trang trí chấm, nét, màu sắc lặp lại.

– Tạo được hộp bút và sử dụng chấm, nét lặp lại để trang trí theo ý thích. Biết sử dụng công cụ an toàn và trao đổi, chia sẻ với bạn trong thực hành, sáng tạo sản phẩm.

– Trưng bày, giới thiệu, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm; bước đầu thấy được vẻ đẹp của sản phẩm được trang trí bằng chấm, nét lặp lại và ứng dụng của sản phẩm vào học tập, làm đẹp cuộc sống.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS năng lực chung và một số năng lực đặc thù phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần hình thành, phát triển năng lực tính toán, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo được biểu hiện như: *vận dụng hiểu biết về đơn vị đo độ dài để ước lượng, xác định kích thước khổ giấy phù hợp với kích thước của vật liệu dạng khối làm hộp bút; hoặc kích thước chiều cao, bề rộng/sâu của hộp bút làm từ giấy bìa.*

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số phẩm chất chủ yếu như: trung thực, trách nhiệm,... phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một*

của SGV; trong đó, góp phần rèn luyện đức tính kiên trì, ý thức tôn trọng, được biểu hiện như: *khéo léo thực hiện một số thao tác thực hành tạo sản phẩm và trang trí*; *tôn trọng ý tưởng sáng tạo, cách sử dụng sản phẩm phục vụ đời sống của bạn và người khác.*

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK, Vở thực hành; vật liệu dạng khối, bìa giấy, hồ dán, màu vẽ, kéo, giấy màu,... (và có thể hướng dẫn HS chuẩn bị như gợi ý ở Hoạt động 4, Bài 6).

2. Giáo viên: SGK, SGV, Vở thực hành, giấy màu, màu vẽ, bìa giấy, kéo, hồ dán,...; hình ảnh minh hoạ (hoặc sản phẩm nguyên mẫu) liên quan nội dung bài học; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nếu có).

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, vấn đáp, trò chơi, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề, liên hệ thực tiễn,...

2. Kĩ thuật dạy học: Động não, tia chớp, bể cá,...

3. Hình thức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG 1. Ổn định lớp, khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS bằng cách:

– Kiểm tra sĩ số HS; gợi mở HS chia sẻ sự chuẩn bị bài học.

– Tổ chức hoạt động khởi động, giới thiệu bài. Ví dụ:

Cách 1: Tổ chức trò chơi "Chấm và nét"

* Nội dung: Sắp xếp chấm, nét lặp lại xen kẽ, đối xứng.

Chuẩn bị:

– Nam châm có màu sắc, kích thước khác nhau (Số lượng nam châm đủ để các nhóm sắp xếp tạo chấm, nét lặp lại đối xứng, xen kẽ).

– Bảng học nhóm (hoặc giấy A4, A3,...).

– Thẻ bốc thăm: 3 thẻ (hoặc số lượng tuỳ thích), mỗi thẻ ghi hình thức sắp xếp trang trí. Ví dụ:

+ Thẻ số 1: Lặp lại xen kẽ, đối xứng của chấm.

+ Thẻ số 2: Lặp lại xen kẽ của chấm và nét.

+ Thẻ số 3: Lặp lại đối xứng của nét.

Cách chơi:

– Đại diện nhóm bốc thăm thẻ, nhận nam châm, bảng.

– Nhóm thảo luận: Thống nhất hướng thực hiện theo yêu cầu trong thẻ.

– Thực hiện sắp xếp chấm, nét: Có thể vận dụng hình thức "tiếp sức".

Đánh giá kết quả và giới thiệu bài học: Dựa trên yêu cầu trong thẻ, thời gian hoàn thành, mức độ tương tác của các thành viên kết hợp ôn Bài 5 và giới thiệu bài học.

Cách 2: Vận dụng hình thức trắc nghiệm: "Nối đáp án đúng".

* Nội dung: Xác định cách sắp xếp lặp lại của chấm, nét trên mỗi hình ảnh trực quan.

– Chuẩn bị: Hình ảnh trực quan là một số hình lọ hoa (cắt, dán giấy hoặc vẽ, số lượng hình lọ hoa có thể nhiều hoặc ít). Trên mỗi lọ hoa có thể trang trí như sau:

+ Hình lọ hoa số 1: Trang trí chấm lặp lại xen kẽ, đối xứng.

+ Hình lọ hoa số 2: Trang trí nét lặp lại xen kẽ, đối xứng.

+ Hình lọ hoa số 3: Trang trí chấm, nét lặp lại xen kẽ và đối xứng.

+ Hình lọ hoa số...

+ Giấy A4 (hoặc A3): Trên giấy ghi hình thức sắp xếp chấm, nét tương ứng với mỗi lọ hoa và hình thức trang trí khác và thứ tự các lọ hoa (số thứ tự lọ hoa và hình thức sắp xếp trang trí trên lọ hoa cần có phương án nhiễu để khích lệ HS suy nghĩ, lựa chọn đáp án phù hợp).

– Tổ chức HS thực hiện:

+ GV dán trên bảng hình các lọ hoa đã chuẩn bị.

+ GV phát cho các nhóm tờ giấy A4 hoặc A3 đã chuẩn bị, gồm thứ tự các lọ hoa và hình thức sắp xếp tương ứng với cách trang trí trên mỗi lọ hoa; trong đó cần bổ sung hình thức sắp các khác phương án nhiễu.

+ GV giao nhiệm vụ cho các nhóm HS: Nối số thứ tự lọ hoa phù hợp với hình thức trang trí sắp xếp chấm, nét trên lọ hoa.

Cánh Diều

– Đánh giá kết quả: Thời gian hoàn thành, yêu cầu nêu trong thẻ. Sử dụng kết quả: Ôn nội dung Bài 5 và giới thiệu nội dung bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

2.1. Tổ chức HS quan sát, nhận biết

2.1.1. Sử dụng hình ảnh (tr.28)

– GV hướng dẫn HS quan sát và giao nhiệm vụ: Thảo luận, trả lời câu hỏi trong SGK.

– GV có thể gợi ý rõ hơn: Ở mỗi hình hộp bút, chấm, nét được sắp xếp lặp lại xen kẽ hay đối xứng? Hoặc có thể gợi nhắc lại biểu hiện của tính chất lặp lại xen kẽ, lặp lại đối xứng ở Bài 5.

– GV phân tích rõ hơn sự lặp lại của chấm, nét ở mỗi hình ảnh (nên tương tác với HS).

2.1.2. Sử dụng hình ảnh sưu tầm hoặc vật thật (nên có)

– GV gợi mở HS nhận ra chấm, nét lặp lại đối xứng, xen kẽ (có thể gợi mở thêm hình, màu) trên sản phẩm và giảng giải.

– Liên hệ thực tế: GV có thể gợi mở HS quan sát lớp học, chỉ ra những chi tiết/ hình ảnh hoặc đồ dùng, đồ vật,... được trang trí chấm, nét lặp lại xen kẽ, đối xứng.

Kết thúc Hoạt động 2.1, GV gợi nhắc (có thể kết hợp hình ảnh trực quan).

Có thể sắp xếp chấm, nét lặp lại đối xứng, xen kẽ để trang trí, làm đẹp thêm cho hộp bút.

2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo sản phẩm và thảo luận

2.2.1. Hướng dẫn cách tạo hộp bút và trang trí chấm, nét lặp lại (tr.29, 30)

– Sử dụng hình minh hoạ (tr.29): Tạo hộp bút từ vật liệu dạng khối và trang trí chấm, nét lặp lại:

+ GV hướng dẫn HS quan sát và thảo luận, trả lời câu hỏi trong SGK.

+ GV có thể gợi ý rõ hơn: Nêu cách tạo hộp bút từ vật liệu dạng khối trụ, khối chữ nhật và cách tạo chấm, nét, hình trang trí; chỉ ra chi tiết/hình trang trí xen kẽ, đối xứng trên sản phẩm.

+ GV nhận xét câu trả lời của HS; kết hợp giải thích, gợi mở, hướng dẫn hoặc thị phạm minh hoạ. (GV có thể minh hoạ toàn bộ các bước tạo sản phẩm hai hộp bút xuất hiện trong SGK hoặc một số thao tác cụ thể). Ví dụ:

Chuẩn bị: Chọn vật liệu (hình khối trụ hoặc khối lập phương, khối chữ nhật,...) và màu giấy (màu vàng, đỏ, trắng,...) làm nền để vẽ/cắt tạo chấm, nét, hình trang trí theo ý thích; công cụ (bút chì, thước kẻ, màu vẽ).

GV lưu ý HS: Giấy làm nền và giấy sử dụng để cắt chấm, nét,... hoặc màu để vẽ tạo chấm, nét, hình,... nên có đậm, nhạt khác nhau.

Bước 1: Xác định kích thước của khổ giấy cần dán bao quanh vật liệu: chiều rộng tương đương chiều cao của vật liệu; chiều dài tương đương kích thước bao xung quanh thân vật liệu.

Bước 2: Dùng kéo cắt khổ giấy vừa xác định.

Bước 3: Vẽ hoặc cắt tạo các chấm, nét, hình để sắp xếp trang trí lặp lại hoặc xen kẽ theo ý thích.

Lưu ý: Có thể thay đổi thứ tự thực hiện giữa bước 2 và bước 3.

– Sử dụng hình minh hoạ (tr.30): Tạo hộp bút từ bìa giấy và trang trí chấm, nét lặp lại. GV có thể hướng dẫn:

Chuẩn bị: Giấy bìa màu trắng hoặc giấy có sẵn màu (có thể tận dụng giấy bìa một mặt) và thực hiện các bước minh hoạ trong SGK:

Bước 1: Xác định kích thước của hộp bút.

+ Chiều rộng (bề ngang) của mỗi mặt khối hộp: Khoảng 4 – 5 cm hoặc rộng hơn (nếu thích). Dùng bút chì kẻ phân chia các mặt này.

Lưu ý: Ngoài 4 mặt thân của khối hộp, cần xác định thêm một phần tương tự như mặt thân của khối hộp để dán, kích thước phần này nên hẹp hơn chiều rộng của mỗi mặt khối hộp. Dùng bút chì kẻ phân chia phần này.

+ Chiều cao: Khoảng 6 – 7 cm, hoặc cao hơn, nhưng cần phù hợp với độ dài của đồ dùng học tập cần để vào hộp như: bút chì, bút màu, thước kẻ, hồ dán,...

+ Đáy hộp: Tăng kích thước chiều cao mỗi mặt thân của khối hộp thêm 2 – 3 cm. Dùng bút chì kẻ phân chia phần này.

Sau khi xác định kích thước như trên, GV hướng dẫn HS dùng kéo cắt một số chi tiết như hình (Bước 1) trong SGK.

Lưu ý: Để gấp tạo hình hộp bút dễ và đẹp hơn, GV cần hướng dẫn HS sử dụng thước kẻ (hoặc đồ dùng bằng nhựa, gỗ,... có độ cứng) và thực hiện thao tác kẻ lại nét bút (nên ấn mạnh tay một chút), làm cho đường kẻ bút chì sắc nét hơn:

Bước 2: Gấp theo đường kẻ và dán tạo khối hộp.

Bước 3: Có thể cắt, tạo kiểu dáng hộp bút theo ý thích. Tham khảo hình minh hoạ và trong SGK và bên cạnh.

Bước 4: Trang trí chấm, nét lặp lại xen kẽ hoặc đối xứng theo ý thích.

– Vận dụng hình ảnh trong Vở thực hành và hình ảnh/vật thật sưu tầm (nếu có): GV giúp HS nhận ra có thể tạo hình hộp bút và trang trí chấm, nét lặp lại bằng nhiều cách; có thể kết hợp gợi mở HS chia sẻ ý tưởng tạo sản phẩm (lựa chọn vật liệu, cách tạo sản phẩm, sắp xếp chấm, nét trang trí lặp lại,...).

2.2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo và tập thảo luận, trao đổi

– HS thực hành tạo sản phẩm cá nhân: GV hướng dẫn HS:

+ Tham khảo, vận dụng cách tạo hộp bút minh hoạ trong SGK và trang trí lặp lại của chấm, nét theo ý thích.

+ Tham khảo hình ảnh một số sản phẩm (tr.31), hình ảnh giới thiệu trong Vở thực hành và liên hệ với những sản phẩm đã biết và cách trang trí trên sản phẩm.

Một số lưu ý đối với GV:

– Quan sát, nắm bắt được mức độ HS thực hành, để có thể đưa ra gợi mở, thị phạm hướng dẫn, hoặc hỗ trợ HS kịp thời ở mỗi bước hoặc thao tác cụ thể như: xác định kích thước giấy phù hợp với vật liệu; tạo hộp bút từ giấy bìa và kiểu dáng; xác định hình thức trang trí đối xứng, xen kẽ; sử dụng giấy, màu vẽ để tạo chấm, nét,... có đậm, nhạt và giữ vệ sinh quần áo, bàn ghế, lớp học,...

– Tuỳ vào thực tế sản phẩm đang thực hành của HS, GV có thể nêu vấn đề, trao đổi với HS và gợi mở, khích lệ HS sáng tạo, chia sẻ ý tưởng, bày tỏ cảm xúc,... Ví dụ:

+ Các chấm, nét hoặc hình, màu được lặp lại đối xứng hay xen kẽ?

+ Trên sản phẩm, màu nào đậm, màu nào nhạt?

– GV nhắc HS quan sát các bạn trong nhóm để có thể học tập hoặc góp ý, đặt câu hỏi, nêu ý kiến, chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận,... với bạn.

– GV sử dụng những thông tin thu được trong thực hành và kết hợp với các hoạt động học tập khác của HS để thực hiện đánh giá quá trình sát thực hơn.

– HS thảo luận và chia sẻ trong thực hành: GV có thể gợi ý một số nội dung sau:

+ Quan sát các bạn thực hành, có thể học tập được điều gì từ bạn.

+ Trao đổi, nêu câu hỏi và chia sẻ với bạn. Ví dụ: Chọn hình dạng vật liệu, màu sắc, cách thực hành, cách sắp xếp lặp lại; màu đậm, màu nhạt; đặc điểm hình khối của vật liệu/hộp bút; bày tỏ cảm xúc: thích/chưa thích về sản phẩm hoặc chi tiết trên sản phẩm của bạn, của mình; ý tưởng sử dụng sản phẩm (cho/tặng, đặt ở góc học tập,...).

– GV có thể tổ chức HS tạo sản phẩm nhóm: Tạo hộp bút hoặc hộp để sách, đồ dùng học tập chung của nhóm,... và trang trí theo ý thích.

2.3. Tổ chức HS trưng bày sản phẩm và trao đổi, nhận xét, chia sẻ cảm nhận

– GV tổ chức HS trưng bày sản phẩm: GV có thể hướng dẫn HS trưng bày theo nhóm hoặc theo kiểu dáng, hình thức thực hành,... hoặc cách sắp xếp chấm, nét lặp lại.

– GV tổ chức HS nhận xét, chia sẻ cảm nhận, dựa trên một số gợi ý sau:

+ Đối chiếu với mục tiêu bài học, kết hợp tham khảo gợi ý trong SGK.

+ Quá trình thực hành, thảo luận và sản phẩm cụ thể của HS.

+ Gợi mở HS liên hệ vận dụng sản phẩm.

– GV nhận xét, đánh giá: Kết hợp nội dung chia sẻ nhận xét của HS với quá trình học tập, kết quả thực hành của cá nhân/nhóm/toàn lớp.

Cánh Diều

HOẠT ĐỘNG 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục *Vận dụng*

– GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh được giới thiệu trong SGK (tr.31) và hình ảnh sưu tầm (nếu có). Gợi mở HS nhận ra: Có thể tạo sản phẩm dạng khối và trang trí chấm, nét lặp lại để làm đồ dùng hữu ích trong đời sống như: chậu cây, lọ cắm hoa,...

– GV có thể tham khảo gợi ý tổ chức DH mục này ở *Phần hai*, Hoạt động 3 (tr.36, 37) của SGV để vận dụng DH phù hợp với điều kiện thực tiễn.

HOẠT ĐỘNG 4. Tổng kết bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV tóm tắt nội dung chính của bài học; nhận xét kết quả học tập (chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,...; mức độ tham gia các hoạt động học tập; ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo quản sản phẩm, công cụ, đồ dùng;...).

– GV nhắc HS: Xem trước Bài 7 và chuẩn bị đồ dùng, công cụ theo hướng dẫn ở mục *Chuẩn bị*. GV có thể nhắc HS chuẩn bị thêm đồ dùng, vật liệu, hoạ phẩm,... phù hợp với ý tưởng DH của bản thân về nội dung Bài 7 và điều kiện sẵn có. Ví dụ:

+ Lá cây: Nên chọn lá có các đường gân nổi rõ như: lá bàng, lá ban,...

+ Quả: Nên chọn loại quả có nhiều khía/múi hoặc chi tiết phân chia giữa các khía/múi rõ ràng, như: quả khế, quả su su,...

+ Rau: Nên chọn cây rau có gốc nhiều lớp lá và lá dày như: cải chíp, cần tây,...

+ Trong một số mùa, chỉ có những loại rau, củ, quả,... nhất định. Đối với một số loại rau, quả (rau cải, khế, su su,...) sử dụng làm khuôn in cho HS thực hành: GV nên chuẩn bị trước hoặc cắt giúp HS.

Cánh Diều

Chủ đề 4. VUI HỌC VỚI TRANH IN

Nội dung chủ đề tập trung cụ thể hoá một số yêu cầu cần đạt quy định trong Chương trình Mĩ thuật lớp 2, cụ thể như sau:

– Sử dụng được công cụ phù hợp với vật liệu sẵn có trong thực hành, sáng tạo.

– Thể hiện được sự hiểu biết ban đầu về bản in trong thực hành, sáng tạo.

– Kết hợp củng cố, luyện tập một số nội dung đã học như: màu cơ bản, màu đậm, màu nhạt, chấm, nét lặp lại.

Bài 7. LÀM QUEN VỚI TRANH IN

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật như sau:

– Nhận biết được cách tạo sản phẩm tranh in bằng vật liệu sẵn có và cách in đơn giản. Bước đầu làm quen và tìm hiểu vẻ đẹp của tranh dân gian Đông Hồ, tác phẩm mĩ thuật sáng tạo bằng hình thức in.

– Bước đầu biết sử dụng vật liệu sẵn có để làm khuôn in và vận dụng được cách in đơn giản để sáng tạo sản phẩm theo ý thích. Biết trao đổi, chia sẻ trong thực hành, sáng tạo.

– Trưng bày, giới thiệu, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS năng lực chung và một số năng lực đặc thù phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần hình thành, phát triển năng lực tự học, năng lực tính toán, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, được biểu hiện như: *biết chuẩn bị vật liệu để thực hành; biết làm khuôn in để in tạo sản phẩm; biết xác định vị trí đặt khuôn in phù hợp với trang giấy/Vở thực hành.*

Cánh Diều

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số phẩm chất chủ yếu như: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm,... phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của sách; trong đó góp phần bồi dưỡng, hình thành ở HS đức tính kiên trì, ý thức tôn trọng được biểu hiện như: *thực hiện được thao tác in để có sản phẩm theo ý thích; tôn trọng sự lựa chọn vật liệu, cách tạo hình khuôn in và sản phẩm của bạn.*

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK, Vở thực hành, giấy, màu vẽ, bút chì, tẩy chì, kéo và một số loại vật liệu theo ý tưởng DH của GV như: lõi giấy vệ sinh, lá cây, quả khế, quả su su,...

2. Giáo viên: SGK, SGV, Vở thực hành, giấy, bút chì, màu vẽ, khuôn in, hình ảnh minh hoạ, máy tính, máy chiếu (nếu có); một số tranh dân gian Việt Nam.

– GV có thể sưu tầm: hình ảnh minh hoạ các bước vẽ, khắc, in làm tranh dân gian và vật liệu sẵn có ở địa phương để làm khuôn in; các loại củ, quả, gốc cây rau cải, cần tây, lá cây; lõi giấy vệ sinh, tăm bông; các vật dụng có bề mặt sần, đồ mây tre đan...

– Một số chuẩn bị khác, GV có thể tham khảo gợi ý ở Hoạt động 4, Bài 6.

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kĩ thuật dạy học: Đặt câu hỏi, động não, tia chớp.

3. Hình thức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG 1. Ổn định lớp, khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS bằng cách:

– Kiểm tra sĩ số HS; gợi mở HS chia sẻ sự chuẩn bị bài học.

– Tổ chức hoạt động khởi động, giới thiệu bài. Ví dụ:

Cách 1: GV gợi mở HS nêu/kể/giới thiệu một số hình thức đã được thực hành để sáng tạo bức tranh 2D. Trên cơ sở những chia sẻ của HS, GV giới thiệu rõ hơn

các bước thực hành của những hình thức được nêu, kích thích HS tìm hiểu nội dung bài học.

Cách 2: GV tổ chức HS hoạt động nhóm thông qua trò chơi "Tiếp sức". GV chuẩn bị một số bài tập của HS hoặc ảnh chụp sản phẩm mĩ thuật thuộc các thể loại 2D, 3D. Yêu cầu HS phân loại mỗi sản phẩm vào cột được quy định sẵn (vẽ, xé/cắt dán, in, nặn).

– Nhiệm vụ: Mỗi HS trong nhóm phân loại một số hình thức đã được thực hành bức tranh 2D vào từng cột.

– Kết quả: Sản phẩm của mỗi nhóm bao gồm số lượng sản phẩm được xếp đúng vào từng cột.

– Đánh giá kết quả: Dựa trên các sản phẩm và khả năng quan sát, phối hợp giữa các thành viên trong nhóm.

– GV dựa trên sản phẩm của các nhóm và gợi mở HS nhận ra sự khác nhau hình thức thể hiện liên hệ vào bài học. GV giới thiệu hình thức tạo hình 2D mới – *Tranh in*.

HOẠT ĐỘNG 2. Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

2.1. Tổ chức HS quan sát, nhận biết

– Sử dụng hình ảnh trực quan (tr.33) (Chăn trâu thổi sáo).

+ GV hướng dẫn HS quan sát và trả lời câu hỏi trong SGK.

+ GV có thể gợi ý rõ hơn: Giới thiệu chi tiết, hình ảnh có ở mỗi hình trực quan.

+ GV nhận xét câu trả lời của HS, kết hợp giới thiệu bản khắc và bức tranh "Chăn trâu thổi sáo"; giúp HS nhận biết khuôn in/bản khắc và hình được in ra:

Khuôn in/bản khắc gỗ: Làm từ gỗ mềm và vẽ hình cần thể hiện trên bề mặt, dùng một số công cụ như: dao, đục,... trổ, đục bỏ các phần không in trên bề mặt gỗ (để lại phần hình ảnh muốn in).

Hình được in ra/bức tranh: Sau khi trổ, đục bỏ phần không in trên mặt gỗ, vẽ màu vào phần hình còn lại và úp bản khắc/khuôn in trên mặt giấy để in, hình vẽ sẽ thể hiện trên giấy và tạo bức tranh in.

+ GV có thể giới thiệu hình ảnh sưu tầm minh hoạ thực hiện thao tác vẽ, khắc, in trong làm tranh dân gian Đông Hồ; kết hợp minh hoạ, giải thích hình ảnh in ngược so với bản khắc bằng vật liệu làm khuôn in có hình đơn giản.

+ GV có thể (nên) giới thiệu thêm một số tranh dân gian Đông Hồ hoặc dòng tranh khác; nếu có thể, cung cấp cho HS bản khắc và tranh đã in, giúp HS bước đầu

nhận biết đặc điểm của tranh khắc gỗ như: Nét bao quanh hình, hình vẽ rõ ràng, mảng màu phẳng. Tranh khắc gỗ là thể loại tranh được tạo ra, gián tiếp qua thao tác in.

– Sử dụng hình ảnh vật liệu sẵn có làm khuôn in đơn giản (tr.34).

+ GV hướng dẫn HS quan sát và trả lời câu hỏi trong SGK.

+ GV liên hệ nội dung giới thiệu ở trên và thị phạm minh hoạ để giúp HS hiểu rõ hơn cách tạo khuôn in và in để tạo sản phẩm.

– GV có thể giới thiệu hình ảnh (hoặc vật thật) về một số loại rau, củ, quả, lá cây, đồ dùng,... có thể làm khuôn in. Ví dụ: Các loại củ, quả có cạnh, múi; gốc các loại rau cải; các loại vỏ hộp giấy, lõi giấy vệ sinh; gân lá, đồng xu, đồ mây tre đan,... để giúp HS thấy được khuôn in đơn giản có thể sử dụng từ nhiều vật liệu, đồ dùng khác nhau.

– GV giới thiệu bức tranh khắc gỗ "Mùa xuân" của hoạ sĩ Nguyễn Thụ (tr.34).

+ GV có thể gợi mở HS: Giới thiệu hình ảnh nhìn thấy rõ nhất trong tranh và một số chi tiết khác.

+ GV tóm lược ý kiến của HS và giới thiệu rõ hơn: Hoạ sĩ Nguyễn Thụ sinh năm 1930, ông nguyên là hiệu trưởng Trường Đại học Mĩ thuật Việt Nam từ năm 1985 đến năm 1994. Ông là một tác giả lớn của nền mĩ thuật Việt Nam. Ông sáng tác tác phẩm mĩ thuật bằng các chất liệu chính là lụa và khắc gỗ. Ông có tình yêu sâu sắc với cảnh vật và con người vùng núi Tây Bắc. Đặc biệt, đồng bào dân tộc Tày, Nùng, Thái luôn là đề tài trong tranh của ông. Bức tranh "Mùa xuân" được ông sáng tác năm 1961. Trong tranh, ông gợi ra khung cảnh mùa xuân với hình ảnh cây mận nở hoa trắng. Một cuộc sống thật thanh bình, hai mẹ con người dân tộc Tày đang ngồi trước hiên nhà.

Có thể sử dụng khuôn in để in tạo sản phẩm, tác phẩm tranh in.

2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo sản phẩm và thảo luận

2.2.1. GV hướng dẫn HS tìm hiểu cách thực hành

– Sử dụng hình ảnh: Tạo khuôn in bằng lõi giấy vệ sinh và cách in (tr.35):

+ GV hướng dẫn HS quan sát và nêu cách thực hành theo cảm nhận.

+ GV nhận xét trả lời của HS và hướng dẫn, thị phạm minh hoạ dựa trên hình ảnh trong SGK và tương tác với HS:

– Cách tạo khuôn in:

Bước 1: Vẽ nét tạo hình bằng bút chì trên lõi giấy vệ sinh.

Bước 2: Dùng kéo cắt theo nét bút chì để lược phần bỏ đi.

Bước 3: Bẻ ngang phần còn lại sau khi cắt, tạo khuôn in giống hình bông hoa 4 cánh (GV có thể gợi mở HS hoặc thị phạm, giới thiệu khuôn in hình ngôi sao 5 cánh, cạnh tròn, cạnh vuông, hoa 6 cánh,... theo ý thích).

– Cách in:

Bước 1: Dùng bút lông vẽ màu goát (hoặc màu nước) lên hình khuôn in vừa tạo được. GV nhắc HS màu để in không được quá loãng, vẽ màu đều khắp bề mặt khuôn in.

Bước 2: Úp phần khuôn in vừa vẽ màu lên mặt giấy (hoặc vải, bìa,...), nhấc khuôn in ra khỏi giấy và sản phẩm tranh in đã tạo được theo ý thích.

GV nhắc HS khi in, nên giữ và ấn nhẹ khuôn in trên giấy vài giây để hình sau khi in được rõ ràng và đều màu trên mặt giấy.

– Sử dụng quả làm khuôn in, in tạo sản phẩm (tr.35):

+ GV hướng dẫn HS quan sát và giới thiệu cách tạo sản phẩm theo cảm nhận.

+ GV nhận xét trả lời của HS và giới thiệu rõ hơn, có thể kết hợp tương tác với HS: Tạo khuôn in từ các loại củ, quả: dùng dao cắt ngang sẽ tạo được khuôn in. Tuỳ vị trí cắt trên rau, củ quả mà khuôn in có kích thước khác nhau (GV có thể minh hoạ hoặc giới thiệu mẫu cụ thể đã chuẩn bị). Cách sử dụng màu và cách in tương tự như thực hành với lõi giấy vệ sinh và hình minh hoạ trong SGK.

Lưu ý: GV nên cắt rau, củ, quả giúp HS.

– Sử dụng hình ảnh minh hoạ in lá cây (tr.36):

+ GV hướng dẫn HS quan sát và giới thiệu cách thực hành theo cảm nhận.

+ GV nhận xét trả lời của HS và hướng dẫn, thị phạm minh hoạ kết hợp tương tác với HS:

Chuẩn bị dụng cụ gồm lá cây, màu sáp, giấy (không nên dùng giấy dày).

Bước 1: Đặt lá trên mặt bàn/bảng, dùng mặt trái lên phía trên, đặt giấy lên trên lá. Tay trái giữ chặt giấy, tay phải dùng bút sáp chà đều theo hình lá và khắp bề mặt lá, nên ấn hơi mạnh tay để màu sau khi in trên mặt giấy rõ hơn.

Bước 2: Bỏ lá phía dưới giấy ra và sản phẩm tranh in tạo từ lá cây đã hoàn thành.

Kết thúc phần hướng dẫn: GV tóm tắt (có thể kết hợp hình ảnh trực quan) và gợi mở HS chia sẻ ý tưởng thực hành.

2.2.2. Tổ chức HS thực hành và gợi mở nội dung trao đổi, thảo luận

– GV có thể vận dụng, lựa chọn hướng tổ chức HS thực hành như sau:

+ Tổ chức HS trải nghiệm các hình thức in được giới thiệu trong SGK và hướng dẫn của GV.

+ Tổ chức HS chọn một hình thức hoặc kết hợp các hình thức để tạo sản phẩm cá nhân.

+ Tổ chức HS tạo sản phẩm nhóm bằng một hình thức in hoặc kết hợp các hình thức in.

– GV gợi mở HS trao đổi, thảo luận trong thực hành.

– GV dựa trên hướng tổ chức để gợi mở HS nội dung trao đổi. Ví dụ:

+ HS tạo sản phẩm cá nhân: Kết hợp thực hành với quan sát, học hỏi và trao đổi với bạn. Ví dụ nội dung trao đổi: lựa chọn vật liệu, hình thức và loại màu để in, số lượng hình in nhiều hay ít, màu cơ bản hay màu khác,...

+ HS tạo sản phẩm nhóm (nên tổ chức HS in trên kích thước giấy tương đương khổ A3): thảo luận và thống nhất lựa chọn vật liệu, hình thức, màu sắc; chọn hình lá cây hoặc phân công thành viên tạo khuôn in, thành viên thực hiện thao tác vẽ màu lên khuôn in, thành viên thực hiện thao tác in,...

GV gợi mở HS: Nếu kết hợp in chà màu sáp với in màu goát/màu nước thì nên chà trước, sau đó in màu lên chỗ giấy trống hoặc có thể in chồng lên một phần hình đã chà. Ví dụ: hình minh hoạ sản phẩm (tr.36) và một số sản phẩm giới thiệu trong Vở thực hành.

Một số lưu ý đối với GV:

– GV quan sát HS thực hành để nắm được mức độ thực hiện các thao tác và có hướng dẫn, gợi mở, thị phạm minh hoạ kịp thời.

– GV khích lệ HS quan sát các bạn trong nhóm, trong lớp và tự đưa ra nhận xét/ý kiến, chia sẻ cảm nhận.

– GV sử dụng những thông tin thu được trong thực hành và kết hợp với các hoạt động học tập khác của HS để thực hiện đánh giá quá trình sát thực hơn.

2.3. Tổ chức HS trao đổi, chia sẻ cảm nhận và nhận xét về sản phẩm

– GV tổ chức HS trưng bày: Tuỳ vào không gian lớp học, GV có thể sử dụng bảng hoặc đặt sản phẩm trên giá, treo trên dây thép ở quanh lớp học.

– GV tổ chức HS giới thiệu và chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm:

GV tổ chức HS quan sát toàn bộ và lần lượt các sản phẩm, gợi mở HS trao đổi, chia sẻ trong nhóm. Nội dung trao đổi, chia sẻ có thể tham khảo gợi ý trong SGK, kết hợp quá trình HS thực hành và sản phẩm cụ thể trong lớp. Ví dụ:

+ Em nhận ra cách in nào trên sản phẩm của bạn?

+ Em/nhóm em đã sử dụng vật liệu và loại màu gì để tạo sản phẩm?

+ Em thích sản phẩm của ai?

+ Sản phẩm của em có gì khác với sản phẩm của các bạn?

– Dựa trên sự trao đổi, chia sẻ của HS, GV đánh giá kết quả học tập; thực hành, kích thích HS nhớ lại quá trình thực hành tạo sản phẩm từ khuôn in bằng vật liệu và sử dụng hoạ phẩm sẵn có.

HOẠT ĐỘNG 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục *Vận dụng*

– GV tổ chức HS quan sát hình ảnh minh hoạ phần *Vận dụng* (tr.37) và gợi mở HS giới thiệu vật liệu, loại màu để tạo sản phẩm.

– GV có thể giới thiệu rõ hơn các hình như: chà xát bằng bút chì trên đồ dùng mây đan; sử dụng màu goát để in hình gốc cây rau cải, in hình lá.

– GV có thể tham khảo gợi ý tổ chức DH mục này ở *Phần hai, Hoạt động 3 (tr.36, 37)* của SGV để vận dụng DH phù hợp với điều kiện thực tiễn.

HOẠT ĐỘNG 4. Tổng kết bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

– Dựa trên sự chuẩn bị bài học, quá trình học tập và kết quả thực hành của HS; đồng thời đối chiếu với mục tiêu bài học,... GV tổng kết, đánh giá ý thức, kĩ năng in, sản phẩm, ý tưởng sáng tạo, khả năng giao tiếp, hợp tác nhóm, trao đổi, chia sẻ,... của HS và liên hệ bồi dưỡng phẩm chất, bảo đảm an toàn trong sử dụng công cụ,...

– GV nhắc HS: Xem trước Bài 8 và chuẩn bị đồ dùng, công cụ theo hướng dẫn ở mục *Chuẩn bị*. GV có thể nhắc HS chuẩn bị thêm đồ dùng, vật liệu, hoạ phẩm,... phù hợp với ý tưởng DH của bản thân về nội dung Bài 8.

Bài 8. HOA, QUẢ MÙA XUÂN

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật như sau:

– Nhận biết được đặc điểm về hình dạng, màu sắc của một số loại hoa, quả thường có vào mùa xuân; bước đầu làm quen, tìm hiểu tác phẩm tranh khắc gỗ của hoạ sĩ.

– Bước đầu sáng tạo được tranh in về hoa, quả mùa xuân từ vật liệu sẵn có và trao đổi, chia sẻ trong thực hành, sáng tạo.

– Trưng bày, giới thiệu, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm tranh in chủ đề hoa, quả mùa xuân; bước đầu thấy được có nhiều cách sử dụng rau, củ, quả để làm khuôn in và sáng tạo sản phẩm.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS năng lực chung và một số năng lực đặc thù phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần hình thành, phát triển năng lực tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, được biểu hiện như: *biết chuẩn bị vật liệu để thực hành; biết chọn vật liệu, màu sắc phù hợp với chủ đề trong thực hành tạo sản phẩm tranh in về hoa, quả mùa xuân.*

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số phẩm chất chủ yếu như: nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm,... với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần bồi dưỡng tính trung thực, tình yêu thiên nhiên, được biểu hiện như: *thẳng thắn nhận xét sản phẩm và bày tỏ cảm xúc về sản phẩm của mình, của bạn; yêu thích vẻ đẹp của hoa, quả trong thiên nhiên và sản phẩm sáng tạo.*

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK, Vở thực hành, giấy, màu vẽ và công cụ thực hành, bút chì, tẩy chì, vật liệu sẵn có để làm khuôn in,...

2. Giáo viên: SGK, SGV, Vở thực hành, giấy, bút chì, màu vẽ và công cụ thực hành, hình ảnh minh hoạ, máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nếu có).

– GV nên sưu tầm vật liệu sẵn có ở địa phương để làm khuôn in như: các loại củ, quả, gốc cây rau cải, cần tây, lá cây; các vật dụng có bề mặt sần,...

– Đối với một số loại rau, củ, quả,... cần dùng dao để cắt tạo khuôn in, GV có thể cắt và chuẩn bị giúp HS.

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề, liên hệ thực tế,...

2. Kĩ thuật dạy học: Đặt câu hỏi, động não, tia chớp, sơ đồ tư duy,...

3. Hình thức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG 1. Ổn định lớp, khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS bằng cách:

– Kiểm tra sĩ số HS; gợi mở HS chia sẻ sự chuẩn bị bài học.

– Tổ chức hoạt động khởi động, giới thiệu bài. Ví dụ:

+ *Cách 1:* Nghe bài hát "Sắc màu trái cây" (Nhạc sĩ: Hoài An), kích thích HS tìm hiểu hình dáng, đặc điểm các trái cây có trong bài hát, từ đó kết nối vào bài học.

+ *Cách 2:* GV tổ chức HS hoạt động nhóm thông qua trò chơi "Ai nhanh tay", thời gian khoảng 3 – 4 phút.

– Nhiệm vụ: Mỗi HS trong nhóm vẽ một số loại hoa, quả yêu thích.

– GV dựa trên sản phẩm của các nhóm và gợi mở HS nhận ra sự khác nhau về đặc điểm, màu sắc, của các loại hoa, quả, liên hệ vào bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

2.1. Tổ chức HS quan sát, nhận biết

– GV tổ chức HS quan sát hình ảnh trong SGK, yêu cầu HS thảo luận trả lời câu hỏi (tr.38). Dựa trên ý kiến trao đổi, chia sẻ của HS, GV có thể giới thiệu thêm:

+ Hình ảnh hoa mai: GV gợi ý giúp HS tìm hiểu về cấu tạo, màu sắc: Hoa mai là loài hoa thường nở vào mùa xuân ở miền Nam.

+ Tranh "Tĩnh vật" khắc gỗ của hoạ sĩ Phạm Văn Đôn: GV tổ chức HS quan sát tranh in khắc gỗ, gợi ý giúp HS hình dung ra các loại hoa, quả có trong mùa xuân được hoạ sĩ thể hiện bằng chất liệu khắc gỗ: chuối, đào, phật thủ, đu đủ, hoa đào,... Hoạ sĩ đã sáng tạo, kết hợp các loại quả để tạo thành bức tranh mang đậm tinh thần mùa xuân (khi vẽ tranh, có thể thay đổi màu sắc thực của các loại quả).

– GV có thể giới thiệu thêm sản phẩm, tác phẩm sáng tác bằng hình thức in về chủ đề hoa, quả mùa xuân của thiếu nhi/hoạ sĩ, giúp HS thấy được hoa, quả có nhiều hình dạng, màu sắc khác nhau ở sản phẩm, tác phẩm.

– Liên hệ thực tế: GV có thể sử dụng hình ảnh trực quan giới thiệu với HS một số loại hoa, quả ở địa phương, kết hợp tương tác với HS và gợi mở HS nêu/kể tên, đặc điểm về hình dáng, màu sắc của một số loại hoa, quả đặc trưng ở địa phương hoặc ở nơi khác mà HS biết.

– GV sử dụng câu hỏi gợi mở, nêu vấn đề,... để kích thích HS mong muốn thực hành sáng tạo bức tranh hoa, quả mùa xuân. Ví dụ: Em sẽ sáng tạo loại hoa, quả nào trên bức tranh?

– GV tóm tắt nội dung Hoạt động 2.1 (có thể sử dụng hình ảnh trực quan).

Hoa, quả mùa xuân có màu sắc rực rỡ và đa dạng; có thể sáng tạo bức tranh hoa, quả bằng cách in và màu sắc yêu thích.

2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo sản phẩm và thảo luận

2.2.1. Hướng dẫn HS tìm hiểu cách thực hành (tr.39)

GV gợi mở HS nhận ra cách tạo sản phẩm và thị phạm minh hoạ, kết hợp tương tác với HS:

– Sử dụng hình minh hoạ: In bằng củ, quả:

+ Chuẩn bị: Tạp dề, bút lông, palet, cốc nước, màu goát, giấy/Vở thực hành và khuôn in (tạo từ củ, quả theo ý thích). Đối với khuôn in, GV có thể/nên cho HS chọn loại củ, quả theo ý thích; đồng thời lưu ý HS cách chọn các loại củ, quả có hình dạng khác nhau như: dài, tròn, to, nhỏ,...; hướng dẫn, gợi mở HS chọn vị trí cắt để tạo khuôn in; để bảo đảm an toàn cho HS, GV nên cắt giúp HS.

Bước 1: Cắt tạo hình khuôn in.

Bước 2: Dùng bút lông vẽ màu lên khuôn in và in trên giấy.

Bước 3: Nhấc khuôn in ra khỏi bề mặt giấy, sản phẩm hoàn thành.

+ *GV lưu ý HS:* Sử dụng màu không loãng quá. Khi in, giữ chắc và ấn nhẹ khuôn in trên giấy vài giây để màu thấm đều xuống mặt giấy. Có thể vẽ thêm chi tiết (lá, cuống) nhằm nhấn rõ đặc điểm của các loại quả.

– In bằng vật liệu có bề mặt lồi/lõm:

Chuẩn bị: Tạp dề, màu goát, bút lông, palet, cốc nước, giấy/Vở thực hành, vật liệu có bề mặt lồi/lõm (như xốp hơi). Các bước thực hành dựa trên hình minh hoạ trong SGK:

Bước 1: Dùng bút lông quét màu lên phần nổi của miếng xốp.

GV gợi mở HS: Có thể nhúng miếng xốp hơi vào phần màu đã pha sẵn trên palet/khay/bát màu và nhắc HS màu pha không nên loãng quá.

Bước 2: Đặt hướng bề mặt có màu của miếng xốp hơi xuống mặt giấy/Vở thực hành; tay trái giữ chặt để miếng xốp không dịch chuyển, tay phải xoa nhẹ đều khắp bề mặt miếng xốp để hình sau khi in được rõ ràng, đều màu. Nhấc miếng xốp hơi ra khỏi mặt giấy/Vở thực hành.

Bước 3: Dùng bút chì vẽ hình thân quả dứa/thơm trên giấy/Vở thực hành vừa in và dùng kéo cắt.

Bước 4: Tạo thêm lá, cuống cho quả dứa bằng cách vẽ, xé/cắt và dán thân, lá, cuống trên nền giấy có sẵn màu hoặc giấy trắng. Sản phẩm in tạo hình quả dứa đã hoàn thành.

GV có thể gợi mở HS tạo hình củ/quả khác như: bắp ngô, bông lúa,...

– GV có thể giới thiệu thêm một số cách in khác:

Ví dụ: Dùng ngón tay để in (sản phẩm của Bùi Hồng Hạnh, tr.40).

Bước 1: Dùng miếng mút/xốp, thấm màu đã pha sẵn, ấn ngón tay vào miếng mút/xốp đã ngấm màu.

Bước 2: Ấn ngón tay có màu lên mặt giấy/Vở thực hành để tạo hình đầu ngón tay lên giấy/vở. Có thể in lại nhiều lần, bằng các màu khác nhau và sắp xếp tạo hình bông hoa, con vật, bông lúa, bắp ngô,...

Bước 3: Dùng bút chì, bút màu vẽ nét xung quanh hình vừa in và sản phẩm hoàn thành. Có thể vẽ hình trước, sau đó in ngón tay vào hình đã vẽ.

Cánh Diều

– GV gợi mở HS tham khảo thêm hình trong SGK (tr.40, 41) và hình được giới thiệu trong Vở thực hành, để giúp HS có thêm ý tưởng thực hành, sáng tạo.

2.2.2. Tổ chức HS thực hành và trao đổi, chia sẻ

– GV tổ chức HS tạo sản phẩm cá nhân:

+ GV giao nhiệm vụ cho HS: Chọn cách in theo ý thích để sáng tạo sản phẩm hoa, quả theo ý thích.

+ GV gợi mở HS: Có thể kết hợp in/chà với cắt/xé dán, vẽ, để tạo sản phẩm hoặc có thể in rồi cắt/xé các hình đã in, sắp xếp lại để tạo thành bức tranh theo ý thích.

– GV gợi mở HS trao đổi, chia sẻ trong thực hành:

Ví dụ: Bạn chọn cách in nào? Bạn in hình hoa, quả gì? Bạn vẽ màu của hoa quả bằng màu cơ bản nào?... Hoặc có thể giới thiệu, chia sẻ ý tưởng sáng tạo của mình với bạn.

Một số lưu ý đối với GV:

– Quan sát HS thực hành, hướng dẫn HS sử dụng khuôn in phù hợp, chọn màu để vẽ lên khuôn in, sử dụng màu an toàn, bảo đảm vệ sinh lớp học,... kết hợp trao đổi, nêu vấn đề, gợi mở hướng dẫn HS thực hành và hỗ trợ nếu cần thiết; khích lệ HS quan sát các bạn cùng bàn, trong lớp và tự đưa ra nhận xét/ý kiến. Ví dụ: Em thích cách in nào, dùng củ quả, bề mặt lồi/lõm? Em thích sản phẩm của bạn nào? Sản phẩm em vừa in có những loại hoa, quả gì?

– Dựa vào sự trao đổi của HS, GV tổng hợp và kích thích HS tiếp tục quan sát để nhận ra những điều thú vị từ sản phẩm thực hành của các bạn trong nhóm, trong lớp. Đồng thời, căn cứ trên thực tiễn hoạt động của HS, GV cần vận dụng tình huống có vấn đề để thử thách, gợi mở HS vượt qua trong thực hành, sáng tạo.

– Sử dụng những thông tin thu được trong thực hành và kết hợp với các hoạt động học tập khác của HS để thực hiện đánh giá quá trình sát thực hơn.

2.3. Tổ chức HS trưng bày, trao đổi, nhận xét và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm

– Tuỳ vào không gian lớp học, GV có thể tổ chức HS trưng bày sản phẩm. Ví dụ: Sử dụng bảng để dán, trưng bày bức tranh; sử dụng dây thép treo quanh lớp để trưng bày tranh.

– GV tổ chức HS quan sát toàn bộ và lần lượt các sản phẩm, gợi mở HS trao đổi, chia sẻ.

– Tuỳ vào khả năng cảm nhận và thời lượng dành cho nội dung hoạt động mà có thể định hướng HS trao đổi, chia sẻ dựa trên một số gợi ý (tr.40).

– Dựa trên sự trao đổi, chia sẻ của HS, GV đánh giá kết quả thực hành, kích thích HS nhớ lại quá trình thực hành tạo sản phẩm từ khuôn in và màu, đồng thời liên hệ với thực tiễn, gợi mở HS liên tưởng đến sáng tạo các hình ảnh khác với cách in đơn giản. Bằng hình thức khác và liên hệ nội dung vận dụng trong SGK (có thể sưu tầm thêm hình thức tạo hình khác/chất liệu, vật liệu khác).

HOẠT ĐỘNG 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục *Vận dụng*

– GV tổ chức HS quan sát hình ảnh minh hoạ và gợi mở HS nhận ra có thể tạo thêm sản phẩm bằng cách sử dụng vật liệu sẵn có như: rau, củ, quả, lõi giấy vệ sinh,... để làm khuôn in và in tạo sản phẩm có hình dạng, đường nét khác nhau.

– GV có thể giới thiệu thêm cách tạo khuôn in để in với mỗi sản phẩm như sau:

+ Tranh "Quả" của Thanh Huyền: kết hợp giữa in và vẽ, sau khi in quả, vẽ thêm lá bằng nét.

+ Tranh "In tranh" của Nguyễn Nam Sơn: Cắt tạo hình khuôn in pháo hoa từ lõi giấy vệ sinh, in trên giấy màu đen.

– GV có thể tham khảo gợi ý tổ chức DH mục này ở *Phần hai, Hoạt động 3 (tr.36, 37)* của SGV để vận dụng DH phù hợp với điều kiện thực tiễn.

HOẠT ĐỘNG 4. Tổng kết bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

– GV tổng kết, đánh giá ý thức, kĩ năng in, sản phẩm, ý tưởng sáng tạo khuôn in từ vật liệu có sẵn, giao tiếp, hợp tác nhóm, trao đổi, chia sẻ,... của HS và liên hệ bồi dưỡng phẩm chất (Thực hiện thao tác in để có sản phẩm theo ý thích; yêu thích vẻ đẹp của hoa, quả mùa xuân) đảm an toàn trong sử dụng công cụ,...

– GV nhắc HS: Xem trước Bài 9 và chuẩn bị đồ dùng, công cụ theo hướng dẫn ở mục *Chuẩn bị*. GV có thể nhắc HS chuẩn bị thêm đồ dùng, vật liệu, hoạ phẩm,... phù hợp với ý tưởng DH của bản thân về nội dung Bài 9.

Cánh Diều

Bài 9. CÙNG NHAU ÔN TẬP HỌC KÌ 1

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

Bài học giúp HS ôn lại một số nội dung đã học trong học kì 1:

– Nêu và giới thiệu được các màu cơ bản, màu đậm, màu nhạt; sự lặp lại của chấm, nét; các hình thức tạo nét khác nhau và cách tạo sản phẩm tranh in bằng cách in đơn giản từ vật liệu sẵn có.

– Trưng bày được sản phẩm đã sáng tạo; giới thiệu, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm và các nội dung đã học trong học kì 1.

– Chia sẻ được ý tưởng sử dụng sản phẩm vào đời sống thực tiễn.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS năng lực chung và một số năng lực đặc thù phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần hình thành, phát triển năng lực hợp tác và giao tiếp, được biểu hiện như: cùng bạn trao đổi, trưng bày, giới thiệu, nhận xét sản phẩm đã sáng tạo.

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số phẩm chất chủ yếu như: yêu thiên nhiên, ý thức trách nhiệm,... phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, bồi dưỡng ý thức tôn trọng, tính sáng tạo, trung thực được biểu hiện như: *yêu thích, tôn trọng, bảo quản sản phẩm sáng tạo, liên hệ màu sắc, đường nét, hình dạng,... ở hình ảnh/chi tiết có trong sản phẩm với hình ảnh quen thuộc xung quanh; thẳng thắn nhận xét, trao đổi và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm,...*

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK, Vở thực hành, sản phẩm đã tạo được trong học kì 1; đồ dùng, vật liệu, sản phẩm mĩ thuật theo hướng dẫn của GV ở các bài học trong học kì 1.

2. Giáo viên: SGK, SGV, Vở thực hành, đồ dùng, vật liệu, hình ảnh minh hoạ, máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nếu có).

Hình ảnh sản phẩm của HS được lưu trong thiết bị công nghệ của GV hoặc trong phòng học (nếu có).

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, vấn đáp, trò chơi, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề, liên hệ thực tiễn,...

2. Kĩ thuật dạy học: Động não, phòng tranh, tia chớp, sơ đồ tư duy, bể cá,...

3. Hình thức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG 1. Ổn định lớp, khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể tham khảo một số gợi ý sau để tạo tâm thế học tập cho HS:

– Kiểm tra sĩ số HS; Gợi mở HS giới thiệu sản phẩm do mình tạo ra trong học kì 1 và mang đến lớp để trưng bày.

– Tổ chức hoạt động khởi động, giới thiệu bài. Ví dụ:

Cách 1: Vận dụng kĩ thuật sơ đồ tư duy.

– GV tổ chức HS quan sát sơ đồ tư duy thể hiện hình ảnh minh hoạ một số nội dung chính đã học ở học kì 1 (nên sử dụng hình ảnh đơn giản) như: chấm, nét, hình, màu cơ bản, màu đậm, màu nhạt, khuôn in, gợi mở HS:

+ Giới thiệu nội dung hình ảnh và liên hệ với các bài đã học.

+ Kể tên sản phẩm đã tạo được liên quan đến nội dung hình ảnh (không bắt buộc HS phải kể được đủ các hình ảnh).

– Tóm tắt nội dung HS trả lời, liên hệ bài học.

Cách 2: Vận dụng kĩ thuật DH tia chớp.

– GV lần lượt trình chiếu hình ảnh minh hoạ một số nội dung chính đã học ở học kì 1 (nên sử dụng hình ảnh đơn giản) như: chấm, nét, hình, màu cơ bản, màu đậm, màu nhạt, khuôn in và gợi mở HS chia sẻ về những bài đã học liên quan đến mỗi hình ảnh. (Không bắt buộc HS trả lời được hoặc đúng với từng bài học cụ thể).

– Tóm tắt nội dung trả lời của HS và liên hệ bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

2.1. Tổ chức HS quan sát, nhận biết

– Sử dụng hình ảnh để HS quan sát (tr.42, 43).

– GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ nêu trong SGK (tr.42, 43) (làm việc cá nhân hoặc trao đổi cặp/nhóm).

– GV có thể gợi ý rõ hơn: Mỗi hình ảnh gợi cho em biết về nội dung bài học nào và giới thiệu sản phẩm đã tạo được ở bài học đó. (Có thể kết hợp thực hiện nhiệm vụ với sử dụng Vở thực hành).

– GV tổ chức HS trình bày kết quả trao đổi, kết hợp trình chiếu hình ảnh và tạo sự tương tác giữa HS (cá nhân, nhóm) như: nhận xét, bổ sung ý kiến của bạn; gợi nhắc rõ hơn nội dung của mỗi bài học như:

+ Chủ đề bài học.

+ Màu cơ bản, màu đậm, màu nhạt.

+ Hình thức tạo nét và sử dụng nét để tạo sản phẩm.

+ Chấm, nét lặp lại.

+ Tranh dân gian và một số cách in đơn giản.

Lưu ý: Nên kết hợp giới thiệu sản phẩm cụ thể của HS thể hiện trong Vở thực hành hoặc trên giấy, sản phẩm 3D nguyên mẫu hoặc ảnh chụp.

– Kết thúc Hoạt động 2.1, GV có thể gợi nhắc lại những nội dung chính đã học, thực hành ở học kì 1 bằng sơ đồ tư duy, kết hợp hình ảnh minh hoạ đơn giản.

Học kì 1 chúng mình đã tìm hiểu và thực hành với màu cơ bản; màu đậm, màu nhạt; các hình thức tạo nét; sắp xếp chấm, nét lặp lại đối tượng, lặp lại xen kẽ và cách tạo sản phẩm tranh in bằng cách in đơn giản từ vật liệu sẵn có.

2.2. Tổ chức HS trưng bày sản phẩm và giới thiệu, chia sẻ về các bài học

GV có thể tham khảo một số gợi ý dưới đây:

– Trưng bày theo nội dung chủ đề, bài học.

– Trưng bày sản phẩm 2D, 3D.

– Trưng bày sản phẩm theo chủ đề: thiên nhiên, đồ vật, đồ chơi,...

– Trưng bày theo nhóm học tập.

– Trưng bày tại vị trí nhóm học tập hoặc trên bảng, trên giá,...

Hướng dẫn HS quan sát sản phẩm và chia sẻ, giới thiệu bài học:

– GV có thể vận dụng kĩ thuật bể cá để tổ chức HS quan sát.

– GV có thể tổ chức HS suy nghĩ cá nhân hoặc thảo luận nhóm (cặp, nhóm nhỏ, nhóm lớn,...). Gợi ý nhiệm vụ (GV có thể tham khảo một số gợi ý trong SGK (tr.44):

+ Chỉ ra sản phẩm trưng bày thuộc nội dung bài học nào?

+ Giới thiệu màu cơ bản, màu đậm/nhạt trên một hoặc một số sản phẩm.

+ Giới thiệu hình thức/cách tạo hình sản phẩm của mình hoặc của bạn?

+ Sản phẩm nào có chấm, nét lặp lại đối xứng, xen kẽ?

+ Sản phẩm nào em thích nhất? Vì sao?

+ Bài học nào em thích nhất? Vì sao?

+ Sản phẩm nào em chưa thích? Vì sao?

+ Bài học nào em chưa thích? Vì sao?

Một số lưu ý đối với GV:

– Quan sát HS thực hiện nhiệm vụ và gợi mở, tương tác với HS (một số cá nhân/nhóm HS) để nắm bắt rõ hơn mức độ đáp ứng nhiệm vụ học tập và đối chiếu với mục tiêu bài học.

– Sử dụng những thông tin thu được trong thực hành và kết hợp với các hoạt động học tập khác của HS để thực hiện đánh giá quá trình sát thực hơn.

– GV tổ chức HS (cá nhân/đại diện cặp/nhóm) giới thiệu sản phẩm, nội dung bài học và cảm nhận. Tuỳ nội dung chia sẻ của HS, GV có thể gợi mở, tạo sự tương tác giữa các HS trình bày với các HS trong lớp hoặc các cặp, nhóm; giúp HS nắm rõ hơn nội dung đã học và có thể vận dụng thực hành, sáng tạo thêm sản phẩm phù hợp với nội dung bài học ở học kì 1.

2.3. Tổ chức HS chia sẻ cảm nhận

– GV nêu vấn đề, gợi mở HS chia sẻ ý tưởng, sự mong muốn sử dụng sản phẩm vào đời sống.

– GV có thể khích lệ HS chọn sản phẩm theo ý thích (của mình hoặc của bạn/của nhóm) và chia sẻ ý tưởng sử dụng. Ví dụ một số gợi ý sau:

+ Em sẽ dùng sản phẩm nào để trưng bày trên bàn, góc học tập?

+ Em sẽ dùng sản phẩm nào để treo trên tường tại góc học tập hoặc trên tường ở nhà của mình/lớp học hoặc hành lang của trường,...?

+ Em sẽ dùng sản phẩm nào để làm đẹp cho bản thân hoặc tặng cho ai?

+ Em muốn tặng sản phẩm nào cho ai? Vì sao?

HOẠT ĐỘNG 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục *Vận dụng*

– GV sử dụng tình huống có vấn đề, gợi mở HS có thể chia sẻ thêm ý tưởng về sử dụng sản phẩm.

– GV có thể tham khảo gợi ý dưới đây để tổ chức HS thực hành (nếu điều kiện cho phép):

+ HS làm việc cá nhân: Lựa chọn nội dung bài học yêu thích (màu cơ bản; màu đậm, màu nhạt; chấm, nét lặp lại,...) và chủ đề thể hiện (thiên nhiên, con người, đồ chơi, đồ dùng,...) để thực hành, tạo sản phẩm bằng hình thức: vẽ/in/nặn/cắt, xé dán hoặc kết hợp vẽ, in, nặn, cắt, xé, dán.

+ HS làm việc nhóm: Thảo luận, lựa chọn nội dung bài học yêu thích và chủ đề thể hiện để tạo sản phẩm bằng hình thức: vẽ/in/nặn/cắt, xé dán hoặc kết hợp vẽ, in, nặn, cắt, xé, dán.

– GV có thể tham khảo gợi ý tổ chức DH mục này ở *Phần hai, Hoạt động 3 (tr.36, 37)* của SGV để vận dụng DH phù hợp với điều kiện thực tiễn.

HOẠT ĐỘNG 4. Tổng kết bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

– GV tóm tắt nội dung chính của bài học; nhận xét ý thức, kết quả học tập trong học kì 1 của HS (cá nhân, nhóm HS).

– GV nhắc HS: Xem trước Bài 10 và chuẩn bị đồ dùng, công cụ theo hướng dẫn ở mục *Chuẩn bị*. GV có thể nhắc HS chuẩn bị thêm đồ dùng, vật liệu, hoạ phẩm,... phù hợp với ý tưởng DH của bản thân về nội dung Bài 10.

Chủ đề 5. NHỮNG HÌNH, KHỐI LẶP LẠI

Nội dung chủ đề tập trung cụ thể hoá một số yêu cầu cần đạt quy định trong Chương trình Mĩ thuật lớp 2, cụ thể như sau:

– Lựa chọn được đối tượng làm hình mẫu để thực hành, sáng tạo.

– Tạo được sản phẩm có sự lặp lại của hình, khối dạng cơ bản.

– Biết vận dụng tính chất lặp lại của chấm, nét hoặc hình, màu trong thực hành, sáng tạo.

Bài 10. CHIẾC TÚI XÁCH XINH XẮN

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật như sau:

– Nhận biết được hình dạng của túi xách và trang trí lặp lại trên túi xách; biết liên hệ ứng dụng của túi xách trong đời sống.

– Tạo hình, sắp xếp được hình cơ bản lặp lại để trang trí sản phẩm túi xách; biết trao đổi, chia sẻ với bạn trong thực hành, sáng tạo.

– Trưng bày, giới thiệu và chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm túi xách; bước đầu thấy được vẻ đẹp của túi xách có trang trí các hình cơ bản lặp lại và liên hệ với những đồ vật, đồ dùng khác trong đời sống.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS năng lực chung và một số năng lực đặc thù phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần hình thành, phát triển năng lực giải quyết vấn đề, tính toán, được biểu hiện như: *biết vận dụng đơn vị đo độ dài để ước lượng kích thước và các bộ phận của túi xách.*

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số phẩm chất chủ yếu như: trung thực, trách nhiệm,... phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một*

của SGV; trong đó, góp phần bồi dưỡng tính kiên trì, lòng nhân ái được biểu hiện như: *khéo léo thực hiện một số thao tác thực hành để sản phẩm đẹp hơn; tôn trọng sự lựa chọn kiểu dáng, cách trang trí của bạn ở sản phẩm và sở thích của người khác về túi xách.*

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGI, Vở thực hành, giấy màu thủ công, giấy bìa carton, bút chì, tẩy chì, màu sáp, băng dính/hồ dán, kéo,...

2. Giáo viên: SGK, SGV, Vở thực hành, giấy màu thủ công, giấy bìa carton, kéo, bút chì, băng dính/hồ dán; đồ dùng trực quan liên quan đến nội dung bài học, máy tính, máy chiếu,...

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, vấn đáp, gợi mở, luyện tập, thực hành, thảo luận, hợp tác nhóm,...

2. Kĩ thuật dạy học: Khăn trải bàn, tia chớp, bể cá,....

3. Hình thức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG 1. Ổn định lớp, khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể tham khảo một số gợi ý sau để tạo tâm thế học tập cho HS:

– Kiểm tra sĩ số và chuẩn bị đồ dùng, bài học của HS.

– Tổ chức hoạt động khởi động, giới thiệu bài. Ví dụ:

Cách 1: GV nêu vấn đề và đưa ra hai loại sản phẩm túi xách, một loại túi có trang trí hoạ tiết và một loại túi không có hình trang trí cho HS quan sát, gợi mở HS nêu tên, chất liệu, công dụng của những chiếc túi xách, HS thích chiếc túi xách nào? Vì sao? Qua đó, GV liên kết giới thiệu nội dung bài học.

Cách 2: GV tổ chức HS hoạt động nhóm thông qua trò chơi "Ai nhanh, ai khéo", thời gian khoảng 2 – 4 phút. GV đưa mỗi nhóm một hình ảnh mẫu sản phẩm túi xách và một số miếng ghép là từng bộ phận rời của chiếc túi xách.

+ Nhiệm vụ: HS trong nhóm quan sát hình túi xách mẫu và ghép các miếng hình với nhau để có hình giống với hình túi xách mẫu.

+ Kết quả: Các nhóm ghép đúng, đủ, nhanh và đẹp giống với hình ảnh sản phẩm mẫu.

+ Đánh giá kết quả: Dựa trên kết quả và thời gian hoàn thành, khả năng quan sát, phối hợp giữa các thành viên trong nhóm.

+ GV dựa trên kết quả của các nhóm và gợi mở vào nội dung bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

2.1. Tổ chức HS quan sát, nhận thức

2.1.1. Sử dụng hình ảnh hình cơ bản lặp lại, hình cửa sổ, tranh "Lâu đài và mặt trời" (tr.47, 48).

– GV hướng dẫn HS quan sát và giao nhiệm vụ thảo luận, trả lời câu hỏi:

+ Chỉ ra hình cơ bản nào được lặp lại? (Ví dụ: hình vuông, tròn, chữ nhật, tam giác,...).

+ Các hình cơ bản lặp lại như thế nào? (xen kẽ, đối xứng).

– GV có thể sử dụng thêm hình ảnh minh hoạ khác có trang trí hình cơ bản lặp lại (nếu có).

– GV kết hợp chia sẻ của HS, giới thiệu một số thông tin về mỗi hình ảnh đồng thời nhấn mạnh "có nhiều hình thức lặp lại khác nhau".

– GV có thể liên hệ những chi tiết cụ thể qua một số hình thức lặp lại của hình cơ bản ở trong cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật khác.

2.1.2. Sử dụng hình ảnh một số chiếc túi xách (tr.48)

– GV giới thiệu hoặc gợi mở HS nêu tên của mỗi hình ảnh và yêu cầu:

+ Giới thiệu hình dạng của mỗi chiếc túi xách: giống hình cơ bản nào?

+ Túi xách có những bộ phận nào?

+ Hình cơ bản nào được trang trí lặp lại trên mỗi chiếc túi xách?

+ Chia sẻ những điều em biết được về những chiếc túi xách. Ví dụ: Chất liệu của mỗi chiếc túi xách? Em sử dụng túi xách trong những dịp nào? Em thích túi xách có trang trí hình lặp lại hay không? Vì sao?

– GV kết hợp phần chia sẻ của HS và giới thiệu rõ hơn về công dụng của những chiếc túi xách.

Cánh Diều

– Liên hệ thực tế: GV có thể sử dụng một số túi xách có hình dáng, kích thước, chất liệu, màu sắc và cách sắp xếp trang trí hình lặp lại khác nhau và một số túi không có trang trí.

– GV có thể kết hợp sử dụng một số hình sản phẩm túi xách trong Vở thực hành, giúp HS nhận ra túi xách có nhiều hình dạng và cách trang trí lặp lại.

GV tổng kết nội dung Hoạt động 1 (có thể sử dụng hình ảnh trực quan).

Có thể làm đẹp chiếc túi xách bằng cách trang trí hình cơ bản lặp lại.

GV gợi mở HS chia sẻ ý tưởng ban đầu về thực hành sáng tạo sản phẩm: GV có thể sử dụng câu hỏi gợi mở, nêu vấn đề,... để kích thích HS suy nghĩ và có hứng khởi trước khi vào hoạt động tiếp sau. Ví dụ:

– Các em có thích làm nhà thiết kế túi xách không?

– Em có muốn sáng tạo sản phẩm túi xách thật đẹp để tặng người thân: bố, mẹ, em gái?...

2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo sản phẩm và thảo luận

2.2.1. Hướng dẫn HS cách tạo hình và trang trí túi xách bằng hình lặp lại (tr.49)

– GV hướng dẫn HS quan sát, thảo luận, tìm hiểu cách tạo hình chiếc túi và cách trang trí hình lặp lại trên mỗi sản phẩm túi xách.

– GV gợi mở HS chia sẻ các thông tin vừa thảo luận.

– GV nhận xét ý kiến của HS, kết hợp thị phạm minh hoạ, gợi mở, hướng dẫn HS tạo hình túi xách và cách trang trí hình lặp lại đối xứng, lặp lại xen kẽ hoặc lặp lại tự do.

Để HS thấy được sự đa dạng trong sáng tạo, GV có thể gợi mở, hướng hẫn HS:

Cách 1: Sử dụng một kiểu dáng túi xách nhưng chất liệu và cách trang trí hình lặp lại khác nhau.

Cách 2: Sử dụng nhiều kiểu dáng túi xách cùng một chất liệu và có nhiều cách trang trí hình lặp lại khác nhau.

Cách 3: Sử dụng nhiều kiểu dáng túi xách, mỗi kiểu dáng là một chất liệu và cách trang trí hình lặp lại khác nhau (tr.49).

– GV có thể chọn một hoặc nhiều cách để hướng dẫn HS thực hành sáng tạo sản phẩm.

Ví dụ: GV thị phạm minh hoạ tạo sản phẩm và trang trí hình lặp lại xen kẽ trong SGK kết hợp giải thích, gợi mở và tương tác với HS như nêu câu hỏi, mời HS phối hợp thực hiện,...

+ Chuẩn bị: kéo, hồ dán, thước kẻ, bút chì, giấy màu.

Chọn màu giấy theo ý thích (không nên chọn nhiều màu). Sử dụng kéo cắt hoặc dùng tay xé tạo hình thân (có thể dùng thước kẻ hình thân túi và cắt hoặc xé theo đường kẻ), quai túi và các hình cơ bản để trang trí.

GV lưu ý với HS: Các màu giấy để làm thân, quai túi và các chi tiết, hình cơ bản để trang trí cần có màu đậm, màu nhạt. Có thể kết hợp tận dụng giấy của sách, báo cũ như: tạp chí, bìa lịch,... để tạo hình thân túi hoặc tạo chi tiết trang trí. Hình thân túi có thể: vuông, tròn, chữ nhật, hình tam giác, hình bán nguyệt,... Cần tạo sự cân đối giữa kích thước của thân túi và các chi tiết khác như: quai, chi tiết trang trí,... để chiếc túi được đẹp hơn.

GV có thể minh hoạ hoặc sử dụng hình ảnh giúp HS nhận ra rõ hơn những gợi mở và lưu ý này.

+ Tiến hành dán các bộ phận và chi tiết như minh hoạ trong SGK:

Bước 1: Dán giấy dùng làm quai vào thân túi.

Bước 2: Sắp xếp các hình cơ bản lặp lại (đối xứng/xen kẽ hoặc kết hợp đối xứng và xen kẽ) theo ý thích trên hình chiếc túi và dán hoàn thành sản phẩm chiếc túi xách.

+ GV gợi mở HS về vị trí dán các hình để trang trí có thể ở giữa hoặc các mép trên, dưới, phải, trái của thân túi.

– GV có thể giới thiệu thêm một số hình ảnh sản phẩm túi xách của bạn lớp trước, giúp HS biết được có thể tạo hình túi xách và trang trí hình cơ bản lặp lại bằng nhiều cách khác nhau.

– GV gợi mở HS chia sẻ ý tưởng tạo sản phẩm. Ví dụ: Lựa chọn vật liệu, cách tạo sản phẩm, sắp xếp chấm, nét trang trí lặp lại... trước khi tổ chức HS thực hành sáng tạo sản phẩm.

2.2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo và trao đổi, chia sẻ

– HS thực hành tạo sản phẩm cá nhân.

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Tạo hình và trang trí lặp lại bằng các hình cơ bản theo ý thích.

– GV gợi mở HS:

+ Chọn hướng thực hành sáng tạo túi xách theo ý thích hoặc có thể chọn một trong hai hướng thực hiện sản phẩm túi xách đã giới thiệu trong SGK.

+ Tham khảo thêm hình ảnh một số sản phẩm túi xách (tr.50) và hình túi xách trong Vở thực hành.

– HS trao đổi, chia sẻ trong thực hành.

GV nhắc HS: quan sát các bạn thực hành (thao tác thực hành, sản phẩm của bạn/các bạn xung quanh, cắt/xé tạo các bộ phận và chi tiết trang trí,...), để có thể học tập hoặc góp ý, đặt câu hỏi, nêu ý kiến, chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận,... với bạn. Ví dụ: Bạn chọn kiểu túi hình gì? Bạn chọn những màu nào để tạo hình và trang trí? Bạn sắp xếp các hình trang trí theo hình thức đối xứng hay xen kẽ? Hình hoặc màu nào đối xứng trên sản phẩm của bạn?... Bạn thấy sản phẩm của mình thế nào? Theo bạn mình có cần dán thêm hình trang trí cho túi không?...

Một số lưu ý đối với GV:

– Quan sát, nắm bắt được mức độ HS thực hành, để có thể đưa ra gợi mở, thị phạm hướng dẫn, hoặc hỗ trợ HS kịp thời. Ví dụ: Sử dụng kéo an toàn khi cắt các hình tạo thân túi, quai túi, hình trang trí; chọn màu sắc, kích thước, chất liệu giấy,...; sắp xếp hình cơ bản lặp lại xen kẽ, đối xứng, tự do; sử dụng hồ, keo dán,...; giữ vệ sinh quần áo, bàn ghế, lớp học,...

– Tuỳ vào thực tế sản phẩm đang thực hành của HS, GV có thể nêu vấn đề, trao đổi với HS và gợi mở, khích lệ HS sáng tạo, chia sẻ ý tưởng, bày tỏ cảm xúc,... Ví dụ: Túi xách được làm từ chất liệu nào; túi xách có hình dạng giống với hình cơ bản nào; hình cơ bản nào trên sản phẩm được lặp lại đối xứng, xen kẽ hay tự do;...

– Sử dụng những thông tin thu được trong thực hành và kết hợp với các hoạt động học tập khác của HS để thực hiện đánh giá quá trình sát thực hơn.

– HS thực hành tạo sản phẩm nhóm:

GV có thể tổ chức HS tạo sản phẩm nhóm như: sử dụng khổ giấy to hơn bài cá nhân; các thành viên trao đổi thống nhất chọn màu sắc, kiểu dáng của thân túi (tròn, vuông,...), quai túi (tròn, góc cạnh, vuông,...) và các hình để trang trí lặp lại; phân công các thành viên thực hiện các bước như cắt, dán; các thành viên cùng thống nhất hoàn thiện và đặt tên cho sản phẩm.

2.3. Tổ chức HS trưng bày sản phẩm và trao đổi, nhận xét, chia sẻ cảm nhận

– Tổ chức HS trưng bày sản phẩm: GV có thể hướng dẫn HS trưng bày theo nhóm và đặt tên cho sản phẩm nhóm hoặc trưng bày theo nhóm sản phẩm có cùng kiểu dáng, hình thức thực hành,... hoặc có cùng cách sắp xếp trang trí hình cơ bản lặp lại ở trên sản phẩm túi xách.

Ví dụ: Cửa hàng thời trang túi xách; Bộ sưu tập túi xách,...

– Tổ chức HS nhận xét, đánh giá, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm.

GV có thể kết hợp:

+ Nội dung gợi ý trong SGK.

+ Căn cứ vào quá trình thực hành, sản phẩm cụ thể của HS để gợi ý nội dung HS trao đổi, thảo luận, nhận xét,... tập trung vào mục tiêu bài học, hình thức thực hành và phù hợp thời lượng dành cho hoạt động và kĩ năng, tốc độ nói của HS.

– GV nhận xét, đánh giá: GV dựa vào sự trao đổi, chia sẻ của HS và kết quả thực hành, để nhận xét, đánh giá (toàn lớp/từng nhóm/từng cá nhân,...) và gợi mở HS nhớ lại hoạt động thực hành, thảo luận và liên hệ vận dụng sản phẩm.

HOẠT ĐỘNG 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục *Vận dụng*

– GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh giới thiệu trong SGK, hình ảnh sưu tầm (nếu có) và hình ảnh trong Vở thực hành. Gợi mở HS nhận ra:

+ Sử dụng hình cơ bản để tạo hình và trang trí lặp lại có thể tạo nên nhiều sản phẩm khác như: cặp sách, đồ vật trang trí phòng học, đồ chơi,...

+ Trang trí hình cơ bản lặp lại để làm đẹp hơn cho đồ vật yêu thích.

– GV có thể tham khảo gợi ý tổ chức DH mục này ở *Phần hai, Hoạt động 3 (tr.36, 37)* của SGV để vận dụng DH phù hợp với điều kiện thực tiễn.

HOẠT ĐỘNG 4. Tổng kết bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV tóm tắt nội dung chính của bài học; nhận xét quá trình và kết quả học tập (chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,...; mức độ tham gia các hoạt động học tập; ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo quản sản phẩm, công cụ, đồ dùng;...).

– GV nhắc HS: Xem trước Bài 11 và chuẩn bị đồ dùng, công cụ theo hướng dẫn ở mục *Chuẩn bị*. GV có thể hướng dẫn HS chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,... phù hợp với ý tưởng DH của bản thân về nội dung Bài 11.

Bài 11. PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật như sau:

– Nhận biết được đặc điểm của một số phương tiện giao thông quen thuộc và cách tạo hình sản phẩm; liên hệ được một số bộ phận chính của phương tiện với các khối cơ bản.

– Tạo được sản phẩm phương tiện giao thông theo ý thích từ vật liệu dạng khối cơ bản lặp lại; biết trao đổi, chia sẻ trong thực hành, sáng tạo.

– Trưng bày, giới thiệu và chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm; biết liên hệ ứng dụng của sản phẩm như làm đồ chơi, đồ vật trang trí,...

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS năng lực chung và một số năng lực đặc thù phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần hình thành, phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề và sáng tạo, được biểu hiện như: *chủ động chuẩn bị vật liệu dạng khối; biết vận dụng đơn vị đo độ dài để ước lượng kích thước và các bộ phận của sản phẩm phương tiện giao thông; biết lựa chọn vật liệu phù hợp với hình dáng của phương tiện giao thông được sử dụng làm hình mẫu để thực hành.*

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số phẩm chất chủ yếu như: lòng nhân ái, tính trung thực,... phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần bồi dưỡng tính kiên trì, ý thức trách nhiệm được biểu hiện như: *khéo léo thực hiện một số thao tác thực hành để sản phẩm đẹp hơn; biết liên hệ sản phẩm thực hành với việc tuân thủ thực hiện các quy định về an toàn khi tham gia giao thông.*

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK, Vở thực hành, vật liệu dạng khối, giấy màu, giấy bìa carton, bút chì, sợi dây, tẩy chì (gôm), băng dính/hồ dán, kéo,...

2. Giáo viên: SGK, SGV, Vở thực hành, vật liệu dạng khối, giấy màu, kéo, bút chì, băng dính/hồ dán; sản phẩm mĩ thuật, hình ảnh minh hoạ, máy tính, máy chiếu, ti vi (nếu có),...

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, thuyết trình, thực hành luyện tập, thảo luận, hợp tác nhóm,...

2. Kĩ thuật dạy học: Động não, bể cá, tia chớp,...

3. Hình thức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG 1. Ổn định lớp, khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể tham khảo một số gợi ý sau để tạo tâm thế học tập cho HS:

– Kiểm tra sĩ số và việc chuẩn bị đồ dùng, bài học của HS.

– Tổ chức hoạt động khởi động, giới thiệu bài. Ví dụ:

Cách 1: GV nêu vấn đề dựa trên cách sử dụng mô hình phương tiện giao thông làm từ đồ vật, vật liệu đã qua sử dụng có dạng khối, GV thị phạm, trực quan sản phẩm, kết hợp gợi mở HS nêu tên phương tiện giao thông, mô hình phương tiện giao thông được làm từ vật liệu dạng khối nào, khối nào được lặp lại ở trên mô hình...; từ đó liên kết giới thiệu nội dung bài học.

Cách 2: GV liên hệ với bài trước, tổ chức HS hoạt động nhóm thông qua trò chơi "Đi tìm kiến thức", thời gian khoảng 3 – 5 phút. GV đưa mỗi nhóm một sản phẩm và yêu cầu HS quan sát, tìm hiểu sản phẩm:

– Nhiệm vụ: HS trong nhóm viết tên của sản phẩm, sản phẩm được tạo bởi chất liệu/vật liệu gì, màu sắc của từng hình, các hình trên sản phẩm được lặp lại như thế nào.

+ Kết quả: Các nhóm viết đúng, đủ các thông tin về tên, chất liệu, màu sắc, sự lặp lại của các hình trên sản phẩm mẫu.

+ Đánh giá kết quả: Dựa trên kết quả và thời gian hoàn thành, khả năng quan sát, phối hợp giữa các thành viên trong nhóm.

+ GV dựa trên kết quả của các nhóm và gợi mở vào bài học.

– GV kích thích HS chú ý vào hoạt động tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

2.1. Tổ chức HS quan sát, nhận biết

2.1.1. Sử dụng hình ảnh ô tô, tàu hoả, các hình khối (tr.51)

– GV hướng dẫn HS quan sát, khám phá và yêu cầu HS thảo luận, trả lời câu hỏi trong SGK.

– GV gợi mở rõ hơn:

+ Nêu tên của mỗi phương tiện.

+ Chiếc ô tô gồm có những bộ phận nào? (đầu xe, thân xe, bánh xe,...).

+ Chiếc tàu hoả gồm có những bộ phận nào?

+ Bộ phận đó giống với khối cơ bản nào? (vuông (lập phương), trụ, chữ nhật,...).

– GV có thể sử dụng thêm hình ảnh phương tiện giao thông khác cho HS quan sát, tìm hiểu, giúp HS thấy được hình dạng khác nhau của các phương tiện giao thông và liên hệ với hình khối cơ bản.

– GV kết hợp chia sẻ của HS, giới thiệu một số thông tin về mỗi hình ảnh và gợi nhắc HS:

+ Có nhiều phương tiện giao thông khác nhau.

+ Một số bộ phận của phương tiện giao thông có hình dạng giống với hình, khối cơ bản.

2.1.2. Sử dụng hình ảnh sản phẩm phương tiện giao thông (tr.52)

– GV tổ chức HS quan sát, trao đổi và gợi mở HS:

+ Nêu tên mỗi sản phẩm phương tiện giao thông.

+ Hình khối dạng cơ bản nào được sắp xếp lặp lại ở mỗi sản phẩm.

+ Các sản phẩm được làm từ những vật liệu nào?

– GV nhận xét phần trả lời của HS và tổng kết Hoạt động 2.1.

Chúng ta có thể tạo được nhiều sản phẩm phương tiện giao thông khác nhau từ vật liệu dạng khối cơ bản lặp lại.

2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo sản phẩm và thảo luận

2.2.1. Hướng dẫn cách tạo sản phẩm phương tiện giao thông từ vật liệu dạng khối lặp lại (tr.52, 53)

GV hướng dẫn HS quan sát và gợi mở HS đưa ra ý tưởng ban đầu về thực hành tạo sản phẩm. Ví dụ:

+ Em sẽ sáng tạo sản phẩm phương tiện giao thông nào?

+ Em chọn vật liệu dạng khối nào để sáng tạo sản phẩm phương tiện giao thông?...

GV nhận xét ý kiến của HS và kết hợp hướng dẫn, thị phạm minh hoạ thực hành tạo sản phẩm và gợi mở, tương tác với HS:

+ Tạo sản phẩm đoàn tàu hoả (tr.52): GV có thể hướng dẫn, gợi mở HS thực hiện như sau:

Bước 1: Chuẩn bị

– Vật liệu đã qua sử dụng dạng khối trụ hoặc khối lập phương, khối chữ nhật từ lõi giấy vệ sinh hoặc vỏ hộp giấy,... Sử dụng giấy màu theo ý thích để tạo màu sơn cho các toa tàu. Dùng nắp chai nhựa hoặc cắt giấy bìa carton làm bánh xe,... GV khuyến khích HS chọn vật liệu, màu sắc vật liệu theo ý thích.

– Tiếp theo, GV hướng dẫn, thị phạm minh hoạ dựa trên các hình minh hoạ trong SGK, kết hợp gợi mở, tương tác với HS:

Bước 2: Tạo toa tàu, bánh xe

– Đặt lõi giấy vệ sinh lên tờ giấy màu đã chọn, dùng bút chì vạch nét xác định khuôn khổ giấy cần cắt để dán bao quanh lõi giấy vệ sinh (chiều rộng tương đương chiều cao của lõi giấy; chiều dài tương đương kích thước cuốn quanh thân lõi giấy). Dùng kéo cắt theo nét bút chì đã vạch, dùng hồ hoặc băng keo dán mặt sau miếng giấy màu vừa cắt được rồi cuốn bao quanh thân lõi giấy.

– Đính băng dính vào mặt trên của nắp chai nhựa tạo các bánh xe hoặc có thể vẽ hình tròn lên bìa carton rồi cắt làm bánh xe.

Bước 3: Tạo đầu tàu và nối các toa thành đoàn tàu

– Tạo ống khói: Từ giấy màu đã chọn, cắt một miếng giấy hình chữ nhật kích thước nhỏ, dán hai đầu miếng giấy tạo khối hình trụ. Dùng kéo cắt dọc (khoảng 1 cm) để tạo chân cho ống khói (có thể cắt tạo 3 chân hoặc 4 chân). Dùng hồ/băng keo đính ống khói lên trên một toa tàu đã tạo được ở bước 1 để có đầu tàu.

+ Tạo buồng lái: Dùng kéo cắt khổ giấy hình chữ nhật (có thể dùng giấy màu hoặc bìa giấy), chiều rộng khoảng bằng 1/3 chiều dài toa tàu, chiều dài khoảng 5 – 7 cm, dán khổ giấy này trên khối trụ dùng làm đầu tàu. Có thể cắt nhiều dải/nét giấy có màu sắc khác nhau theo ý thích dán trên nền khổ giấy chữ nhật (như hình minh hoạ SGK).

+ Ghép, nối đầu tàu với các toa tàu bằng cách dán nối các đoạn/sợi dây chỉ hoặc dây dù/sợi len, sợi đay,... hoặc miếng giấy nhỏ,...

+ Đính các bánh xe đã tạo được vào nửa dưới của đầu tàu và các toa tàu (mỗi toa 4 bánh). Đoàn tàu có thể đã hoàn thành.

Bước 4: Sử dụng giấy màu (hoặc giấy trắng, giấy báo,...) và vẽ, cắt tạo các chi tiết như hình vuông, chữ nhật,... làm cửa sổ cho đầu tàu và các toa

+ Có thể vẽ/cắt/xé dán tạo hình hoạ tiết theo ý thích để trang trí thêm cho đoàn tàu.

Lưu ý: Trong hướng dẫn HS tạo sản phẩm, GV cần thao tác chậm những nội dung khó, phức tạp và nhấn mạnh sự lặp lại của khối (các toa tàu), lặp lại của hình (ô cửa sổ, bánh xe) để HS nắm rõ hơn và dễ thực hiện.

+ Nếu HS không thể chuẩn bị được giấy màu, GV có thể gợi ý, hướng dẫn HS dùng vật liệu giấy khác hoặc giữ nguyên lõi giấy và vẽ trang trí toa tàu, cửa sổ bằng bút màu khác.

GV dựa vào khả năng thực hành của HS để có thể tổ chức HS thực hiện xong bước 2 hoặc tiếp tục bước 3.

Cánh Diều

* Tạo sản phẩm ô tô tải (tr.53).

GV có thể hướng dẫn, gợi mở HS thực hiện như sau:

Bước 1: Chuẩn bị

– Vật liệu làm các bộ phận chính của xe: Tương tự như chọn vật liệu tạo hình sản phẩm đoàn tàu hoả, có thể dùng vỏ hộp giấy hoặc chất liệu khác. Tuy nhiên, GV lưu ý HS nên dùng vật liệu là vỏ hộp giấy (để dễ thực hiện hơn) có dạng khối lập phương, hoặc khối chữ nhật để phù hợp hơn với các bộ phận chính của xe tải (đầu xe, buồng lái, thân xe). Có thể sử dụng 4 hình khối hộp (như hình minh hoạ). Nếu thùng xe có nhiều khoang thì có thể sử dụng nhiều khối hộp hơn. Các khối hộp nên có kích thước to, nhỏ khác nhau.

– Nắp chai nhựa hoặc giấy bìa carton làm bánh xe.

– Giấy (có màu hoặc giấy trắng, báo, bìa giấy...) để dán quanh vật liệu hình khối tạo màu cho các bộ phận: đầu xe, buồng lái, thân xe/thùng xe.

– GV khuyến khích HS chọn vật liệu theo ý thích.

Bước 2: Tạo thùng xe, đầu xe, buồng lái và bánh xe

– Tạo màu cho thùng và đầu xe: Tương tự như cách làm các toa tàu ở trên (hoặc cách tạo hộp bút ở Bài 6): Cắt khổ giấy dán bao quanh (hoặc từng mặt/diện của khối hộp). Có thể chọn mỗi mặt/diện của khối hộp một màu giấy theo ý thích hoặc có thể tạo các khối/các bộ phận chính của xe có màu sắc khác nhau.

– Tạo bánh xe: Đặt nắp chai nhựa lên miếng bìa carton, dùng bút chì vạch nét xung quanh nắp chai trên bìa carton để tạo hình các bánh xe có kích thước bằng nhau. Dùng kéo cắt theo nét chì trên miếng bìa carton (Số lượng bánh xe nhiều hay ít tuỳ theo số khối hộp giấy/mỗi khối hộp tạo 2 bánh hoặc 4, 6 bánh xe theo ý thích).

Bước 3: Lắp ghép các bộ phận để tạo sản phẩm

Dán ghép hình khối làm phần đầu xe và thùng xe với nhau hoặc có thể đặt các hình khối trên miếng bìa carton có hình chữ nhật dài bằng chiều dài của chiếc xe để tạo sự chắc chắn hơn cho sản phẩm.

Dùng hồ dán hoặc hồ nếp/băng keo hai mặt để dán các bánh xe vào hai bên của phần đầu xe và thùng xe. Có thể xem như sản phẩm đã hoàn thiện.

Bước 4: Tạo thêm chi tiết cho sản phẩm (tuỳ khả năng của HS)

Có thể vẽ hoặc cắt dán thêm một số hình trang trí tạo sự sinh động cho sản phẩm như: hình tròn tạo đèn ô tô, hình vuông, hình chữ nhật để tạo cửa xe, kính xe, vẽ thêm người lái xe đang ngồi trong buồng lái,...

Lưu ý: Dựa trên khả năng nắm bắt cách thực hiện của HS để thị phạm, minh hoạ nhanh/chậm hoặc giải thích, gợi mở rõ hơn các thao tác, quy trình tạo sản phẩm. Nếu HS có khả năng thực hiện bước 4 hoặc GV khuyến khích HS thực hiện bước 4 thì có thể vẽ/cắt tạo các chi tiết trang trí trước và lắp ghép các khối sau (tức là thay đổi thứ tự thực hiện giữa bước 3 và bước 4).

– GV có thể giới thiệu thêm một số hình sản phẩm hoặc sản phẩm nguyên mẫu (của HS lớp trước), giúp HS biết được có thể tạo hình phương tiện giao thông từ vật liệu khối lặp lại bằng nhiều cách khác nhau.

– GV gợi mở HS chia sẻ ý tưởng tạo sản phẩm. Ví dụ: Lựa chọn vật liệu, cách tạo sản phẩm, sắp xếp khối lặp lại,...

2.2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo và tập thảo luận, trao đổi

GV có thể chọn cách tổ chức HS thực hành dựa trên gợi ý sau:

– HS tạo sản phẩm cá nhân và trao đổi, chia sẻ trong thực hành:

+ GV giao nhiệm vụ cho HS: Sử dụng vật liệu hình, khối lặp lại để thực hành tạo sản phẩm về phương tiện giao thông theo ý thích.

+ Gợi mở HS: Tham khảo cách thực hành và hình ảnh sản phẩm trong SGK, hình ảnh sản phẩm trong Vở thực hành.

+ Nhắc HS trao đổi, chia sẻ trong thực hành: quan sát các bạn trong nhóm, tìm hiểu, học hỏi bạn cách thực hiện; trao đổi, nhận xét, góp ý về sản phẩm của bạn; chia sẻ ý tưởng thực hành, liên hệ với bạn về việc tham gia giao thông an toàn,...

– HS cùng tạo sản phẩm nhóm:

+ Số lượng thành viên trong nhóm: Nên từ 3 – 4 HS để phối hợp thực hiện thuận lợi hơn.

+ GV giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm HS: Nội dung nhiệm vụ tương tự như nhiệm vụ cá nhân ở trên.

+ GV hướng dẫn HS thực hiện: Thảo luận, thống nhất lựa chọn loại phương tiện giao thông, chọn vật liệu, màu sắc, số lượng hình, khối,...; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; thành viên thực hiện nhiệm vụ cá nhân; các thành viên phối hợp lắp ghép các sản phẩm cá nhân tạo sản phẩm phương tiện giao thông của nhóm và trang trí thêm các chi tiết theo ý thích cho sản phẩm.

Một số lưu ý đối với GV:

– Nhắc HS nội dung chính của bài là khối lặp lại nên sản phẩm phương tiện giao thông phải được tạo từ 2 khối cùng loại trở lên.

– Quan sát, nắm bắt được mức độ HS thực hành để có thể đưa ra gợi mở, thị phạm hướng dẫn, hoặc hỗ trợ HS kịp thời. Ví dụ: Sử dụng kéo an toàn khi cắt giấy màu, giấy bìa carton, giữ vệ sinh quần áo, bàn ghế, lớp học,...

– Tuỳ vào thực tế sản phẩm đang thực hành của HS, GV có thể nêu vấn đề, trao đổi với HS và gợi mở, khích lệ HS sáng tạo, chia sẻ ý tưởng, bày tỏ cảm xúc,... Ví dụ: Giới thiệu sản phẩm phương tiện giao thông đang thực hành, giới thiệu đặc điểm hình, khối của vật liệu (dạng khối cơ bản nào), giới thiệu hình, khối lặp lại trên sản phẩm,...

– Nếu tổ chức HS tạo sản phẩm cá nhân, GV có thể tổ chức, hướng dẫn các nhóm HS (thành viên mỗi nhóm có thể ít nhất là 6 HS) thảo luận, sắp xếp các sản phẩm tạo sản phẩm nhóm như: phương tiện giao thông di chuyển trên đường (đường bộ, đường sắt,...) và quang cảnh xung quanh; trưng bày sản phẩm phương tiện giao thông,...

– Sử dụng những thông tin thu được trong thực hành và kết hợp với các hoạt động học tập khác của HS để thực hiện đánh giá quá trình sát thực hơn.

2.3. Tổ chức HS trưng bày sản phẩm và trao đổi, nhận xét, chia sẻ cảm nhận

– Tổ chức HS trưng bày sản phẩm: Sản phẩm của HS là sản phẩm 3D, GV có thể hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm trên bàn, bục để dễ đi xung quanh quan sát.

– Tổ chức HS nhận xét, chia sẻ cảm nhận, GV có thể:

+ Tham khảo, sử dụng các gợi ý (tr.53).

+ Căn cứ vào quá trình thực hành, thảo luận và sản phẩm cụ thể của HS để gợi ý nội dung HS trao đổi, thảo luận, nhận xét,... tập trung vào mục tiêu bài học, hình thức thực hành và thời lượng phù hợp dành cho hoạt động và kĩ năng, tốc độ nói của HS.

– Nhận xét, đánh giá: GV dựa vào sự trao đổi, chia sẻ của HS và sản phẩm của HS, để nhận xét (toàn lớp/từng nhóm/từng cá nhân,...) và gợi mở HS nhớ lại hoạt động thực hành, thảo luận và liên hệ vận dụng sản phẩm.

HOẠT ĐỘNG 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục *Vận dụng*

– GV tổ chức HS quan sát hình ảnh minh hoạ phần *Vận dụng* (tr.54) hoặc sản phẩm phương tiện giao thông khác do GV chuẩn bị; GV gợi mở HS nhận ra:

+ Có thể tạo sản phẩm phương tiện giao thông khác từ hình, khối lặp lại theo ý thích.

+ Sản phẩm phương tiện giao thông sáng tạo từ vật liệu dạng khối lặp lại có thể dùng làm đồ chơi, trưng bày ở góc học tập,...

– Nếu thời lượng cho phép, GV có thể giới thiệu thêm sản phẩm phương tiện giao thông khác hoặc hướng dẫn cách làm.

– GV có thể tham khảo gợi ý tổ chức DH mục này ở *Phần hai, Hoạt động 3 (tr.36, 37)* của SGV để vận dụng DH phù hợp với điều kiện thực tiễn

HOẠT ĐỘNG 4. Tổng kết bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV tóm tắt nội dung chính của bài học; nhận xét kết quả học tập (chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,...; mức độ tham gia các hoạt động học tập; ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường, bảo quản sản phẩm, công cụ, đồ dùng;... của HS).

– GV nhắc HS: Tìm hiểu Bài 12 và chuẩn bị đồ dùng, công cụ theo hướng dẫn ở mục *Chuẩn bị*. Có thể nhắc HS chuẩn bị thêm đồ dùng, vật liệu, hoạ phẩm,... phù hợp với ý tưởng DH của bản thân về nội dung bài tiếp theo. Ví dụ: nam châm, khuy áo, hạt ngũ cốc,... (sử dụng làm chấm); que tre, que tính, ống hút,... (sử dụng làm nét).

Chủ đề 6. NHỊP ĐIỆU VUI

Nội dung chủ đề tập trung cụ thể hoá một số yêu cầu cần đạt quy định trong Chương trình Mĩ thuật lớp 2, cụ thể như sau:

– Tạo được sản phẩm có dạng hình, khối cơ bản.

– Biết vận dụng tính chất nhịp điệu của chấm, nét hoặc hình, màu trong thực hành, sáng tạo.

Với yêu cầu về tính chất nhịp điệu, có thể được hiểu là sự lặp lại các yếu tố tạo hình như chấm, nét, hình, màu,... mang tính chất luân phiên, theo quy luật một cách có chủ đích như: đều, nhanh, chậm, dày đặc – thưa thớt. Tuy nhiên, nội dung chủ đề này bước đầu giúp HS nhận biết với dấu hiệu của nhịp điệu đơn giản bằng đường lượn nhịp nhàng.

Bài 12. LÀM QUEN VỚI NHỊP ĐIỆU

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật như sau:

– Nhận biết được biểu hiện của nhịp điệu qua đường lượn nhịp nhàng trên một số hình ảnh quan sát. Bước đầu tìm hiểu, làm quen với sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật có biểu hiện của nhịp điệu.

– Bước đầu biết sắp xếp chấm, nét tạo được đường lượn nhịp nhàng (là biểu hiện của nhịp điệu đơn giản) trên sản phẩm và trao đổi, chia sẻ trong thực hành.

– Trưng bày, giới thiệu và chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS năng lực chung và một số năng lực đặc thù phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần hình thành, phát triển năng lực tính toán, hợp tác, giải quyết vấn đề,

được biểu hiện như: *biết xác định vị trí sắp xếp các chấm, nét để tạo nhịp điệu đơn giản trên sản phẩm và thống nhất với bạn để tạo các hình ảnh có kích thước tương đương nhau cho sản phẩm nhóm.*

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số phẩm chất chủ yếu như: chăm chỉ, trách nhiệm,... phù hợp với một số biểu hiện như đã nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, bồi dưỡng đức tính trung thực, lòng nhân ái được biểu hiện như: *nêu ý kiến nhận xét, bày tỏ cảm xúc theo cảm nhận của cá nhân và tôn trọng sản phẩm sáng tạo của bạn bè/nhóm bạn và người khác.*

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK, Vở thực hành, giấy màu, màu vẽ, bút lông, bút chì, tẩy chì, hồ dán, kéo, bìa giấy,... Có thể dùng vật liệu sẵn có dùng để làm chấm, nét (theo hướng dẫn HS ở Bài 11).

2. Giáo viên: SGK, SGV, Vở thực hành, giấy màu, kéo, bút chì; hình ảnh minh hoạ liên quan nội dung bài học và vật liệu sẵn có sử dụng làm chấm, nét; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nếu có).

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kĩ thuật dạy học: Đặt câu hỏi, động não, tia chớp,...

3. Hình thức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG 1. Ổn định lớp, khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể tham khảo một số gợi ý sau để tạo tâm thế học tập cho HS:

– Kiểm tra sĩ số và việc chuẩn bị đồ dùng, bài học của HS.

– Tổ chức hoạt động khởi động, giới thiệu bài. Ví dụ:

Cách 1: Nghe hoặc cùng hát bài hát "Nhịp điệu tuổi thơ" (Nhạc sĩ: Nguyễn Hiệp) và giới thiệu, gợi mở HS nhận ra giai điệu vui tươi trong bài hát. Từ đó, liên hệ giới thiệu nội dung bài học (nhịp trống rộn ràng, giai điệu vui vẻ).

Cách 2: GV tổ chức HS hoạt động nhóm thông qua trò chơi "Ai nhanh tay", thời gian khoảng 3 – 4 phút. GV chuẩn bị một số tờ giấy có chấm sẵn một số đường lượn, một số loại chấm (giấy màu, cúc, hạt đậu,...), nét (que tính, que tre,...).

– Nhiệm vụ: Mỗi nhóm sắp xếp các chấm, nét theo đường chấm trên giấy và miêu tả đường lượn nhóm vừa xếp được.

– GV dựa trên sản phẩm của các nhóm và gợi mở vào bài học.

– GV kích thích HS chú ý vào hoạt động tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

2.1. Tổ chức HS quan sát, nhận biết

2.1.1. Nhận biết biểu hiện của nhịp điệu

– GV tổ chức HS quan sát hình ảnh trong SGK, yêu cầu HS thảo luận (theo cặp hoặc nhóm nhỏ). Nội dung thảo luận trả lời câu hỏi (tr.56).

– GV có thể gợi mở rõ hơn: Chỉ ra đường lượn nhịp nhàng ở mỗi hình ảnh theo cảm nhận.

– GV tóm lược, nhận xét câu trả lời của HS và giới thiệu rõ hơn:

+ Hình ảnh cầu Rồng (Đà Nẵng): Có thiết kế hình một con rồng màu vàng. Các khúc lượn nhịp nhàng được lặp lại một cách đều đặn từ phần đầu đến phần đuôi của con rồng.

+ Hình toà nhà có lan can: Lan can trang trí, ngăn cách các tầng của toà nhà tạo thành các đường lượn so le nhau.

+ Hình khuông nhạc có các nhịp cố định: 2/4, 3/4... vị trí của các nốt nhạc tạo thành đường lượn (giai điệu âm thanh).

2.1.2. Nhịp điệu trong sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật

– GV kích thích khả năng nhận biết của HS và gợi mở, giới thiệu đường lượn biểu hiện của nhịp điệu ở mỗi sản phẩm, tác phẩm (GV cần chỉ trực tiếp trên hình ảnh để HS nhận biết rõ hơn):

+ Vải thổ cẩm: Nhịp điệu được thể hiện trong những hoạ tiết thêu trên vải thổ cẩm (những hình thoi nối với nhau thành nhịp ngang, những nét xoắn ốc kết hợp với nhau tạo thành nhịp lượn sóng).

+ Tranh khắc gỗ "Sóng lừng ngoài khơi Ka-na-ga-oa", của hoạ sĩ Hô-cư-sai, ông là hoạ sĩ tranh khắc gỗ nổi tiếng người Nhật Bản: Những sóng nước nhấp nhô cao thấp/lên xuống giống như đường lượn là biểu hiện của nhịp điệu trên bức tranh.

2.1.3. Liên hệ thực tế

GV gợi mở HS nhớ về những gì đã nhìn thấy, quan sát các hình ảnh, đồ vật, đồ dùng,... xung quanh và giới thiệu chi tiết/hình ảnh có biểu hiện nhịp điệu (GV có thể/nên kết hợp hình ảnh trực quan). Ví dụ:

– Hình ảnh thiên nhiên: dãy núi, sóng biển, đàn cá bơi.

– Hình ảnh trong cuộc sống: lan can ban công ở các khu nhà tập thể, chung cư, tường hoa trang trí...

– GV tóm tắt Hoạt động 2.1 (có thể sử dụng hình ảnh trực quan): trong thiên nhiên, trong cuộc sống có nhiều hình ảnh biểu hiện nhịp điệu.

– GV sử dụng câu hỏi gợi mở, nêu vấn đề,... để kích thích HS mong muốn thực hành sáng tạo. Ví dụ: Các em có muốn sắp xếp chấm, nét tạo nhịp điệu của để tạo cho mình sản phẩm mĩ thuật theo ý thích? Em sẽ tạo hình sản phẩm mĩ thuật gì?

2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo sản phẩm và thảo luận

2.2.1. GV hướng dẫn HS tìm hiểu cách thực hành (tr.57)

– GV tổ chức HS làm việc nhóm và giao nhiệm vụ: Quan sát hình minh hoạ trong SGK hoặc trên màn hình máy chiếu, trao đổi và nêu thứ tự các bước thực hành tạo nhịp điệu của chấm, nét. GV gợi mở HS cách thực hiện:

+ Tạo nhịp điệu bằng cách xếp chấm, trên nguyên tắc tạo sự lặp lại theo quy luật và khi nối các chấm sẽ tạo ra đường lượn, nguyên liệu giấy màu (hoặc các loại hạt đậu, cúc áo,...).

+ Xếp chấm tạo nhịp điệu như các hình minh hoạ trong SGK (tr.57).

– GV hướng dẫn HS cách xếp chấm sao cho khi nối các chấm tạo thành đường lượn sóng nhịp nhàng hình sin.

+ Tạo nhịp điệu của nét bằng cách xếp hình, nguyên liệu là que tính hoặc que kem, que tre.

+ Xếp nét tạo nhịp điệu như các hình minh hoạ trong SGK (tr.57).

– GV hướng dẫn HS cách xếp nét trên nguyên tắc tạo sự lặp lại theo quy luật và có đường lượn.

2.2.2. Tổ chức HS thực hành và gợi mở nội dung trao đổi, thảo luận

– HS thực hành cá nhân và trao đổi, chia sẻ:

+ GV giao nhiệm vụ cho HS: Sắp xếp chấm, nét lặp lại để tạo đường lượn có nhịp điệu (trong Vở thực hành hoặc trên giấy A4, bìa giấy, bảng,...).

+ GV gợi mở HS: Sử dụng vật liệu sẵn có như: giấy, que tre, que tính, que diêm, ống hút,... làm nét; giấy, nam châm, hạt đậu, khuy áo,... làm chấm và gắn/dán bằng hồ dán hoặc băng dính/băng keo,...

GV lưu ý HS: Nếu tạo chấm, nét hoặc hình cắt giấy, cắt ống hút cần tạo kích thước phù hợp với khuôn khổ Vở thực hành hoặc giấy, bảng,...

+ GV gợi mở HS trao đổi, chia sẻ trong thực hành. Ví dụ nội dung trao đổi như: lựa chọn chất liệu, màu sắc, cách sắp xếp lặp lại,...

– HS tạo sản phẩm nhóm và trao đổi, chia sẻ (tuỳ số lượng thành viên của mỗi nhóm để hướng dẫn HS tạo sản phẩm nhóm trên khổ giấy A3 hoặc A2,...).

+ GV giao nhiệm vụ cho nhóm HS: Sử dụng giấy xé tạo chấm, nét hoặc hình ảnh yêu thích (con vật, hoa, quả, đồ vật,...) và sắp xếp, dán tạo đường lượn có nhịp điệu theo ý thích trên sản phẩm nhóm.

+ GV gợi mở nhóm HS: Có thể chọn nội dung sắp xếp là các chấm hoặc nét, hình ảnh. Các hình ảnh có thể là con vật (cá, cua, mèo, gà, chim, thỏ,...); hoa (nhiều cánh hoa, ít cánh hoa, cánh hoa tròn, cánh hoa nhọn,...); quả (dạng tròn, dài,...);...

+ GV tham khảo hướng dẫn nhóm HS thực hiện như sau:

• Thảo luận, thống nhất nội dung chủ đề của sản phẩm (con vật, hoa quả, đồ vật,...).

• Phân công cá nhân tạo hình ảnh đơn lẻ và thực hiện bằng cách: vẽ tạo hình ảnh bằng nét, cắt hoặc xé theo nét vẽ để có hình ảnh rời, có thể vẽ thêm chấm, nét tạo các chi tiết và trang trí cho sản phẩm. Có thể phân công nhiệm vụ cho từng nhóm nhỏ như: nhóm tạo hình sản phẩm đơn lẻ, nhóm tạo nền cho bức tranh.

• Thảo luận, thống nhất cách sắp xếp các hình ảnh để khi nối các hình ảnh tạo đường lượn có tạo nhịp điệu. (Ví dụ: hình sin/hình sóng nước, vòng cung, ô van,... kiểu ngang, dọc/đứng, xiên,...). Có thể tạo thêm chi tiết khác cho sản phẩm nhóm.

+ GV giới thiệu cách tạo sản phẩm như hình minh hoạ: sắp xếp các con cá nối nhau tạo thành đường lượn nhịp nhàng trên nền giống như mặt nước biển màu xanh nhạt và hình sóng nước màu xanh đậm (tr.58). Kết hợp giới thiệu cách sắp xếp hình

các con cá ở hình một số sản phẩm nhóm (tr.58) và chỉ ra đường lượn trên sản phẩm để HS nhận biết rõ hơn.

GV lưu ý HS: Các sản phẩm đơn lẻ do các cá nhân làm cần có kích thước tương đối đều nhau và màu sắc có thể giống hoặc khác nhau theo ý thích. Có thể sử dụng giấy/bảng làm nền cho bức tranh, màu nền có thể là màu trắng, màu đỏ, màu xanh,...; hoặc có thể tạo các chi tiết như sóng nước, mây, tia nắng,...

Một số lưu ý đối với GV:

– Quan sát HS thực hành, hướng dẫn sử dụng kéo an toàn, hồ dán bảo đảm vệ sinh, sử dụng màu gọn gàng,...; kết hợp trao đổi, nêu vấn đề, gợi mở hướng dẫn HS thực hành và hỗ trợ HS nếu cần thiết.

– Nhắc HS quan sát các bạn trong nhóm, trong lớp và tự đưa ra nhận xét/ý kiến. Ví dụ: kích thước, màu sắc của hình ảnh, cách sắp xếp,...

– Khích lệ HS sắp xếp các sản phẩm đơn lẻ theo nhiều kiểu khác nhau (sắp xếp thử) và nhóm thống nhất chọn một hình thức sắp xếp theo ý thích để dán vị trí cố định trên mặt phẳng giấy.

– Gợi mở các nhóm HS trao đổi vận dụng. Ví dụ: Sản phẩm của nhóm em có thể treo/dán trưng bày hoặc trang trí ở đâu?

– Sử dụng những thông tin thu được trong thực hành và kết hợp với các hoạt động học tập khác của HS để thực hiện đánh giá quá trình sát thực hơn.

Cánh Diều

2.3. Tổ chức HS trao đổi, chia sẻ cảm nhận và nhận xét về sản phẩm

– Tuỳ vào không gian lớp học, GV có thể tổ chức HS trưng bày sản phẩm. Ví dụ: Sử dụng bảng để dán, sử dụng mặt bàn học để trưng bày sản phẩm, sử dụng dây, dùng kẹp để trưng bày sản phẩm xung quanh lớp học,...

– GV tổ chức HS quan sát toàn bộ và lần lượt các sản phẩm, gợi mở HS trao đổi, chia sẻ, nhận xét dựa trên gợi ý trong SGK và có thể tham khảo một số gợi ý sau:

+ Sản phẩm của em/nhóm em có gì khác với sản phẩm của các bạn/các nhóm khác (kiểu đường lượn/màu sắc).

+ Để tạo thành sản phẩm của nhóm, em và các bạn đã làm như thế nào?

– Dựa trên sự trao đổi, chia sẻ của HS, GV đánh giá kết quả thực hành, kích thích HS nhớ lại quá trình thực hành tạo sản phẩm.

HOẠT ĐỘNG 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục *Vận dụng*

– GV tổ chức HS quan sát hình ảnh minh hoạ trong SGK (tr.59), gợi mở HS nhận ra có thể sắp xếp các hình ảnh, màu sắc để tạo đường lượn có nhịp điệu trên sản phẩm bằng cách vẽ, xé dán và chia sẻ cảm nhận.

– GV có thể/nên chỉ trực tiếp về biểu hiện của đường lượn có nhịp điệu từ các hình ảnh, màu sắc thể hiện trên sản phẩm để HS nhận biết rõ hơn.

– GV có thể tham khảo gợi ý tổ chức DH mục này ở *Phần hai, Hoạt động 3 (tr.36, 37)* của SGV để vận dụng DH phù hợp với điều kiện thực tiễn.

HOẠT ĐỘNG 4. Tổng kết bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

– GV tóm tắt nội dung chính của bài học; nhận xét kết quả học tập (chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,...; mức độ tham gia các hoạt động học tập và sản phẩm sáng tạo của HS); kết hợp sử dụng câu chốt cuối bài học (tr.59) và liên hệ bồi dưỡng ý thức tôn trọng sản phẩm sáng tạo của bạn và người khác.

– GV nhắc HS: Xem Bài 13 và chuẩn bị đồ dùng, công cụ theo hướng dẫn ở mục *Chuẩn bị*. GV có thể nhắc HS chuẩn bị thêm đồ dùng, vật liệu, hoạ phẩm,... phù hợp với ý tưởng DH của bản thân về nội dung Bài 13.

Cánh Diều

Bài 13. CHIẾC BÁNH SINH NHẬT

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật như sau:

– Nêu được hình dạng của chiếc bánh sinh nhật và cách tạo hình, sắp xếp chấm, nét tạo nhịp điệu trên chiếc bánh sinh nhật có dạng khối cơ bản.

– Tạo được sản phẩm chiếc bánh sinh nhật có dạng khối cơ bản và sử dụng được chấm, nét để sắp xếp tạo nhịp điệu trên sản phẩm. Biết trao đổi, chia sẻ trong thực hành, sáng tạo.

– Trưng bày, giới thiệu, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm. Bước đầu nhận ra có nhiều cách sắp xếp chấm, nét tạo nhịp điệu để trang trí, tạo sự hấp dẫn cho sản phẩm chiếc bánh sinh nhật.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS năng lực chung và một số năng lực đặc thù phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần hình thành, phát triển năng lực giải quyết vấn đề, được biểu hiện như: *biết vận dụng một số kĩ năng tạo hình với đất nặn như lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt,... để tạo hình và trang trí sản phẩm chiếc bánh sinh nhật.*

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số phẩm chất chủ yếu như: chăm chỉ, trung thực,... phù hợp với một số biểu hiện như đã nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần bồi dưỡng tinh thần trách nhiệm, lòng nhân ái, được biểu hiện như: *giữ vệ sinh cho bản thân và lớp học trong thực hành với đất nặn; tôn trọng ý tưởng tạo hình và cách sử dụng màu sắc, chấm, nét,... để trang trí sản phẩm chiếc bánh sinh nhật của bạn bè và người khác; có ý thức quan tâm đến sinh nhật của người thân và bạn bè.*

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK, đất nặn và bộ công cụ thực hành với đất nặn.

2. Giáo viên: SGK, SGV, đất nặn và bộ công cụ thực hành với đất nặn, hình ảnh minh hoạ liên quan nội dung bài học; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nếu có).

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kĩ thuật dạy học: Đặt câu hỏi, động não, tia chớp,...

3. Hình thức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG 1. Ổn định lớp, khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể tham khảo một số gợi ý sau để tạo tâm thế học tập cho HS:

– Kiểm tra sĩ số và việc chuẩn bị đồ dùng, bài học của HS.

– Tổ chức hoạt động khởi động, giới thiệu bài. Ví dụ:

Cách 1: Tổ chức HS nghe hoặc cùng hát bài hát "Chúc mừng sinh nhật" (Happy birthday) – nhạc nước ngoài và liên hệ giới thiệu bài học.

Cách 2: Gợi mở HS chia sẻ mong muốn về món quà được tặng trong ngày sinh nhật của mình (hoặc món quà mình sẽ tặng nhân dịp sinh nhật người thân).

Lưu ý: Món quà có dạng hình, khối cơ bản.

GV có thể gợi mở HS kể tên và giới thiệu đặc điểm của một số hình, khối cơ bản (hình tròn, vuông, tam giác; khối lập phương, khối trụ, khối chữ nhật, khối cầu,...).

GV tóm lược ý kiến của HS, liên hệ giới thiệu bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

2.1. Tổ chức HS quan sát, nhận biết

2.1.1. Sử dụng hình một số chiếc bánh (tr.60)

– GV tổ chức HS quan sát hình ảnh trong SGK và giao nhiệm vụ: Trao đổi, giới thiệu chi tiết lặp lại tạo nhịp điệu trên mỗi chiếc bánh theo cảm nhận.

– GV nhận xét câu trả lời của HS và giới thiệu, gợi mở giúp HS nhận ra một số chi tiết giống chấm, nét, hình được sắp xếp tạo biểu hiện của nhịp điệu trên mỗi chiếc bánh.

+ Bánh hình con khủng long: Các hình tam giác màu cam gắn trên lưng con khủng long tạo thành một đường lượn uyển chuyển hình vòng cung.

+ Bánh hình vuông: Sử dụng socola màu trắng tạo nét lượn sóng trang trí xung quanh bề mặt của bánh tạo thành đường lượn có nhịp điệu lên xuống nhịp nhàng. Mảng socola đen chảy xuống ở cạnh đứng của chiếc bánh tạo thành nhịp điệu đều đặn hoặc đường lượn dài, ngắn nhịp nhàng.

+ Bánh các quả bóng: Mỗi quả bóng là một chấm to được lặp lại trên mặt đế bánh. Tương tự, những chấm đen trên quả bóng là những chấm nhỏ tạo thành một nhịp điệu vui mắt.

2.1.2. GV có thể/nên sử dụng hình chiếc bánh (tr.61, 62) hoặc hình ảnh sưu tầm (nếu có)

GV giúp HS nhận ra những chi tiết giống chấm, nét và màu sắc được sắp xếp tạo nhịp điệu trang trí trên mỗi chiếc bánh.

Cánh Diều

GV tóm tắt nội dung Hoạt động 2.1. (có thể/nên kết hợp hình ảnh trực quan)

Cùng với màu sắc rực rỡ, chiếc bánh sinh nhật được trang trí có nhịp điệu sẽ tạo sự hấp dẫn hơn.

– GV sử dụng câu hỏi gợi mở, nêu vấn đề,... để kích thích HS hứng thú với thực hành. Ví dụ: Các em có muốn sáng tạo bánh sinh nhật và trang trí có nhịp điệu từ chấm, nét để làm đẹp hơn cho sản phẩm chiếc bánh?

2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo sản phẩm và thảo luận, chia sẻ

2.2.1. Hướng dẫn HS tìm hiểu một số cách tạo hình và trang trí bánh sinh nhật (tr.61)

– GV tổ chức HS quan sát và giao nhiệm vụ: trao đổi, chia sẻ, gợi mở HS nêu hình dạng, cách tạo hình mỗi chiếc bánh và trang trí tạo nhịp điệu.

– GV nhận xét ý kiến của HS và giới thiệu, hướng dẫn HS cách thực hành dựa trên các hình minh hoạ, kết hợp thị phạm, giải thích:

* Dùng đất nặn để tạo hình và trang trí bánh có dạng khối trụ.

Bước 1: Tạo thân bánh

Sử dụng một số thao tác như: lăn tròn, ấn dẹt,... để tạo hình khối trụ theo ý thích. Có thể tạo một khối trụ để thân bánh. Hoặc có thể tạo nhiều khối trụ và xếp chồng lên nhau để tạo thành một chiếc bánh có nhiều tầng.

Bước 2: Tạo chi tiết giống chấm, nét để trang trí

Sử dụng một số thao tác như: xoay tròn, lăn dọc, cán mỏng và cắt,... để tạo chấm, kiểu nét theo ý thích (lượn sóng, gấp khúc, xoắn ốc,...) có màu sắc khác nhau. Hoặc có thể tạo riêng một bề mặt cho chiếc bánh để đặt lên khối trụ thân bánh.

Bước 3: Hoàn thiện sản phẩm

Sắp xếp các chi tiết tạo nhịp điệu để trang trí phần thân và mặt trên của chiếc bánh.

* Dùng đất nặn để tạo hình và trang trí bánh có dạng khối tam giác. Tương tự như cách tạo hình và trang trí bánh hình khối trụ.

Bước 1: Tạo thân bánh

Sử dụng một số thao tác như: vê tròn, lăn dọc, ấn dẹt, cắt,... tạo hình khối tam giác theo ý thích.

Bước 2: Tạo chi tiết giống chấm, nét để trang trí

Tham khảo bước 2 trong tạo sản phẩm bánh sinh nhật hình khối trụ.

Bước 3: Hoàn thiện sản phẩm

Sắp xếp các chi tiết tạo nhịp điệu để trang trí bề mặt trên và phần thân của chiếc bánh.

– GV nhắc HS (có thể/nên kết hợp hình ảnh trực quan):

+ Có thể sử dụng vật liệu sẵn có dạng khối để làm thân bánh. (Ví dụ: bánh hình tam giác sử dụng xốp màu trắng làm thân bánh).

+ Cán đất mỏng (không nên mỏng quá) để bao quanh thân và gắn lên mặt trên của hình khối trụ.

+ Sắp xếp chấm, nét trên nguyên tắc tạo sự lặp lại theo quy luật để tạo đường lượn có nhịp điệu.

+ Sử dụng màu sắc khác nhau để tạo sản phẩm chiếc bánh (thân bánh, mặt trên của bánh và các chi tiết trang trí) và cần có màu đậm, màu nhạt để sản phẩm hấp dẫn hơn.

+ Tuỳ khả năng của HS để gợi mở HS trang trí toàn bộ phần thân và mặt trên của bánh hoặc chỉ trang trí mặt trên của bánh.

2.2.2. Tổ chức HS thực hành, kết hợp trao đổi, chia sẻ cảm nhận

GV có thể tổ chức HS tạo sản phẩm cá nhân hoặc tạo sản phẩm nhóm và tham khảo gợi ý dưới đây:

– HS tạo sản phẩm cá nhân và trao đổi, chia sẻ:

+ GV giao nhiệm vụ cho HS thực hành: Sử dụng đất nặn (có thể kết hợp vật liệu sẵn có dạng khối) để tạo hình bánh có dạng khối theo ý thích và tạo các chi tiết để sắp xếp có nhịp điệu trang trí cho chiếc bánh.

+ GV gợi mở HS tham khảo hình một số sản phẩm giới thiệu trong SGK (tr.61, 62) và Vở thực hành, giúp HS có thể lựa chọn hình khối cho sản phẩm và cách trang trí.

+ GV nhắc HS quan sát các bạn thực hành và gợi mở nội dung HS trao đổi, chia sẻ trong thực hành. Ví dụ: hình dạng của chiếc bánh; màu sắc của thân bánh và các chi tiết trang trí; đường lượn thể hiện nhịp điệu như thế nào trên chiếc bánh của mình, của bạn; tặng bánh cho ai?...

Cánh Diều

– HS tạo sản phẩm nhóm và trao đổi, chia sẻ:

+ Thống nhất hình dạng của chiếc bánh (khối trụ, lập phương, chữ nhật,...).

+ Thống nhất màu sắc của chiếc bánh hoặc màu của thân, của bề mặt bánh và các màu đất để tạo chấm, nét trang trí.

+ Phân công thành viên tạo phần thân, tạo chấm, nét, hình,... để trang trí.

+ Sắp xếp các chi tiết (chấm, nét,...) lặp lại theo các cách khác nhau và thống nhất chọn một cách để gắn lên thân, bề mặt bánh tạo nhịp điệu trang trí trên sản phẩm chiếc bánh.

+ Có thể tạo thêm chi tiết như: nến, cờ, hoa,... ở sản phẩm.

+ Đặt tên cho sản phẩm và chuẩn bị lời giới thiệu, chia sẻ ý tưởng tặng sản phẩm cho ai?

Một số lưu ý đối với GV:

– Quan sát HS thực hành, trao đổi và nắm bắt mức độ thực hiện nhiệm vụ, thao tác thực hành (lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt, cắt,... đất nặn) để có thể hướng dẫn, gợi ý, thị phạm, hỗ trợ HS kịp thời.

– Gợi nhắc HS trao đổi, nêu câu hỏi, trả lời câu hỏi, nhận xét, chia sẻ cảm nhận,... về sản phẩm của mình, của bạn/của nhóm trong thực hành như: đặc điểm về hình khối của chiếc bánh; kể tên màu sắc; giới thiệu màu đậm, màu nhạt, đường lượn được tạo từ những chi tiết nào; cách sắp xếp các chi tiết (chấm, nét, hình, màu) tạo đường lượn có nhịp điệu;...

– Gợi mở HS có thêm ý tưởng sáng tạo, khích lệ HS trang trí theo ý thích, phù hợp với khả năng của cá nhân và tạo sự độc đáo cho sản phẩm.

– Gợi mở HS chia sẻ ý tưởng trưng bày và đặt tên cho sản phẩm cá nhân/nhóm.

– Sử dụng những thông tin thu được trong thực hành và kết hợp với các hoạt động học tập khác của HS để thực hiện đánh giá quá trình sát thực hơn.

2.3. Tổ chức HS trao đổi, chia sẻ cảm nhận và nhận xét về sản phẩm

– Tuỳ vào không gian lớp học, GV có thể tổ chức HS trưng bày sản phẩm. Ví dụ: Sử dụng mặt bàn học để trưng bày sản phẩm với hình thức cửa hàng bán bánh, hoặc kết hợp với nến gợi khung cảnh một buổi lễ sinh nhật,...

– GV tổ chức HS quan sát toàn bộ và lần lượt các sản phẩm, gợi mở HS trao đổi, chia sẻ dựa trên một số gợi ý trong SGK và thực tế sản phẩm của HS. Ví dụ:

+ Em thích sản phẩm của bạn nào/nhóm nào?

+ Sản phẩm của em/nhóm em có gì khác với sản phẩm của các bạn/nhóm bạn về hình khối, nhịp điệu, màu sắc,...

– GV tóm lược các ý kiến chia sẻ, nhận xét của HS, kết hợp đánh giá kết quả thực hành, ý thức học tập; gợi mở HS ý tưởng tạo sản phẩm khác hoặc cách trang trí bằng cách sắp xếp chấm, nét, hình, màu tạo nhịp điệu với hình thức tạo hình như vẽ, in,...

HOẠT ĐỘNG 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục *Vận dụng*

– GV tổ chức HS quan sát hình ảnh minh hoạ SGK và gợi mở HS chia sẻ cảm nhận về nhịp điệu trên mỗi sản phẩm và cách tạo sản phẩm từ hình thức vẽ kết hợp cắt dán.

– GV có thể giới thiệu rõ hơn mỗi hình ảnh sản phẩm:

Sản phẩm "Ba ngọn nến" của Hồng Minh:

Cách tạo sản phẩm bánh sinh nhật từ bìa giấy, kết hợp vẽ màu (nếu thời gian cho phép, GV có thể hướng dẫn, minh hoạ cụ thể): cắt các dải giấy bìa có kích thước gần bằng nhau về độ dài (độ rộng/chiều cao nên bằng nhau); sau đó uốn cong các dải bìa giấy và dán lần lượt từng dải giấy, cố định hai đầu dải giấy trên mặt phẳng giấy/bìa giấy làm nền, sao cho đoạn giữa có độ phồng. Các dải giấy dán theo thứ tự: dải có kích thước dài nhất dán trước, tiếp theo các dải khác có độ ngắn dần để tạo các tầng của chiếc bánh. Trên cùng có thể trang trí các cây nến hoặc bông hoa, quả bóng,...

– GV có thể tham khảo gợi ý tổ chức DH mục này ở *Phần hai, Hoạt động 3 (tr.36, 37)* của SGV để vận dụng DH phù hợp với điều kiện thực tiễn.

HOẠT ĐỘNG 4. Tổng kết bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

– Dựa trên sự chuẩn bị bài học, quá trình học tập và kết quả thực hành của HS và đối chiếu với mục tiêu bài học..., GV tổng kết, đánh giá kết quả học tập (chuẩn bị, ý thức, thực hiện nhiệm vụ, thao tác thực hành,...) kết hợp sử dụng câu chốt cuối bài học trong SGK để gợi nhắc HS ghi nhớ.

– GV nên kết hợp bồi dưỡng ở HS ý thức quan tâm đến người thân, bạn bè trong cuộc sống, vào ngày lễ, tết, sinh nhật,... như lời hỏi thăm, chúc mừng sinh nhật,... để người được chúc mừng cảm thấy ấm áp và vui hơn.

– GV nhắc HS: Xem trước Bài 14 và chuẩn bị đồ dùng, công cụ theo hướng dẫn ở mục *Chuẩn bị*. GV có thể nhắc HS chuẩn bị thêm đồ dùng, vật liệu, hoạ phẩm,... phù hợp với ý tưởng DH của bản thân về nội dung Bài 14.

Chủ đề 7. CUỘC SỐNG VUI NHỘN

Nội dung chủ đề tập trung cụ thể hoá một số yêu cầu cần đạt quy định trong Chương trình Mĩ thuật lớp 2, cụ thể như sau:

– Biết xác định nội dung chủ đề và lựa chọn công cụ, vật liệu để thực hành, sáng tạo.

– Nhận ra được cùng một chủ đề có thể sử dụng chất liệu hoặc hình thức tạo hình khác nhau.

Đồng thời, nội dung chủ đề kết hợp củng cố, luyện tập những điều đã học trong học kì 2 và năm học lớp 2. Ví dụ:

– Vận dụng được sự lặp lại của hình, khối.

– Vận dụng được tính chất lặp lại, nhịp điệu của chấm, nét hoặc hình, màu.

– Kết hợp được một số hình thức vẽ, gấp, cắt, xé, dán, in, nặn,...

– Liên hệ một số nội dung đã học trong học kì 1 như: màu cơ bản, màu đậm, màu nhạt, trang trí chấm, nét lặp lại,...

Bài 14. CON VẬT NUÔI QUEN THUỘC

(2 tiết)

Cánh Diều

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật như sau:

– Nêu được tên, đặc điểm nổi bật của một số con vật nuôi quen thuộc và cách tạo sản phẩm con vật nuôi bằng các cách khác nhau.

– Vận dụng được sự lặp lại của hình, khối để tạo sản phẩm con vật nuôi yêu thích và trao đổi, chia sẻ trong thực hành.

– Trưng bày, giới thiệu và chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm con vật của mình, của bạn. Bước đầu biết được có thể tạo sản phẩm một con vật nuôi bằng nhiều cách.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS năng lực chung và một số năng lực đặc thù phù hợp với một số biểu hiện ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần

hình thành, phát triển năng lực tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề, tính toán, được biểu hiện như: *biết chuẩn bị vật liệu sẵn có thể thực hành; biết vận dụng hiểu biết về đơn vị đo độ dài để xác định kích thước, tỉ lệ các bộ phận và hình trang trí cho sản phẩm con vật nuôi.*

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số phẩm chất chủ yếu như: chăm chỉ, trung thực,... phù hợp với một số biểu hiện như đã nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần bồi dưỡng ý thức trách nhiệm, lòng nhân ái được biểu hiện như: *giữ vệ sinh đồ dùng, trang phục, lớp học trong và sau khi thực hành; tôn trọng sự lựa chọn vật liệu và cách tạo hình sản phẩm của bạn, của người khác; có ý thức bảo vệ động vật trong đời sống hằng ngày.*

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK, Vở thực hành, giấy màu thủ công, giấy bìa carton, bút chì, tẩy chì, màu sáp, màu goát, băng keo/hồ dán, kéo,...

2. Giáo viên: SGK, SGV, Vở thực hành, giấy màu thủ công, giấy bìa carton, màu goát, màu sáp, kéo, bút chì, băng dính/hồ dán; đồ dùng trực quan liên quan đến nội dung bài học, máy tính, máy chiếu (nếu có),...

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, vấn đáp, gợi mở, luyện tập, thực hành, thảo luận, hợp tác nhóm,...

2. Kĩ thuật dạy học: Khăn trải bàn, tia chớp.

3. Hình thức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG 1. Ổn định lớp, khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể tham khảo một số gợi ý sau để tạo tâm thế học tập cho HS:

– Kiểm tra sĩ số và việc chuẩn bị đồ dùng, bài học của HS.

– Tổ chức hoạt động khởi động, giới thiệu bài. Ví dụ:

+ *Cách 1:* GV cho HS nghe bài hát "Gà trống, mèo con và cún con" (Nhạc sĩ: Thế Vinh) và liên hệ giới thiệu nội dung bài học.

+ *Cách 2:* GV tổ chức nhóm HS tham gia trò chơi "Giải câu đố", thời gian: khoảng 2 – 3 phút. GV sưu tầm một số câu đố về các con vật nuôi và lần lượt đưa ra từng câu đố về: con trâu, con gà, con chó, con lợn/heo,... GV mời cá nhân HS trả lời từng câu đố.

GV nhận xét câu trả lời của HS và khéo léo liên hệ giới thiệu nội dung bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

2.1. Tổ chức HS quan sát, nhận biết

2.1.1. Sử dụng hình ảnh các con vật nuôi (tr.64)

– GV hướng dẫn HS quan sát và giao nhiệm vụ: HS thảo luận, trả lời câu hỏi trong SGK.

– GV có thể đưa ra những câu hỏi gợi mở ở các mức độ khác nhau (câu hỏi biết, hiểu, vận dụng) để HS đưa ra câu trả lời. Ví dụ: Câu hỏi về tên, hình dáng, các bộ phận, màu sắc, môi trường sống, hoạt động của mỗi con vật,...; câu hỏi mở rộng. Giới thiệu thêm về con vật nuôi quen thuộc khác mà HS biết.

– Sau khi HS trả lời, GV nhận xét và chốt lại nội dung kiến thức HS vừa tìm hiểu khám phá: tên mỗi con vật, đặc điểm nổi bật và đặc tính, lợi ích, môi trường sống của mỗi con vật.

2.1.2. Sử dụng hình ảnh sưu tầm và liên hệ thực tế

Để HS thấy được sự đa dạng của các con vật nuôi, GV có thể cho HS quan sát thêm một số hình ảnh con vật nuôi khác do GV chuẩn bị mà trong SGK không có.

Sử dụng hình minh hoạ sản phẩm các con vật nuôi (tr.65)

– Trọng tâm ở các hình ảnh này là giúp HS nhận biết được có nhiều hình thức để tạo sản phẩm một con vật nuôi.

– GV cho HS quan sát và gợi mở HS nhận hình ảnh mỗi cặp sản phẩm trong SGK mô phỏng con vật nuôi nào. GV có thể trình chiếu hình ảnh hoặc in các cặp sản phẩm con vật nuôi minh hoạ ở trong SGK lên trên khổ giấy A3 rồi đính trên bảng và cho HS lên chỉ ra những chi tiết trên sản phẩm đã giúp HS nhận ra đặc điểm của con vật. Ví dụ: Em quan sát mỗi cặp sản phẩm và nhận ra đó là con vật nuôi nào? Chi tiết nào trên sản phẩm giúp em nhận ra con vật nuôi đó?...

– Để HS nhận ra điểm giống và khác nhau về hình dạng/hình thức thể hiện con vật ở mỗi cặp sản phẩm, GV có thể đưa ra các câu hỏi gợi mở về các bộ phận,

các chi tiết được tạo bởi hình khối, màu sắc, chất liệu,... ở trên mỗi sản phẩm; hình, khối nào tạo sự khác nhau giữa hai sản phẩm.

GV tổng kết nội dung Hoạt động 2.1.

– Mỗi con vật có hình dáng, đặc điểm khác nhau.

– Chúng ta có thể tạo sản phẩm con vật nuôi quen thuộc bằng nhiều hình thức, vật liệu, màu sắc khác nhau.

GV gợi nhắc HS, kích thích hứng thú của HS với việc thực hành, sáng tạo sản phẩm vật nuôi.

2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo sản phẩm và thảo luận, chia sẻ

2.2.1. Hướng dẫn HS cách tạo hình một vật nuôi bằng nhiều hình thức khác nhau (tr.66)

– Tạo hình con mèo từ giấy bìa carton kết hợp vẽ trang trí lặp lại:

+ GV hướng dẫn HS quan sát hình minh hoạ và yêu cầu HS thảo luận, nêu cách thực hành theo cảm nhận.

+ GV nhận xét câu trả lời của HS và phân tích, gợi mở kết hợp hướng dẫn hoặc thị phạm minh hoạ và tương tác với HS dựa trên các bước trong SGK:

* *Cách 1:* Chọn 1 hoặc 2 miếng bìa carton phẳng, sạch, có kích thước nhỏ vừa phải. Màu vẽ có thể dùng màu sáp hoặc màu goát theo ý thích.

Bước 1: Tạo hình các bộ phận của con mèo

+ Vẽ hình con mèo lên trên miếng bìa đã chọn. Có thể vẽ các bộ phận đầu, thân, đuôi của mèo trong cùng một miếng bìa, vẽ chân của mèo là 2 hình giống với hình cánh cung. Vẽ thêm hình mắt, mũi, miệng, râu vào phần đầu của con mèo (tr.66). Có thể dùng bút chì, bút dạ, bút sáp,... để vẽ theo ý thích.

+ Dùng kéo cắt theo các nét hình đã vẽ trên miếng bìa. Để tạo sự sinh động cho sản phẩm, nên giữ lại phần nét đã vẽ trên miếng bìa tương ứng với mỗi bộ phận của con mèo.

+ Dùng bút chì vạch 2 nét thẳng, gắn vị trí phần bụng thân mèo, dùng kéo cắt theo nét chì đã vạch để dễ dàng ghép hình bộ phận chân của mèo.

+ Vẽ trang trí lặp lại theo ý thích: Chọn màu tươi sáng; có thể vẽ chấm, nét, hình,... lặp lại theo ý thích (đối xứng, lặp lại tự do,...) lên trên các hình bộ phận đã tạo được.

Cánh Diều

Bước 2: Tạo hình sản phẩm con mèo

Ghép hình bộ phận chân với hình bộ phận thân để có sản phẩm con mèo (tr.66).

Bước 3: Trang trí chấm, nét hoặc vẽ hình lặp lại ở thân và các bộ phận của con mèo. Có thể trang trí hai bên của mỗi miếng bìa cho từng bộ phận.

Lưu ý:

+ Trong hướng dẫn, minh hoạ cách thực hành, tuỳ vào khả năng nắm bắt của HS mà GV thực hiện nhanh hay chậm các thao tác minh hoạ và thuyết trình.

+ GV có thể hướng dẫn HS cách thực hiện bước 1 theo cách vẽ các bộ phận đầu, thân, chân, đuôi, mắt mũi miệng tai, râu trong cùng một hình chung rồi cắt theo nét bao hình xung quanh.

+ GV có thể đổi thứ tự thực hiện của bước 2 và bước 3.

+ GV có thể gợi ý HS cắt thêm một miếng bìa hình chữ nhật dài dán vào phía dưới hình con mèo để tay có thể cầm nắm khi di chuyển.

– Tạo hình con mèo từ vật liệu hình khối kết hợp trang trí lặp lại:

+ GV hướng dẫn HS quan sát hình minh hoạ và yêu cầu HS thảo luận, nêu cách thực hành theo cảm nhận.

+ GV nhận xét câu trả lời của HS và phân tích, gợi mở kết hợp hướng dẫn hoặc thị phạm minh hoạ và tương tác với HS dựa trên các bước trong SGK:

* *Cách 2:* Chọn 1 vỏ hộp giấy dạng khối chữ nhật, giấy bìa màu, màu vẽ theo ý thích.

Bước 1: Tạo hình các bộ phận

+ Thân: Cắt và dán giấy màu lên các mặt của khối hộp hình chữ nhật đã chọn. Có thể chọn 1 màu hoặc nhiều màu cho phần thân của mèo (chọn theo ý thích).

+ Đầu, chân, tai, đuôi: Dùng bút chì hoặc bút sáp màu vẽ lên trên miếng bìa carton/giấy màu 1 hình tròn (cho phần đầu, mặt), 4 hình chữ nhật nhỏ, ngắn (cho 4 chân), 2 hình tam giác nhỏ (cho 2 cái tai), 1 hình chữ nhật dài (cho phần đuôi). Vẽ thêm hình mắt, mũi, miệng, râu vào hình tròn để tạo khuôn mặt, vẽ thêm nét ngắn lên 4 hình chữ nhật nhỏ tạo móng chân. Dùng kéo cắt rời các bộ phận vừa vẽ, khi cắt để lại nét bao hình tạo sự sinh động cho sản phẩm.

Bước 2: Ghép các bộ phận tạo sản phẩm hình con mèo và trang trí lặp lại

+ Dán, ghép các bộ phận: thân, đầu, tai, chân, đuôi để tạo sản phẩm hình con mèo.

+ Vẽ trang trí hình, chấm, nét lặp lại trên các hình bộ phận theo ý thích.

+ Có thể thực hiện thao tác để tạo độ cong cho đuôi mèo bằng cách dùng cán bút vuốt nhẹ vào hình làm đuôi mèo.

– GV có thể giới thiệu thêm một số hình ảnh sản phẩm con mèo hoặc sản phẩm con vật nuôi khác (nếu có), giúp HS biết được có thể tạo hình một con vật nuôi bằng nhiều hình thức khác nhau.

– GV gợi mở HS chia sẻ ý tưởng tạo sản phẩm. Ví dụ: Tạo sản phẩm con vật nuôi nào, chọn vật liệu, cách tạo sản phẩm, chọn hình, chấm hay nét để trang trí lặp lại.

2.2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo sản phẩm nhóm và trao đổi, chia sẻ

– GV giao bài tập: Tạo hình một con vật bằng hai cách khác nhau.

– GV hướng dẫn, gợi mở nhóm HS thực hiện nhiệm vụ:

+ Thảo luận, lựa chọn con vật nuôi làm hình mẫu để tạo hình. Ví dụ: mèo, gà, cá, thỏ,... Xác định các bộ phận chính của con vật.

+ Tham khảo các hình minh hoạ trong SGK (tr.65, 66, 67) và Vở thực hành, thống nhất hai cách thực hành và vật liệu, hoạ phẩm để tạo sản phẩm và trang trí chấm, nét, hình lặp lại theo ý thích trên sản phẩm con vật nuôi của nhóm.

+ Phân công nhiệm vụ theo nhóm nhỏ và các thành viên thực hành tạo sản phẩm theo cách thực hành nhóm đã chọn.

+ Các thành viên cùng quan sát nhau trong thực hành để có thể góp ý, nhận xét sản phẩm thống nhất với ý tưởng chung của nhóm.

+ Tập hợp các sản phẩm đơn lẻ từ các nhóm nhỏ và của cá nhân; các thành viên phối hợp ghép, tạo sản phẩm nhóm.

+ Đặt tên cho sản phẩm, thảo luận, thống nhất một số nội dung trình bày giới thiệu sản phẩm. Ví dụ: tên sản phẩm, cách thực hành, vật liệu được sử dụng, giới thiệu hình khối và những chi tiết được lặp lại trên sản phẩm,...

Một số lưu ý đối với GV:

– Quan sát, nắm bắt được mức độ HS thực hành, để có thể đưa ra gợi mở, thị phạm hướng dẫn, hoặc hỗ trợ HS kịp thời. Ví dụ: Sử dụng kéo an toàn; chọn vật liệu khối, giấy phù hợp hình dáng và các bộ phận của con vật; trang trí hình lặp lại bằng bút màu, màu goát hoặc giấy màu; đính ghép các bộ phận tạo nên sản phẩm; giữ vệ sinh quần áo, bàn ghế, lớp học,...

Cánh Diều

– Tuỳ vào thực tế sản phẩm đang thực hành của HS, GV có thể nêu vấn đề, trao đổi với HS và gợi mở, khích lệ HS sáng tạo, chia sẻ ý tưởng, bày tỏ cảm xúc,... Ví dụ: Nhóm em tạo sản phẩm con vật nuôi nào? Sản phẩm của nhóm được làm từ vật liệu nào? Hình khối nào được sắp xếp lặp lại trên sản phẩm?...

– Sử dụng những thông tin thu được trong thực hành và kết hợp với các hoạt động học tập khác của HS để thực hiện đánh giá quá trình sát thực hơn.

2.3. Tổ chức HS trưng bày sản phẩm và trao đổi, nhận xét, chia sẻ cảm nhận

– Tổ chức HS trưng bày sản phẩm: GV có thể hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm trên bàn, bục để dễ đi xung quanh quan sát. Sắp xếp các sản phẩm theo nhóm tên con vật hoặc nhóm sản phẩm 2D, nhóm sản phẩm 3D,...

– Tổ chức HS nhận xét, chia sẻ cảm nhận, có thể kết hợp:

+ Vận dụng gợi ý trong SGK.

+ Căn cứ vào quá trình thực hành, thảo luận và sản phẩm cụ thể của HS để gợi ý nội dung HS trao đổi, thảo luận, nhận xét,... tập trung vào mục tiêu bài học, hình thức thực hành và phù hợp thời lượng dành cho hoạt động và kĩ năng, tốc độ nói của HS.

– Nhận xét, đánh giá: GV dựa vào sự trao đổi, chia sẻ của HS và kết quả thực hành, để nhận xét (toàn lớp/từng nhóm/từng cá nhân,...) và gợi mở HS nhớ lại hoạt động thực hành, thảo luận và liên hệ vận dụng sản phẩm.

HOẠT ĐỘNG 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục *Vận dụng*

– GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh giới thiệu thuộc phần *Vận dụng* trong SGK và sản phẩm con vật nuôi thật (nếu có). GV gợi mở HS nhận ra:

+ Có thể tạo sản phẩm con vật nuôi dạng khối và kết hợp: cắt, dán vẽ trang trí hình lặp lại trên sản phẩm con vật.

+ Có thể vẽ hình con vật nuôi và trang trí hình lặp lại bằng màu sẵn có.

+ Có thể sử dụng sản phẩm con vật nuôi làm đồ chơi, làm quà tặng, trang trí trên tường,...

– GV có thể tham khảo gợi ý tổ chức DH mục này ở *Phần hai, Hoạt động 3 (tr.36, 37)* của SGV để vận dụng DH phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Cánh Diều

HOẠT ĐỘNG 4. Tổng kết bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV tóm tắt nội dung chính của bài học hoặc GV có thể gọi 1 hoặc 2 HS nêu nội dung chính của bài học; GV nhận xét kết quả học tập (chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,...; mức độ tham gia các hoạt động học tập; ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo quản sản phẩm, công cụ, đồ dùng;...); kết hợp giáo dục ý thức bảo vệ vật nuôi nói riêng, động vật nói chung trong đời sống hằng ngày.

– GV nhắc HS: Xem trước Bài 15 và chuẩn bị đồ dùng, công cụ theo hướng dẫn ở mục *Chuẩn bị*. GV có thể nhắc HS chuẩn bị thêm đồ dùng, vật liệu, hoạ phẩm,... phù hợp với ý tưởng DH về nội dung Bài 15.

Bài 15. TRANG PHỤC EM YÊU THÍCH

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật như sau:

– Nêu được đặc điểm trang phục của một số ngành nghề quen thuộc, biết liên hệ một số bộ phận chính của trang phục với các hình cơ bản.

– Sử dụng được các hình cơ bản lặp lại để tạo sản phẩm trang phục theo ý thích, biết sử dụng chấm, nét, hình để trang trí và trao đổi, chia sẻ trong thực hành.

– Trưng bày, giới thiệu và chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm trang phục yêu thích. Bước đầu biết được có thể tạo nhiều sản phẩm trang phục khác nhau từ các hình cơ bản.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển năng lực chung và một số năng lực đặc thù phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần hình thành, phát triển năng lực tính toán, được biểu hiện như: *biết vận dụng sự hiểu biết về đơn vị đo độ dài để xác định kích thước, tỉ lệ các bộ phận của trang phục.*

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số phẩm chất chủ yếu như: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm,... phù hợp với một số biểu hiện như đã nêu ở

Mục I, Phần một của SGV; trong đó, bồi dưỡng lòng nhân ái, được biểu hiện như: *tôn trọng sản phẩm trang phục của bạn bè; quý trọng những đóng góp của các ngành nghề trong đời sống.*

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK, Vở thực hành, vật liệu giấy đã qua sử dụng, giấy màu thủ công, bút chì, tẩy chì, băng dính/hồ dán, kéo,...

2. Giáo viên: SGK, SGV, Vở thực hành, vật liệu giấy đã qua sử dụng, giấy màu thủ công, kéo, bút chì, băng dính/hồ dán; sản phẩm mĩ thuật, hình ảnh minh hoạ liên quan đến nội dung bài học; máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, gợi mở, thảo luận, nêu và giải quyết vấn đề, luyện tập/thực hành,...

2. Kĩ thuật dạy học: Động não, bể cá,...

3. Hình thức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

Cánh Diều

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG 1. Ổn định lớp, khởi động, giới thiệu bài học

Cách 1: GV sưu tầm clip trình diễn thời trang và trình chiếu, tổ chức HS quan sát; gợi mở HS chia sẻ, kết hợp giới thiệu nội dung bài học.

Cách 2: GV tổ chức HS quan sát một số trang phục thật như: áo, quần, váy được làm từ các chất liệu, kiểu dáng, màu sắc khác nhau mà GV đã chuẩn bị trước. Ở mỗi trang phục, GV gợi mở HS nêu đặc điểm hình dáng, màu sắc,... từ đó, GV tóm lược và kết hợp giới thiệu nội dung bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

2.1. Tổ chức HS quan sát, nhận biết

2.1.1. Sử dụng hình ảnh các nhân vật mặc trang phục (tr.68, 69)

– GV hướng dẫn HS quan sát và giao nhiệm vụ: HS thảo luận và trả lời câu hỏi trong SGK.

– GV có thể gợi mở rõ hơn: Nêu tên trang phục trên mỗi hình ảnh; giới thiệu ngành nghề tương ứng với hình trang phục, điểm nổi bật của trang phục ngành nghề đó,...

– Sau khi HS trả lời, GV nhận xét và chốt lại một số nội dung kiến thức cho HS: Trang phục của mỗi ngành nghề, công việc và đặc điểm, chi tiết để nhận dạng mỗi trang phục đó.

2.1.2. Sử dụng hình minh hoạ các sản phẩm trang phục

Áo mèo con; Áo hoa; Váy công chúa; Áo của em (tr.69):

– GV hướng dẫn HS quan sát, thảo luận và trả lời câu hỏi. Ví dụ:

+ Nêu một số bộ phận chính của mỗi trang phục, các bộ phận đó giống hình cơ bản nào? Bộ phận nào được lặp lại trên trang phục?

+ Trên mỗi trang phục được trang trí lặp lại như thế nào?

– Sau khi HS trả lời, GV nhận xét và gợi nhắc HS:

+ Có nhiều trang phục khác nhau như: áo phông, áo sơ mi, váy,...

+ Có thể sử dụng chấm, nét, hình, màu để trang trí lặp lại trên trang phục.

+ Có thể tạo được nhiều sản phẩm trang phục khác nhau từ các hình cơ bản,...

– GV sử dụng hình ảnh sưu tầm (nếu có): Giới thiệu đặc điểm nổi bật của một số trang phục, một số nghề nghiệp tương ứng với trang phục; từ đó, GV giúp HS thấy được sự đa dạng về kiểu dáng, màu sắc, chất liệu trang phục của các ngành nghề, công việc khác nhau và những đóng góp của các nghề trong đời sống xã hội.

Lưu ý: Dựa vào khả năng của HS, GV có thể đưa ra những câu hỏi gợi mở ở các mức độ khác nhau (câu hỏi biết, hiểu, vận dụng). Với HS có năng lực khá, GV có thể đưa ra những câu hỏi mở rộng, giới thiệu thêm về một số trang phục quen thuộc khác; lợi ích của mỗi loại trang phục đối với con người mà HS biết,...

2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo sản phẩm và thảo luận

2.2.1. Hướng dẫn cách tạo sản phẩm trang phục em yêu thích (tr.70, 71)

* Tạo hình và trang trí áo đồng phục HS nam (tr.70).

– GV hướng dẫn HS quan sát hình minh hoạ và yêu cầu HS thảo luận, giới thiệu cách thực hành theo cảm nhận.

– GV nhận xét câu trả lời của HS, kết hợp phân tích, gợi mở hướng dẫn hoặc thị phạm minh hoạ cách tạo sản phẩm và tương tác với HS dựa trên hình minh hoạ trong SGK.

– Hình thành ý tưởng: GV gợi ý HS có thể lựa chọn áo đồng phục nam màu trắng, màu xanh, kiểu dáng, tay áo ngắn, dài,...

Bước 1: Chuẩn bị vật liệu và công cụ thực hành

Giấy trắng A4, giấy màu thủ công, kéo, thước kẻ, keo dán/hồ dán (tuỳ vào điều kiện thực tế, GV có thể gợi ý hướng dẫn HS chuẩn bị vật liệu và công cụ sao cho phù hợp).

Bước 2: Tạo bộ phận của áo (các hình cơ bản tương ứng)

+ GV chuẩn bị trước một tờ giấy trắng A4, trên đó vẽ một số hình cơ bản có kích thước khác nhau, mỗi hình tương ứng với một bộ phận của áo (cổ áo, thân áo, tay áo hình chữ nhật, khuy/cúc áo hình tròn nhỏ,...).

+ Từ các hình đã vẽ trên tờ giấy A4, sử dụng kéo cắt (hoặc dùng tay xé) để lấy các hình tương ứng (hình minh hoạ trong SGK).

Bước 3: Dán, ghép các bộ phận/chi tiết để tạo sản phẩm: Gấp và xếp dán, liên kết các hình cơ bản đã tạo được với nhau để tạo nên sản phẩm.

Bước 4: Trang trí làm đẹp sản phẩm: Cắt/xé dán trang trí thêm một số chi tiết như nét viền trên túi áo, cổ áo, tay áo hoặc tên trường, lớp,... tạo điểm nhấn và sự hấp dẫn thêm cho sản phẩm. Hoặc có thể vẽ thêm chấm, nét, hoạ tiết trang trí lặp lại theo ý thích cho trang phục.

Lưu ý:

+ GV có thể thao tác trực tiếp việc vẽ và cắt/xé các hình. GV thao tác với tốc độ vừa phải, trong quá trình thao tác, GV kết hợp dùng lời giải thích để HS nắm được cách tạo hình và sắp xếp, trang trí sản phẩm.

+ Tuỳ vào điều kiện và khả năng của HS, GV có thể hướng dẫn hoặc không hướng dẫn HS thực hiện bước 4 hoặc nếu vẫn thực hiện bước 4 thì không sử dụng cắt/xé dán các chi tiết mà hướng dẫn HS sử dụng bút màu vẽ các chi tiết cần thiết để trang trí làm đẹp sản phẩm.

* Tạo hình và trang trí trang phục biểu diễn nghệ thuật

– GV hướng dẫn HS quan sát hình minh hoạ và yêu cầu HS thảo luận, giới thiệu cách thực hành theo cảm nhận.

– GV nhận xét câu trả lời của HS, kết hợp phân tích, gợi mở hướng dẫn hoặc thị phạm minh hoạ cách tạo sản phẩm và tương tác với HS dựa trên hình minh hoạ trong SGK.

Cánh Diều

– Hình thành ý tưởng: GV gợi mở HS có thể lựa chọn trang phục biểu diễn cho nam hoặc nữ, sản phẩm trang phục mô phỏng theo trang phục dân tộc các vùng miền khác nhau hoặc chọn một loại trang phục biểu diễn nghệ thuật theo ý thích của HS.

Bước 1: Chuẩn bị vật liệu và công cụ thực hành

Giấy trắng A4, giấy màu thủ công, kéo, thước kẻ, keo dán/hồ dán (tuỳ vào điều kiện thực tế, GV có thể gợi ý hướng dẫn HS chuẩn bị vật liệu và công cụ sao cho phù hợp).

Bước 2: Tạo bộ phận của trang phục (các hình cơ bản tương ứng)

+ GV chuẩn bị trước một tờ giấy trắng A4, trên đó vẽ một số hình cơ bản có kích thước khác nhau, mỗi hình tương ứng với một bộ phận của trang phục (thân áo, tay áo hình chữ nhật, thân váy hình tam giác).

+ Từ các hình đã vẽ trên tờ giấy A4, sử dụng kéo cắt (hoặc dùng tay xé) để lấy các hình tương ứng (hình minh hoạ trong SGK).

Bước 3: Trang trí các bộ phận của trang phục

Sử dụng bút màu vẽ trang trí các nét, hình lặp lại theo ý thích lên các hình cơ bản tương ứng với các bộ phận của trang phục. (GV có thể hướng dẫn HS thực hiện trang trí làm đẹp sản phẩm sau khi ghép dán các bộ phận với nhau).

Bước 4: Dán, ghép các bộ phận/chi tiết để tạo sản phẩm

Ghép dán, liên kết các bộ phận (hình cơ bản đã tạo được) với nhau để tạo nên sản phẩm. GV thao tác ghép dán lần lượt thân áo, tay áo, yếm, thân váy với nhau.

Lưu ý:

+ GV có thể hướng dẫn HS thay đổi thứ tự thực hiện bước 3 và bước 4.

+ GV có thể thao tác trực tiếp việc vẽ và cắt/xé các hình (các bộ phận của trang phục), GV thao tác chậm, vừa phải. Trong quá trình thao tác, GV kết hợp dùng lời giải thích để HS nắm được cách tạo hình và sắp xếp, trang trí làm đẹp sản phẩm.

+ GV gợi ý, hướng dẫn HS trang trí chấm, nét, hình cơ bản lặp lại ở phần nẹp áo, tay áo, thân váy,... HS sử dụng bút màu sáp/dạ vẽ các chấm, nét, hình cơ bản lặp lại theo ý thích để tạo hoạ tiết làm đẹp sản phẩm.

2.2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo và tập thảo luận, trao đổi

– GV giao bài tập: HS thực hành tạo sản phẩm trang phục theo ý thích. GV tổ chức HS thực hành theo nhóm.

– GV hướng dẫn, gợi mở nhóm phân chia thực thành, thành viên thực hiện nhiệm vụ:

+ Lựa chọn một trong hai hướng thực hành tạo sản phẩm trang phục em yêu thích đã giới thiệu trong SGK.

+ Tham khảo sản phẩm trang phục trong SGK (tr.71) và trang trí nét, hình lặp lại theo ý thích.

– GV có thể sưu tầm và giới thiệu thêm hình ảnh hoặc sản phẩm thật về trang phục khác nhau cho HS tham khảo.

Một số lưu ý đối với GV:

– Quan sát, nắm bắt được khả năng, mức độ HS thực hành để có thể đưa ra gợi mở, thị phạm hướng dẫn, hoặc hỗ trợ HS kịp thời. Ví dụ: sử dụng kéo an toàn; trang trí chấm, nét, hình lặp lại bằng giấy màu, bút màu, màu goát; đính, ghép các bộ phận tạo nên sản phẩm trang phục theo ý thích; giữ vệ sinh quần áo, bàn ghế, lớp học,...

– Nhắc HS quan sát các bạn trong nhóm thao tác thực hành, quan sát sản phẩm của bạn/các bạn để có thể học tập hoặc góp ý, đặt câu hỏi, nêu ý kiến, chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận của mình/bạn.

– Tuỳ vào thực tế sản phẩm đang thực hành của HS, GV có thể nêu vấn đề, trao đổi với HS và gợi mở, khích lệ HS sáng tạo, chia sẻ ý tưởng, bày tỏ cảm xúc,... Ví dụ: Nhóm em tạo sản phẩm trang phục nào? Sản phẩm trang phục của nhóm được làm từ vật liệu nào? Sản phẩm trang phục của nhóm được tạo bởi những hình cơ bản nào?...

– Sử dụng những thông tin thu được trong thực hành và kết hợp với các hoạt động học tập khác của HS để thực hiện đánh giá quá trình sát thực hơn.

2.3. Tổ chức HS trưng bày sản phẩm và trao đổi, nhận xét, chia sẻ cảm nhận

– GV tổ chức HS trưng bày sản phẩm: GV có thể hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm theo nhóm và đặt tên cho nhóm sản phẩm như: Cửa hàng thời trang; Shop thời trang hè; Chuyên đồng phục học sinh,... Các sản phẩm nhóm có thể treo, trình bày, trang trí thêm để trông giống như một cửa hàng thời trang,...

– GV tổ chức HS nhận xét, chia sẻ cảm nhận, có thể kết hợp:

+ Vận dụng các câu hỏi gợi ý trong SGK.

+ Căn cứ vào quá trình thực hành, thảo luận và sản phẩm cụ thể của HS để gợi ý nội dung HS trao đổi, thảo luận, nhận xét,... tập trung vào mục tiêu bài học, hình thức thực hành và khả năng trình bày của HS sao cho phù hợp thời lượng dành cho hoạt động.

– Nhận xét, đánh giá: GV dựa vào sự trao đổi, chia sẻ của HS và kết quả thực hành, để nhận xét (toàn lớp/từng nhóm/từng cá nhân,...) và gợi mở HS nhớ lại hoạt động thực hành, thảo luận và liên hệ vận dụng sản phẩm.

HOẠT ĐỘNG 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục *Vận dụng*

– GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh giới thiệu trong phần *Vận dụng* (tr.72) và sản phẩm trang phục (nếu có). GV gợi mở HS nhận ra:

+ Có thể tạo sản phẩm trang phục yêu thích bằng nhiều hình thức, vật liệu khác nhau, như: xếp, gấp giấy; vẽ, in, cắt xé dán giấy; vật liệu khối kết hợp cắt dán trang trí,...

+ Có thể sử dụng sản phẩm trang phục yêu thích làm đồ chơi, trang phục cho búp bê, bộ sưu tập thời trang,...

– GV có thể tham khảo gợi ý tổ chức DH mục này ở *Phần hai, Hoạt động 3 (tr.36, 37)* của SGV để vận dụng DH phù hợp với điều kiện thực tiễn

HOẠT ĐỘNG 4. Tổng kết bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV tóm tắt nội dung chính của bài học hoặc GV có thể gọi 1 hoặc 2 HS nêu nội dung chính của bài học; GV nhận xét kết quả học tập (chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,...; mức độ tham gia các hoạt động học tập; ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo quản sản phẩm, công cụ, đồ dùng;...).

– GV nhắc HS: Xem trước Bài 16 và chuẩn bị đồ dùng, công cụ theo hướng dẫn ở mục *Chuẩn bị.* Có thể nhắc HS chuẩn bị thêm đồ dùng, vật liệu, hoạ phẩm,... phù hợp với ý tưởng DH của bản thân về nội dung Bài 16.

Bài 16. MỘT NGÀY THÚ VỊ CỦA EM

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật như sau:

– Nêu được hoạt động thú vị trong một ngày của mình hoặc người thân và cách tạo bức tranh kể về hoạt động đó.

– Kết hợp được một số hình thức tạo hình như: vẽ, xé, cắt, dán, in,... để sáng tạo sản phẩm về hoạt động thú vị và trao đổi, chia sẻ trong thực hành.

– Trưng bày, giới thiệu và chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm của mình/của bạn. Bước đầu biết kể chuyện theo nội dung bức tranh về một ngày thú vị của mình/nhóm mình.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển năng lực chung và một số năng lực đặc thù phù hợp với một số biểu hiện nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần hình thành, phát triển năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo và hợp tác được biểu hiện như: *biết lựa chọn công cụ, hoạ phẩm, vật liệu phù hợp với hình thức, thao tác tạo hình để sáng tạo sản phẩm; phối hợp với bạn để tạo sản phẩm về một ngày thú vị theo ý thích của nhóm.*

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số phẩm chất chủ yếu như: nhân ái, chăm chỉ, trung thực,... phù hợp với một số biểu hiện như đã nêu ở *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần bồi dưỡng tinh thần trách nhiệm, được biểu hiện như: *có ý thức với việc học tập và chủ động tham gia một số công việc phù hợp với bản thân trong gia đình, nhà trường và xã hội.*

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK, Vở thực hành, giấy màu, đất nặn, bút dạ, bút chì, kéo, hồ dán,...

2. Giáo viên: SGK, SGV, Vở thực hành, giấy màu, đất nặn, bút dạ, bút chì, kéo hồ dán,... máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nếu có).

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, luyện tập, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kĩ thuật dạy học: Đặt câu hỏi, động não, tia chớp,...

3. Hình thức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG 1. Ổn định lớp, khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể tham khảo một số gợi ý sau để tạo tâm thế học tập cho HS:

– Kiểm tra sĩ số và việc chuẩn bị đồ dùng, bài học của HS.

– Tổ chức hoạt động khởi động, giới thiệu bài. Ví dụ:

+ *Cách 1:* Nêu vấn đề, tổ chức cả lớp nghe và cùng hát bài hát "Trên con đường đến trường" (Nhạc sĩ: Ngô Mạnh Thu). GV yêu cầu HS tìm những cảnh vật/sự vật có trong trong bài hát. Từ đó, GV tóm lược và liên hệ giới thiệu nội dung bài học.

+ *Cách 2:* GV chia HS thành 2 đội, cung cấp một phần (1/4, 1/2) hình ảnh về một số hoạt động/công việc hằng ngày. GV yêu cầu HS đoán đó là hình ảnh gì. GV cung cấp toàn bộ hình ảnh, kết hợp gợi mở; từ đó liên kết giới thiệu nội dung bài học.

+ *Cách 3:* GV tổ chức HS hoạt động nhóm thông qua trò chơi "Tạo dáng", thời gian khoảng 3 – 4 phút. GV nêu, gợi tả về các hoạt động: học tập, vui chơi, lao động,... và yêu cầu HS hoặc nhóm HS biểu đạt các thế dáng, động tác của từng hoạt động. Các nhóm khác cùng đoán và nêu nội dung hoạt động. Kết thúc trò chơi, GV tóm lược và kết hợp giới thiệu nội dung bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

Dự kiến nội dung DH cho mỗi tiết học:

– *Tiết 1:* Thực hiện quan sát nhận biết và tạo hình nhân vật (tạo kho hình ảnh nhân vật).

– *Tiết 2:* Thực hiện tạo hình cảnh nền và các chi tiết phụ khác (tạo kho hình ảnh cảnh nền).

– *Tiết 3:* Thực hiện ghép nhân vật với phông cảnh nền; xây dựng nội dung câu chuyện; trưng bày và kể lại câu chuyện; giới thiệu, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm.

2.1. Tổ chức HS quan sát, nhận biết

2.1.1. GV giới thiệu một số hình ảnh hoạt động thường ngày ở địa phương (nếu có)

– GV giao nhiệm vụ: quan sát, thảo luận và kể tên những hoạt động trong ngày.

– HS trình bày, GV tóm lược: Có nhiều hoạt động trong một ngày như: học tập, chơi đùa, ăn uống,...

2.1.2. Sử dụng hình ảnh minh hoạ (tr.73)

– GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát và trả lời câu hỏi: Kể tên hoạt động trong mỗi hình ảnh.

– GV tóm tắt nội dung trả lời của HS và giới thiệu rõ hơn hoạt động thể hiện trong mỗi hình ảnh và tóm lược: Trong một ngày, mỗi chúng ta có rất nhiều hoạt động, công việc khác nhau, trong đó có nhiều hoạt động, công việc bổ ích, thú vị.

2.1.3. Sử dụng hình ảnh sản phẩm mĩ thuật (tr.74)

– GV yêu cầu HS quan sát, trao đổi, trả lời câu hỏi trong SGK.

– GV tóm lược ý kiến chia sẻ của HS:

Hai bức tranh thể hiện hoạt động: Đi học và chơi bóng đá, đây là 2 hoạt động gần gũi với các bạn nhỏ.

– GV có thể giới thiệu thêm một số sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật thể hiện các hoạt động thường ngày như: tượng, tranh in, tranh vẽ,... (nếu có/nên có).

– GV gợi nhắc HS và kết hợp tổng hợp Hoạt động 2.1.

– Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta có nhiều hoạt động thú vị.

– Có thể sáng tạo bức tranh về hoạt động thú vị yêu thích nhất.

– GV sử dụng câu hỏi gợi mở, nêu vấn đề,... để kích thích HS mong muốn thực hành sáng tạo sản phẩm. Ví dụ: Hoạt động mà em thấy thú vị nhất là hoạt động nào? Em có muốn sáng tạo bức tranh về hoạt động yêu thích nào không? Em muốn kể câu chuyện về bức tranh như thế nào?... GV giúp HS nhớ lại hoạt động thú vị và những kiểu dáng, tư thế, động tác,... của hình dáng cơ thể khi tham gia hoạt động đó.

2.2. Tổ chức HS thực hành, sáng tạo sản phẩm nhóm và thảo luận

2.2.1. GV hướng dẫn HS tìm hiểu cách thực hành

– GV tổ chức HS quan sát hình ảnh minh hoạ (tr.74, 75) và trao đổi, nêu cách sáng tạo bức tranh về hoạt động thú vị.

– GV tóm lược nội dung trình bày của HS và giới thiệu, gợi mở rõ hơn cách thực hiện dựa trên hình minh hoạ trong SGK:

Bước 1: Sau khi lựa chọn được hoạt động yêu thích và hình thành ý tưởng thể hiện, tiến hành tạo hình nhân vật thể hiện hoạt động, bằng cách: vẽ hình dáng nhân vật trên giấy màu (có thể vẽ trên mặt sau của tờ giấy màu), xé dán theo nét vẽ để có hình dáng nhân vật. (Ví dụ: hình minh hoạ tr.74).

GV lưu ý HS: Kích thước của hình ảnh các nhân vật cần tương đối đồng đều cho những nhân vật cùng lứa tuổi như HS, hoặc kích thước to, nhỏ cho hình ảnh nhân vật như: người lớn, trẻ em,...

Bước 2: Tạo hình cảnh nền cho hoạt động của các nhân vật (có thể vẽ hoặc cắt, xé dán, in,...) và các chi tiết, hình ảnh khác phù hợp với nội dung hoạt động như: cây, nhà, mặt trời, phương tiện,... Có thể tạo một số hình ảnh cảnh nền (kho cảnh nền) cho một nội dung hoạt động. (Ví dụ hình minh hoạ: tạo các hình ảnh, chi tiết khác tr.74).

Bước 3: Sắp xếp các hình nhân vật và các hình ảnh, chi tiết đã tạo được trên cảnh nền để hoàn thành bức tranh. Có thể bổ sung thêm hình ảnh, chi tiết khác trên bức tranh bằng cách vẽ hoặc cắt, xé, dán, in, nặn,... (Ví dụ: Em hãy cùng bạn tạo sản phẩm nhóm như hình minh hoạ ở tr.75).

Bước 4: Đặt tên cho bức tranh và xây dựng câu chuyện đơn giản theo nội dung bức tranh để giới thiệu, chia sẻ.

– Kết thúc phần hướng dẫn, GV có thể tổ chức HS quan sát một số sản phẩm của HS năm học trước hoặc lớp khác, tác phẩm mĩ thuật của hoạ sĩ và hình ảnh giới thiệu trong Vở thực hành; kết hợp gợi mở, giới thiệu, giúp HS có thêm tham khảo và nhận ra cách thể hiện nội dung hoạt động rõ hơn.

2.2.2. Tổ chức HS thực hành tạo sản phẩm nhóm và trao đổi, chia sẻ

– GV giao nhiệm vụ cho các nhóm:

+ Tạo bức tranh thể hiện về một hoạt động thú vị mà nhóm thích bằng cách kết hợp một số thao tác như: vẽ, xé/cắt dán, in, nặn,... theo ý thích.

+ Khuôn khổ bức tranh: A3 hoặc A2.

+ Vật liệu, hoạ phẩm cần sử dụng: bút chì, giấy màu, màu sáp hoặc màu dạ, màu goát, hồ dán. Có thể sử dụng thêm một số vật liệu, công cụ khác như: giấy báo, bìa giấy, đồ vật/lá cây dùng để in, đất nặn,...

– GV tham khảo hướng dẫn nhóm HS thực hiện như sau:

+ Thảo luận, thống nhất lựa chọn hoạt động yêu thích để thể hiện (văn nghệ, thể thao, trò chơi, mừng sinh nhật, trồng rau, tưới cây, vệ sinh môi trường,...).

+ Thảo luận, thống nhất hình ảnh các nhân vật chính thể hiện nội dung hoạt động và hình ảnh cảnh nền.

+ Phân công thành viên thực hiện tạo hình các nhân vật, tạo hình ảnh cho cảnh nền. Đối với tạo hình nhân vật, GV có thể hướng dẫn HS trong nhóm biểu đạt tư thế, dáng vẻ, động tác của hoạt động bằng ngôn ngữ cơ thể, giúp HS hình dung rõ hơn để vẽ và xé, dán (có thể vận dụng bước 1 của hoạt động "Cùng nhau vẽ" theo tinh thần Dự án SAEPS).

+ Thảo luận, thống nhất sắp xếp các nhân vật chính, chi tiết phụ khác trên cảnh nền và hoàn thành sản phẩm.

– GV gợi mở HS tham khảo một số cách thực hiện dưới đây:

+ Vận dụng các bước thực hành ở mục 2.2.1.

+ Vận dụng, tham khảo các cách thực hiện dưới đây:

Cách 1:

Bước 1: Thảo luận, lên kế hoạch sắp xếp các mảng hình của toàn bộ bức tranh.

Bước 2: Dùng bút chì vẽ phác hình các mảng lớn (nhân vật, cây, nhà,...).

Bước 3: Xé giấy màu theo các mảng hình đã vẽ phác, dán các hình hoàn thiện bức tranh.

Cách 2:

Bước 1: Tạo chung một cảnh nền.

Bước 2: Mỗi HS sáng tạo nhân vật của mình bằng đất nặn hoặc vẽ, xé dán, gắn nhân vật vào một que tre/que tính/que kem hoặc bìa carton cắt giống que tre/que kem để tay cầm.

Bước 3: Mỗi HS sẽ kết hợp cảnh nền với nhân vật đã tạo được và kể câu chuyện về một ngày thú vị của mình.

Lưu ý: Nếu thời gian cho phép, sau khi các thành viên kể câu chuyện riêng của cá nhân, GV có thể tổ chức HS sắp xếp các hình nhân vật trên nền tranh để tạo sản phẩm là bức tranh của nhóm.

GV khuyến khích HS ghép nhân vật do mình sáng tạo vào cảnh nền và kể câu chuyện của mình. Như vậy, cùng một cảnh nền có nhiều câu chuyện, tuỳ vào sự sáng tạo của HS.

Một số lưu ý đối với GV:

– Quan sát HS thực hành, nắm bắt mức độ thực hiện nhiệm vụ, thao tác thực hành với vật liệu, chất liệu, hoạ phẩm, bảo đảm vệ sinh, an toàn,... để có thể trao đổi, hướng dẫn, gợi mở, hỗ trợ HS kịp thời.

– Nhắc HS quan sát các bạn và đưa ra nhận xét/ý kiến. Ví dụ: nhân vật nam hay nữ, hoạt động cụ thể của nhân vật; sử dụng màu sắc cho nhân vật, cảnh nền và các hình ảnh, chi tiết khác; màu nào đậm/sáng nhất trong bức tranh; có hình ảnh, màu sắc, chấm, nét, hoặc chi tiết nào lặp lại trên trang phục, cảnh nền và toàn bức tranh,...

– Gợi mở HS chia sẻ cảm nhận về nội dung hoạt động, hình ảnh thể hiện, sản phẩm bức tranh của nhóm,... có thể vận dụng tình huống có vấn đề để thử thách, gợi mở HS ý tưởng sáng tạo.

– Sử dụng những thông tin thu được trong thực hành và kết hợp với các hoạt động học tập khác của HS để thực hiện đánh giá quá trình sát thực hơn.

Cánh Diều

2.3. Tổ chức HS trao đổi, chia sẻ cảm nhận và nhận xét về sản phẩm

– Tuỳ vào không gian lớp học, GV có thể hướng dẫn HS sử dụng bảng và giá vẽ hoặc sử dụng dây thép để treo bức tranh, có thể kết hợp trưng bày với trình chiếu.

– GV tổ chức HS quan sát toàn bộ và lần lượt các sản phẩm, gợi mở HS trao đổi, chia sẻ trong nhóm. Tuỳ vào khả năng liên tưởng, kể chuyện và thời lượng dành cho nội dung hoạt động mà có thể định hướng HS kể câu chuyện của nhóm mình, kết hợp giới thiệu sản phẩm với thuyết trình, biểu đạt ngôn ngữ cơ thể, diễn kịch,...

– Tổ chức HS trao đổi, chia sẻ và nhận xét các sản phẩm: GV có thể tham khảo một số gợi ý sau:

+ Vận dụng một số gợi ý trong SGK.

+ Nhóm em đã tạo sản phẩm bằng cách nào, sử dụng những vật liệu, hoạ phẩm gì? Nhóm em sử dụng những hình thức tạo hình nào (vẽ, nặn, in, xé, dán).

+ Nhóm em thích nhất sản phẩm và câu chuyện của nhóm nào?

+ Em thích hình ảnh nhân vật/cảnh nền nào ở sản phẩm của nhóm em/ nhóm bạn?

+ Câu chuyện của nhóm em/nhóm bạn giúp em có suy nghĩ gì về cuộc sống xung quanh?

– Dựa trên sự trao đổi, chia sẻ của HS, GV đánh giá kết quả thực hành, kích thích HS nhớ lại quá trình thực hành tạo sản phẩm từ các chất liệu đa dạng; đồng thời liên hệ với thực tiễn, gợi mở HS liên tưởng đến cách kể chuyện hấp dẫn hơn.

HOẠT ĐỘNG 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục *Vận dụng*

– GV tổ chức HS quan sát hình ảnh minh hoạ phần *Vận dụng* (tr.76) và gợi mở HS nhận ra có thể kết hợp: in, nặn, vẽ trong cùng một sản phẩm. GV có thể gợi mở HS chia sẻ thêm ý tưởng muốn thực hành tạo sản phẩm cá nhân.

– GV có thể tham khảo gợi ý tổ chức DH mục này *ở Phần hai, Hoạt động 3 (tr.36,37)* của SGV để vận dụng DH phù hợp với điều kiện thực tiễn.

HOẠT ĐỘNG 4. Tổng kết bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

– Dựa trên sự chuẩn bị bài học, quá trình học tập và kết quả thực hành của HS; đồng thời đối chiếu với mục tiêu bài học,... GV tổng kết, đánh giá kết quả học tập; kết hợp liên hệ bồi dưỡng ý thức trách nhiệm ở HS với công việc của cá nhân và các công việc khác trong gia đình, trường lớp,... phù hợp với bản thân; giúp HS thấy được mỗi hoạt động đều có ý nghĩa với bản thân và những người xung quanh,...

– GV sử dụng câu chốt cuối bài trong SGK để gợi nhắc HS.

– GV nhắc HS: Xem trước Bài 17 và chuẩn bị đồ dùng, sản phẩm đã làm theo hướng dẫn của SGV. GV có thể nhắc HS chuẩn bị thêm đồ dùng, vật liệu, hoạ phẩm,... phù hợp với ý tưởng DH của bản thân về nội dung Bài 17.

Bài 17. CÙNG NHAU ÔN TẬP HỌC KÌ 2

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

Bài học giúp HS ôn lại một số nội dung đã học phù hợp với các yêu cầu cần đạt như sau:

– Giới thiệu được những hình, khối lặp lại và cách sắp xếp chấm, nét, hình màu tạo nhịp điệu ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

– Cùng bạn trưng bày sản phẩm đã tạo được; giới thiệu, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm và nội dung đã học trong học kì 2, kết hợp tổng kết nội dung đã học trong năm học lớp 2.

– Chia sẻ được ý tưởng sử dụng sản phẩm vào đời sống thực tiễn.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS năng lực chung và một số năng lực đặc thù phù hợp với một số biểu hiện nêu tại *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần hình thành, phát triển năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, được biểu hiện như: *cùng bạn trao đổi, trưng bày, giới thiệu sản phẩm và nội dung đã học ở học kì 2, đã học trong năm học lớp 2.*

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS một số phẩm chất chủ yếu như: chăm chỉ, trách nhiệm,... phù hợp với một số biểu hiện như đã nêu tại *Mục I, Phần một* của SGV; trong đó, góp phần bồi dưỡng tình yêu nghệ thuật và cuộc sống, đức tính trung thực và lòng nhân ái, được biểu hiện như: *liên hệ sử dụng sản phẩm sáng tạo để làm đẹp cho bản thân và môi trường xung quanh; thẳng thắn bày tỏ, chia sẻ cảm xúc và nhận xét sản phẩm của mình, của bạn; tôn trọng sản phẩm do mình, bạn bè và người khác;...*

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK, Vở thực hành; sản phẩm đã tạo được trong học kì 2; đồ dùng, vật liệu, sản phẩm mĩ thuật do GV đã hướng dẫn chuẩn bị (ở tiết học trước) phù hợp với ý tưởng dạy học của GV.

2. Giáo viên: SGK, SGV, Vở thực hành, đồ dùng, vật liệu, hình ảnh minh hoạ, máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nếu có).

III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT, HÌNH THỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, vấn đáp, trò chơi, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề, liên hệ thực tiễn,...

2. Kĩ thuật dạy học: Kĩ thuật động não, phòng tranh, tia chớp, sơ đồ tư duy, bể cá,...

3. Hình thức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG 1. Ổn định lớp, khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể tham khảo một số gợi ý sau để tạo tâm thế học tập cho HS:

– Kiểm tra sĩ số HS; gợi mở HS giới thiệu sản phẩm do mình tạo ra trong học kì 2 và mang đến lớp để trưng bày.

– Tổ chức hoạt động khởi động, giới thiệu bài. Ví dụ:

Cách 1: Vận dụng kĩ thuật DH "sơ đồ tư duy"

– GV tổ chức HS quan sát sơ đồ tư duy hình ảnh minh hoạ (nên đơn giản) các yếu tố: hình, khối; sắp xếp chấm, nét, hình, màu sắc tạo nhịp điệu và gợi mở:

+ Nêu tên những hình ảnh và liên hệ với nội dung đã học.

+ Kể tên sản phẩm đã tạo được liên quan đến nội dung hình ảnh (không nên bắt buộc HS phải kể được).

– GV tóm tắt nội dung HS trả lời, liên hệ bài học.

Cách 2: Vận dụng kĩ thuật DH "tia chớp"

– GV lần lượt trình chiếu hình minh hoạ (nên đơn giản) các yếu tố: chấm, nét, hình, khối, màu sắc; kết hợp gợi mở HS chia sẻ thêm về những bài đã học ở học kì 2 liên quan đến mỗi hình ảnh.

Không đặt mục tiêu HS phải trả lời được hoặc đúng với từng bài học cụ thể.

– GV tóm tắt nội dung trả lời của HS và liên hệ với nội dung chính đã học.

HOẠT ĐỘNG 2. Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

2.1. Tổ chức HS quan sát, nhận biết

– Sử dụng hình ảnh (tr.77, 78).

+ GV hướng dẫn HS quan sát và giao nhiệm vụ: thảo luận, trả lời câu hỏi trong SGK.

+ GV có thể gợi ý rõ hơn: Mỗi hình ảnh gợi cho em biết đã tìm hiểu và thực hành tạo sản phẩm gì, sản phẩm thể hiện yêu cầu nào?

– GV tổ chức HS trình bày kết quả thảo luận, kết hợp trình chiếu hình ảnh và tạo sự tương tác giữa các nhóm HS như: nhận xét, bổ sung và gợi nhắc rõ hơn yêu cầu cần đạt/mục tiêu của mỗi bài học (nên kết hợp giới thiệu sản phẩm cụ thể của HS như: Vở thực hành, giấy A4, sản phẩm 3D nguyên mẫu hoặc ảnh chụp):

+ Chủ đề bài học.

+ Hình, khối, màu sắc, chấm, nét lặp lại.

+ Sắp xếp chấm, nét hoặc hình, màu gợi đường lượn có nhịp điệu.

+ Màu cơ bản, màu đậm, màu nhạt.

2.2. Tổ chức HS trưng bày sản phẩm và giới thiệu, chia sẻ về các bài học

2.2.1. Tổ chức HS trưng bày sản phẩm

GV có thể tham khảo một số gợi ý dưới đây:

– Trưng bày theo nội dung chủ đề, bài học.

– Trưng bày sản phẩm 2D, 3D hoặc trình diễn.

– Trưng bày sản phẩm theo chủ đề: đồ dùng cá nhân, phương tiện giao thông, sinh hoạt,...

– Trưng bày theo nhóm học tập.

– Trưng bày tại vị trí nhóm học tập hoặc trên bảng, trên giá,...

2.2.2. Hướng dẫn HS quan sát, giới thiệu sản phẩm và nội dung đã học

– GV có thể vận dụng kĩ thuật "bể cá" để tổ chức HS quan sát: quan sát lần lượt và tổng thể.

– GV có thể tổ chức HS trao đổi, thảo luận nhóm (cặp, nhóm nhỏ, nhóm lớn,...). GV gợi ý nhiệm vụ:

+ Chỉ ra mỗi sản phẩm trưng bày thuộc nội dung bài học nào?

+ Sản phẩm nào có hình, khối, màu sắc lặp lại?

+ Giới thiệu đường lượn trên sản phẩm của mình hoặc của bạn.

+ Chỉ ra các màu cơ bản, màu đậm, màu nhạt có trên một hoặc một số sản phẩm.

+ Giới thiệu hình thức tạo hình ở sản phẩm.

Cánh Diều

Một số lưu ý đối với GV:

– Cần quan sát HS thực hiện nhiệm vụ và gợi mở, tương tác với HS (một số cá nhân/nhóm) để nắm bắt mức độ đạt được mục tiêu bài học, yêu cầu cần đạt của chương trình lớp 2.

– Sử dụng những thông tin thu được trong thực hành và kết hợp với các hoạt động học tập khác của HS để thực hiện đánh giá quá trình sát thực hơn.

– GV tổ chức nhóm HS trình bày kết quả thảo luận và nhận xét, bổ sung giữa các nhóm:

+ Tuỳ nội dung chia sẻ của HS, GV có thể gợi mở, tạo sự tương tác giữa các nhóm HS trình bày với các HS trong lớp.

+ GV gợi mở HS chia sẻ những điều các em thích/chưa thích về các bài học/một số bài học/một bài học cụ thể.

2.3. Tổ chức HS chia sẻ cảm nhận

– GV nêu vấn đề, gợi mở HS chia sẻ ý tưởng, sự mong muốn đưa sản phẩm vào sử dụng trong đời sống.

– GV hướng dẫn HS chọn sản phẩm để chia sẻ ý tưởng sử dụng: Có thể chọn sản phẩm của mình hoặc của bạn trong nhóm/trong lớp.

– GV có thể tham khảo một số gợi ý dưới đây để gợi mở HS chia sẻ cá nhân hoặc nhóm:

+ Sản phẩm nào em thích nhất? Vì sao?

+ Em sẽ dùng sản phẩm của mình để làm gì?

+ Em đã học được những gì qua các chủ đề, bài học?

– GV có thể gợi ý HS đưa sản phẩm vào đời sống như:

+ Lựa chọn sản phẩm yêu thích để trưng bày tại lớp học/văn phòng nhà trường, hành lang lớp học,...

+ Lựa chọn sản phẩm tặng thầy/cô, bạn bè,...

+ Lựa chọn sản phẩm dự thi cấp trường với các lớp khác/khối khác,...

Cánh Diều

HOẠT ĐỘNG 3. Hướng dẫn tìm hiểu nội dung mục *Vận dụng*

– GV sử dụng tình huống có vấn đề, gợi mở HS có thể chia sẻ ý tưởng trưng bày sản phẩm của mình, của nhóm hoặc sản phẩm 2D, 3D.

– GV có thể giới thiệu thêm một số ứng dụng khác của sản phẩm hoặc cách trưng bày để sản phẩm hấp dẫn hơn.

– GV có thể tham khảo gợi ý tổ chức DH mục này ở *Phần hai, Hoạt động 3 (tr.36, 37)* của SGV để vận dụng DH phù hợp với điều kiện thực tiễn.

HOẠT ĐỘNG 4. Tổng kết bài học và nội dung môn học ở lớp 2

– GV tóm tắt nội dung chính của bài học; nhận xét kết quả học tập (chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,...; mức độ tham gia các hoạt động học tập; ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo quản sản phẩm, công cụ, đồ dùng;...) trong học kì 2 của HS (cố gắng cụ thể với từng cá nhân hoặc nhóm HS).

– GV kết hợp liên hệ bồi dưỡng ở HS ý thức chuẩn bị bài học để học tập hiệu quả hơn; có ý thức sử dụng sản phẩm để làm đẹp cho cuộc sống và môi trường xung quanh; tôn trọng các sản phẩm và ý tưởng sáng tạo của mỗi cá nhân và tập thể,...

– GV nhắc HS: Đọc lại nội dung đã học ở lớp 2. Khích lệ HS có thể thực hành, sáng tạo theo ý thích (trong thời gian trên lớp hoặc nghỉ hè) bằng cách sắp xếp, sử dụng chấm, nét, hình, khối, màu cơ bản, màu đậm, màu nhạt để có thể tạo nên sản phẩm cho mình.

Cánh Diều

PHỤ LỤC

BIỂU HIỆN VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu của học sinh cấp tiểu học

PHẨM CHẤT	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
Yêu nước	
	– Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên. – Yêu quê hương, yêu Tổ quốc, tôn trọng các biểu trưng của đất nước. – Kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với quê hương, đất nước; tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa đối với những người có công với quê hương, đất nước.
Nhân ái	
Yêu quý mọi người	– Yêu thương, quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình. – Yêu quý bạn bè, thầy, cô; quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè. – Tôn trọng người lớn tuổi; giúp đỡ người già, người ốm yếu, người khuyết tật; nhường nhịn và giúp đỡ em nhỏ. – Biết chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn, các bạn ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật và đồng bào bị ảnh hưởng của thiên tai.
Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	– Tôn trọng sự khác biệt của bạn bè trong lớp về cách ăn mặc, tính nết và hoàn cảnh gia đình. – Không phân biệt đối xử, chia rẽ các bạn. – Sẵn sàng tha thứ cho những hành vi có lỗi của bạn.
Chăm chỉ	
Ham học	– Đi học đầy đủ, đúng giờ. – Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập. – Ham học hỏi, thích đọc sách để mở rộng hiểu biết. – Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.

PHẨM CHẤT	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
Chăm làm	– Thường xuyên tham gia các công việc của gia đình vừa sức với bản thân. – Thường xuyên tham gia các công việc của trường lớp, cộng đồng vừa sức với bản thân.
Trung thực	
	– Thật thà, ngay thẳng trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày, mạnh dạn nói lên ý kiến của mình. – Luôn giữ lời hứa; mạnh dạn nhận lỗi, sửa lỗi và bảo vệ cái đúng, cái tốt. – Không tự tiện lấy đồ vật, tiền bạc của người thân, bạn bè, thầy cô và những người khác. – Không đồng tình với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.
Trách nhiệm	
Có trách nhiệm với bản thân	– Có ý thức giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khoẻ. – Có ý thức sinh hoạt nền nếp.
Có trách nhiệm với gia đình	– Có ý thức bảo quản, giữ gìn đồ dùng cá nhân và gia đình. – Không bỏ thừa đồ ăn, thức uống; có ý thức tiết kiệm tiền bạc, điện nước trong gia đình.
Có trách nhiệm với nhà trường và xã hội	– Tự giác thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường và các quy định, quy ước của tập thể; giữ vệ sinh chung; bảo vệ của công. – Không gây mất trật tự, cãi nhau, đánh nhau. – Nhắc nhở bạn bè chấp hành nội quy trường lớp; nhắc nhở người thân chấp hành các quy định, quy ước nơi công cộng. – Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường lớp. – Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi.

Cánh Diều

PHẨM CHẤT	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
Có trách nhiệm với môi trường sống	– Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích. – Có ý thức giữ vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi. – Không đồng tình với những hành vi xâm hại thiên nhiên.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung của học sinh cấp tiểu học

NĂNG LỰC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
Năng lực tự chủ và tự học	
Tự lực	Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.
Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng	Có ý thức về quyền và mong muốn của bản thân; bước đầu biết cách trình bày và thực hiện một số quyền lợi và nhu cầu chính đáng.
Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình	– Nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân; biết chia sẻ tình cảm, cảm xúc của bản thân với người khác. – Hoà nhã với mọi người; không nói hoặc làm những điều xúc phạm người khác. – Thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác.
Thích ứng với cuộc sống	– Tìm được những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề. – Thực hiện được các nhiệm vụ khác nhau với những yêu cầu khác nhau.
Định hướng nghề nghiệp	– Bộc lộ được sở thích, khả năng của bản thân. – Biết tên, hoạt động chính và vai trò của một số nghề nghiệp; liên hệ được những hiểu biết đó với nghề nghiệp của người thân trong gia đình.

NĂNG LỰC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
Tự học, tự hoàn thiện	– Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học. – Nhận ra và sửa chữa sai sót trong bài kiểm tra qua lời nhận xét của thầy cô. – Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết. – Có ý thức học tập và làm theo những tấm gương người tốt.
Năng lực giao tiếp và hợp tác	
Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp	– Nhận ra được ý nghĩa của giao tiếp trong việc đáp ứng các nhu cầu của bản thân. – Tiếp nhận được những văn bản về đời sống, tự nhiên và xã hội có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh như truyện tranh, bài viết đơn giản. – Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng. – Tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp.
Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn	– Biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn. – Nhận ra được những bất đồng, xích mích giữa bản thân với bạn hoặc giữa các bạn với nhau; biết nhường bạn hoặc thuyết phục bạn.
Xác định mục đích và phương thức hợp tác	Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.
Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân	Hiểu được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm sau khi được hướng dẫn, phân công.
Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác	Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật của các thành viên trong nhóm để đề xuất phương án phân công công việc phù hợp.

Cánh Diều

NĂNG LỰC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
Tổ chức và thuyết phục người khác	Biết cố gắng hoàn thành phần việc mình được phân công và chia sẻ giúp đỡ thành viên khác cùng hoàn thành việc được phân công.
Đánh giá hoạt động hợp tác	Báo cáo được kết quả thực hiện nhiệm vụ của cả nhóm; tự nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân theo hướng dẫn của thầy cô.
Hội nhập quốc tế	– Có hiểu biết ban đầu về một số nước trong khu vực và trên thế giới. – Biết tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế theo hướng dẫn của nhà trường.
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	
Nhận ra ý tưởng mới	Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.
Phát hiện và làm rõ vấn đề	Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.
Hình thành và triển khai ý tưởng mới	Dựa trên hiểu biết đã có, biết hình thành ý tưởng mới đối với bản thân và dự đoán được kết quả khi thực hiện.
Đề xuất, lựa chọn giải pháp	Nêu được cách thức giải quyết vấn đề đơn giản theo hướng dẫn.
Thiết kế và tổ chức hoạt động	– Xác định được nội dung chính và cách thức hoạt động để đạt mục tiêu đặt ra theo hướng dẫn. – Nhận xét được ý nghĩa của các hoạt động.
Tư duy độc lập	Nêu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng xung quanh; không e ngại nêu ý kiến cá nhân trước các thông tin khác nhau về sự vật, hiện tượng; sẵn sàng thay đổi khi nhận ra sai sót.

3. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của học sinh

NĂNG LỰC	THỂ HIỆN QUA CÁC HOẠT ĐỘNG
Ngôn ngữ	– Nghe; – Nói; – Đọc; – Viết.
Tính toán	– Nhận thức kiến thức toán học; – Tư duy toán học; – Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.
Khoa học	– Nhận thức khoa học; – Tìm hiểu tự nhiên, tìm hiểu xã hội; – Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.
Công nghệ	– Nhận thức công nghệ; – Giao tiếp công nghệ; – Sử dụng công nghệ; – Đánh giá công nghệ; – Thiết kế kĩ thuật.
Tin học	– Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông; – Ứng xử phù hợp trong môi trường số; – Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông; – Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học; – Hợp tác trong môi trường số.
Thể chất	– Chăm sóc sức khoẻ; – Vận động cơ bản; – Hoạt động thể dục thể thao.

Cánh Diều

MỤC LỤC

		Trang
Lời nói đầu		3
	Phần một	5
	MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT LỚP 2	
	Phần hai	30
	HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 2	
Chủ đề 1.	**HỌC VUI CÙNG MÀU SẮC**	38
	Bài 1. Vui chơi với màu	38
	Bài 2. Màu đậm, màu nhạt	45
Chủ đề 2.	**SÁNG TẠO VỚI NÉT**	52
	Bài 3. Cùng học vui với nét	52
	Bài 4. Sáng tạo cùng sản phẩm thủ công	59
Chủ đề 3.	**TRANG TRÍ BẰNG CHẤM, NÉT LẶP LẠI**	66
	Bài 5. Khu vườn vui vẻ	66
	Bài 6. Hộp bút thân quen	73
Chủ đề 4.	**VUI HỌC VỚI TRANH IN**	81
	Bài 7. Làm quen với tranh in	81
	Bài 8. Hoa, quả mùa xuân	88
	Bài 9. Cùng nhau ôn tập học kì 1	94
Chủ đề 5.	**NHỮNG HÌNH, KHỐI LẶP LẠI**	99
	Bài 10. Chiếc túi xách xinh xắn	99
	Bài 11. Phương tiện giao thông	106

Cánh Diều

Chủ đề 6. **NHỊP ĐIỆU VUI** 114
Bài 12. Làm quen với nhịp điệu 114
Bài 13. Chiếc bánh sinh nhật 120

Chủ đề 7. **CUỘC SỐNG VUI NHỘN** 127
Bài 14. Con vật nuôi quen thuộc 127
Bài 15. Trang phục em yêu thích 134
Bài 16. Một ngày thú vị của em 141
Bài 17. Cùng nhau ôn tập học kì 2 147

Phụ lục 153
BIỂU HIỆN VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

Cánh Diều

Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống

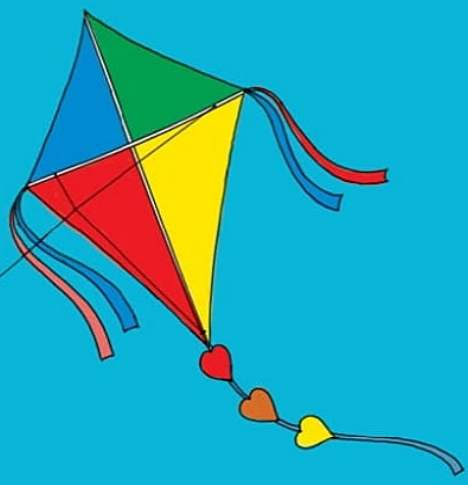

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2
Cánh Diều

1. Tiếng Việt 2 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 2 (Tập một, Tập hai)
3. Đạo đức 2
4. Tự nhiên và Xã hội 2
5. Giáo dục thể chất 2
6. Âm nhạc 2
7. Mĩ thuật 2
8. Hoạt động trải nghiệm 2
9. Tiếng Anh 2 Explore Our World

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 2 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC

TEM CHỐNG GIẢ

Dùng điện thoại quét mã QR để truy cập
trang web: https://canhdieu.monkey.edu.vn

ISBN 978-604-54-8096-0